TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ

MCK: DPM

20 năm
2003-2023

CHO MÙA BỘI THU

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022



MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG 1

06 Thông điệp lãnh đạo

10 Các danh hiệu tiêu biểu trong năm 2022

11 Kết quả hoạt động nổi bật giai đoạn 2018 - 2022

GIỚI THIỆU TỔNG CÔNG TY 2

16 Hành trình 20 năm

22 Chuỗi giá trị PVFCCo

24 Thông tin cổ phần, cơ cấu cổ đông

26 Mô hình hoạt động của Tổng công ty

28 Sơ đồ tổ chức , cơ cấu quản lý

30 Giới thiệu Hội đồng quản trị

30 Giới thiệu Ban kiểm soát

31 Giới thiệu Ban điều hành

32 Tổ chức và nhân sự

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2022 3

36 Tổng quan thị trường phân bón - hoá chất năm 2022 và dự báo 2023

43 Báo cáo hoạt động của Ban điều hành

55 Báo cáo của Hội đồng quản trị

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN 4

62 Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

63 Định hướng, mục tiêu chiến lược - tầm nhìn 2045

64 Mục tiêu phát triển cho các lĩnh vực cụ thể

64 Các chỉ tiêu chính về sản lượng và tài chính giai đoạn 2021 - 2025

QUẢN TRỊ CÔNG TY 5

68 Danh sách Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát năm 2022

69 Báo cáo Quản trị công ty

75 Báo cáo hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

76 Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát

80 Báo cáo hoạt động Quan hệ nhà đầu tư

82 Báo cáo nhận diện và công tác quản trị rủi ro

92 Báo cáo các giao dịch, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 6

96 Thông điệp của Tổng giám đốc

98 Mô hình hoạt động kiến tạo giá trị của PVFCCo

100 Báo cáo phát triển bền vững

104 Báo cáo về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường (ATSKMT)

112 Báo cáo về hoạt động trách nhiệm xã hội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 7

117 Báo cáo của Ban Tổng giám đốc

119 Báo cáo kiểm toán độc lập

120 Bảng cân đối kế toán hợp nhất

122 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

123 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

124 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Chương 1

THÔNG TIN CHUNG

VỮNG VÀNG **VỊ THẾ**

Những thành quả hết sức ấn tượng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh mà PVFCCo tạo dựng trong suốt 20 năm qua đã khẳng định được vai trò, vị thế của mình trong lĩnh vực phân bón, hóa chất dầu khí Việt Nam, góp phần tích cực vào sự phát triển của nền nông nghiệp và kinh tế đất nước.

THÔNG ĐIỆP LÃNH ĐẠO

Kính gửi Quý cổ đông, đối tác và đồng nghiệp!

Những dòng báo cáo thường niên này đến với Quý vị trong thời điểm PVFCCo chào mừng kỷ niệm 20 năm ngày thành lập (28/03/2003-28/03/2023), một cột mốc quan trọng trong suốt hành trình phát triển của doanh nghiệp chúng tôi!

Thay mặt Ban lãnh đạo, tôi chân thành cảm ơn về những nỗ lực, sự cống hiến vượt bậc của tập thể cán bộ công nhân viên, sự hỗ trợ, đồng hành của quý vị cổ đông, khách hàng, đối tác, các cơ quan ban ngành... trong năm qua và trong suốt chặng đường 2 thập kỷ trưởng thành để bước qua giai đoạn phát triển mới. Tôi tin rằng mỗi chúng ta chắc hẳn đều cảm thấy rất vinh dự và tự hào được là thành viên trong đại gia đình PVFCCo, là đối tác tin cậy cùng đồng hành và chứng kiến sự trưởng thành và lớn mạnh của Tổng công ty trong chặng đường phát triển 20 năm qua.

Các thế hệ PVFCCo đã cùng nhau kiến tạo nhiều thành quả giá trị. Kể từ khi Nhà máy đạm Phú Mỹ chính thức sản xuất thương mại từ tháng 9 năm 2004, đến nay PVFCCo đã sản xuất và cung ứng trên 14 triệu tấn phân đạm (urê) chất lượng cao ra thị trường, góp phần quan trọng bình ổn thị trường phân bón và đóng góp vào sự phát triển của nền nông nghiệp đất nước. Hiệu quả hoạt động của Tổng công ty luôn được duy trì ở mức cao với tỷ suất lợi nhuận ròng/doanh thu trung bình khoảng 20%, qua đó không ngừng gia tăng giá trị và lợi ích cho cổ đông, đối tác và xã hội.

Nhìn lại chúng ta không khỏi tự hào về sự tương đồng trong chặng đường 2 thập kỷ: Vào dịp kỷ niệm 10 năm thành lập, năm 2012 Tổng công ty chạm tới các kỷ lục lịch sử tính đến thời điểm đó, sản lượng Đạm Phú Mỹ đạt 856.000 tấn, tổng doanh thu đạt 13.906 tỷ đồng, tổng lợi nhuận trước thuế đạt 3.542 tỷ đồng. Đến nay năm 2022 hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cũng lại ghi dấu những kỷ lục mới ấn tượng hơn. Tổng doanh thu cán mốc trên 19.000 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 6.606 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 45% và 74% so với năm trước. Sản lượng sản xuất Đạm Phú Mỹ cũng đạt mức cao nhất từ trước tới nay là 917 nghìn tấn được sản xuất trong năm, tương đương 115% công suất thiết kế và thị phần còn vươn ra thị trường thế giới với lượng xuất khẩu 191 nghìn tấn urê.



DOANH THU NĂM 2022

19.013

tỷ đồng

▲ 45% so với năm 2021



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

6.606

tỷ đồng

▲ 74% so với năm 2021



Sản lượng bán hàng Urê Phú Mỹ năm 2022 đạt 791 nghìn tấn, tăng 6% so với năm 2021. Trong đó sản lượng xuất khẩu Urê đạt 191 nghìn tấn, gấp 3 lần năm trước.

Sản lượng bán hàng được duy trì ở mức cao trong bối cảnh nhu cầu trong nước sụt giảm mạnh đã hỗ trợ PVFCCo tiếp tục gia tăng thị phần trong nước.

Ước tính, thị phần Urê và NPK Phú Mỹ chất lượng cao năm 2022 là 46% và 19%, tăng tương ứng 8,3% và 1% so với năm 2021.

Trong năm, Tổng công ty cũng ra mắt bộ sản phẩm phân bón mới "Phú Mỹ Garden" (Vườn Phú Mỹ) dành riêng cho phân khúc khách hàng tại các vùng đô thị.

THÔNG ĐIỆP LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Thành quả năm 2022 sẽ được ghi nhớ trong lịch sử hoạt động của Tổng công ty bởi chúng ta đạt được trong môi trường hoạt động tiếp tục chứng kiến nhiều bất ổn và biến động khó lường. Cuộc xung đột Nga – Ukraina đã đẩy giá năng lượng, giá nông sản tăng vọt và đe dọa khủng hoảng chuỗi cung ứng nông nghiệp toàn cầu; Lạm phát tại Mỹ và các nước Châu Âu tăng cao nhất trong nhiều thập kỷ qua, đồng đô la Mỹ tăng giá mạnh gây sức ép lên đồng tiền nội tệ, ảnh hưởng sâu sắc tới cuộc sống hàng ngày của mọi người dân; Thị trường phân bón thế giới tiếp tục trải qua nhiều biến động từ nguồn nguyên liệu, cung – cầu, giá bán... đã tác động mạnh tới diễn biến thị trường trong nước. Trong năm 2022, nhu cầu sử dụng các loại phân bón tại Việt Nam ước tính giảm mạnh từ 20%-30%, chủ yếu do tác động từ sự gián đoạn chuỗi cung ứng, giá bán tăng cao vượt mức chi trả của người nông dân.

Trong bối cảnh đó, PVFCCo đã tập trung nguồn lực để vận hành các xưởng sản xuất tại Nhà máy đạm Phú Mỹ an toàn, ổn định, tiếp tục kiểm soát tiết giảm chi phí, đặc biệt chú trọng tới công tác dự báo nhằm chủ động đưa ra các giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh phù hợp để khai thác tối đa các lợi thế, tận dụng tốt các cơ hội nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động chung. Theo đó, mặc dù sản lượng bán hàng trong nước sụt giảm nhưng đã được bù đắp khi nhu cầu xuất khẩu và giá bán tăng cao, qua đó hỗ trợ tăng trưởng mạnh với doanh thu, lợi nhuận đều đạt mức cao kỷ lục.

Ngoài việc đạt kết quả sản xuất kinh doanh ấn tượng, trong năm 2022 Tổng công ty cũng thực hiện nhiều giải pháp nhằm thích ứng nhanh với những biến động, thay đổi trong môi trường kinh doanh. Trong đó, Tổng công ty đã hoàn thiện chuyển đổi quy trình làm việc dựa trên văn phòng số giúp tối ưu và đẩy nhanh quy trình xử lý công việc cả trong và ngoài hệ thống. Cùng với việc triển khai dự án chuyển đổi số, Tổng công ty cũng tiếp tục thực hiện tái cơ cấu hệ thống để thích ứng với bối cảnh mới và nhu cầu nguồn lực cho chiến lược đầu tư phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Bên cạnh đó, với sứ mệnh đồng hành cùng xây dựng nền tảng vững bền cho nền nông nghiệp Việt Nam, trong năm 2022 PVFCCo đã gia tăng nguồn lực để đẩy mạnh các hoạt động trách nhiệm xã hội, trong đó đặc biệt ưu tiên tới các dự án hỗ trợ nông dân và các hộ gia đình nghèo, đối tượng trẻ em chịu nhiều ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19... Đặc biệt, trong dịp Tết nguyên đán Kỷ Mão, Tổng công ty đã tiếp tục thực hiện chương trình "Xuân yêu thương – Tết sẻ chia", trao tặng gần 30.000 phần quà Tết trị giá gần 20 tỷ đồng tại 200 phường xã thuộc 50 tỉnh thành trên cả nước.

Bước sang năm 2023, những khó khăn từ chính trị, kinh tế thế giới và trong nước sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động của Tổng công ty. Mức độ ảnh hưởng sẽ tùy thuộc vào triển vọng giải quyết khủng hoảng chính trị tại Nga – Ukraina cũng như chính sách trừng phạt của Mỹ và các nước phương Tây đối với Nga, dự báo sẽ tiếp tục tác động tới thị trường năng lượng toàn cầu. Ngoài ra, lạm phát và lãi suất tăng cao là những yếu tố có thể đẩy nền kinh tế toàn cầu vào suy thoái.

Đối với ngành phân bón, mặc dù nhu cầu tiêu thụ nội địa dự báo sẽ phục hồi tăng trưởng trở lại so với năm 2022 tuy nhiên khả năng tiêu thụ sẽ vẫn ở mức thấp hơn so với năm 2021. Tuy nhiên, với vị thế dẫn đầu thị trường cùng hệ thống hoạt động được củng cố vững chắc, tôi hoàn toàn tin tưởng rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục phát huy lợi thế cạnh tranh, hoàn thành tốt các chỉ tiêu đề ra, tiếp tục gia tăng lợi ích cho cổ đông, đối tác và tập thể PVFCCo. Ban lãnh đạo PVFCCo đã đặt ra các mục tiêu cụ thể cho từng mảng hoạt động trong đó ưu tiên củng cố và tối ưu nguồn lực về con người, công nghệ và tiềm lực tài chính, cụ thể như sau:

- Về sản xuất, kinh doanh: Đảm bảo vận hành nhà máy và các xưởng sản xuất an toàn, ổn định, đảm bảo chất lượng sản phẩm, thực hiện thành công đợt bảo dưỡng tổng thể Nhà máy đạm Phú Mỹ. Đồng thời, tiếp tục tìm kiếm nguồn khí ổn định dài hạn cho sản xuất phân đạm cùng với việc tăng cường quản trị chi phí nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh theo các mục tiêu trong chiến lược phát triển. Đối với hoạt động kinh doanh, tiếp tục gia tăng thị phần, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng cường và đổi mới hoạt động tiếp thị bán hàng nhằm củng cố hình ảnh, uy tín thương hiệu sản phẩm của PVFCCo.

- Về nguồn vốn: Tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và nguồn lực hiện có, trong đó xây dựng phương án tăng vốn điều lệ để trình các cấp thẩm quyền xem xét phê duyệt theo đúng các quy định của luật. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh công tác thoái vốn tại các công ty liên kết theo kế hoạch.

- Về đầu tư, phát triển sản phẩm mới: Vận hành hiệu quả Trung tâm Nghiên cứu & Ứng dụng mới thành lập, trong đó đẩy mạnh việc xúc tiến công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đầu tư các dự án hóa chất tại Nhà máy đạm Phú Mỹ tận dụng tối đa nguồn lực và hệ thống công nghệ sẵn có.

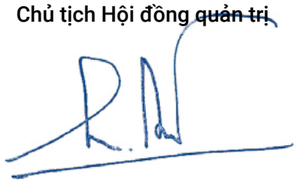
- Về phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng công nghệ thông tin: Tiếp tục các hoạt động tái tạo văn hóa doanh nghiệp, quan tâm chăm lo đời sống, sức khỏe, tinh thần, điều kiện làm việc và đảm bảo thu nhập cho người lao động PVFCCo; Tiếp tục nâng cao hiệu quả quản trị, hoàn thiện và tinh gọn hệ thống văn bản nội bộ thực hiện chuyển đổi số nhằm ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả hoạt động, quy trình xử lý công việc trong toàn hệ thống Tổng công ty.

- Bên cạnh đó, PVFCCo sẽ tiếp tục rà soát, hoàn thiện chiến lược phát triển trung và dài hạn cùng với việc chuyển đổi hoàn thiện mô hình hoạt động nhằm thích ứng với bối cảnh mới và tiệm cận với các mô hình quản trị doanh nghiệp niêm yết lớn.

Với những mục tiêu, nhiệm vụ và chương trình hành động đã được tập thể PVFCCo ủng hộ, chia sẻ cùng với sự đoàn kết và đồng lòng, chúng ta hoàn toàn tin tưởng rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục lớn mạnh trong năm 2023, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được cổ đông giao phó và kỳ vọng.

Thay mặt tập thể PVFCCo, tôi xin cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ của cổ đông, đối tác và các đồng nghiệp. Với những kết quả, thành tựu mà chúng ta đã đạt được trong năm 2022 và tích lũy trong 2 thập kỷ qua, chúng ta hoàn toàn lạc quan về tương lai và sự lớn mạnh về quy mô của PVFCCo. Tập thể PVFCCo tự tin sẽ cùng nhau chinh phục thử thách, củng cố vị thế dẫn đầu thị trường, gia tăng giá trị cho cổ đông, đối tác và tiếp tục vững bước trên chặng đường phát triển mới của hành trình **Cho Mùa Bội Thu!**

TM. Ban lãnh đạo,
Chủ tịch Hội đồng ~~quản trị~~



Hoàng Trọng Dũng



THỊ PHẦN URÊ

46%

▲ 8,3% so với năm 2021



THỊ PHẦN NPK

19%

▲ 1% so với năm 2021

CÁC DANH HIỆU TIÊU BIỂU TRONG NĂM 2022





Thương hiệu Phân bón Phú Mỹ tiếp tục giữ vững thương hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao (19 năm liên tiếp)



Top 50 công ty niêm yết tốt nhất năm 2022 (Do tạp chí Forbes Vietnam bình chọn)



Top 15 DNNY có năng lực quản trị tài chính tốt năm 2022 (Chương trình đánh giá năng lực hoạt động doanh nghiệp 2022 do Tạp chí Diễn đàn Doanh nghiệp phối hợp với Viện Nghiên cứu và Phát triển Doanh nghiệp, Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam, Hội các nhà Quản trị Doanh nghiệp Việt Nam phối hợp triển khai)



Bộ sản phẩm Phân bón Phú Mỹ tiếp tục được công nhận là Thương hiệu Quốc gia năm 2022 (lần thứ 5 liên tiếp)



Tiếp tục thăng hạng trong Bảng xếp hạng VNR500 – Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2022 (PVFCCo đứng thứ hạng 114 trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam)



PVFCCo được vinh danh trong Top 40 doanh nghiệp thực hiện các chương trình trách nhiệm xã hội thiết thực, hiệu quả (Chương trình bình chọn Saigon Times CSR 2022 của Thời báo Kinh tế Sài Gòn)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT GIAI ĐOẠN 2018-2022

Các kết quả hoạt động nổi bật giai đoạn 5 năm gần đây 2018 – 2022

	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	9.439	7.831	8.038	13.117	19.013
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	2.041	1.402	1.730	4.786	7.838
EBITDA	Tỷ đồng	1.450	1.124	1.477	4.393	7.183
Lãi cơ bản/cp	Đồng/cp	1.551	836	1.535	7.749	13.897
Tổng tài sản	Tỷ đồng	11.134	11.440	11.300	13.918	17.699
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	8.255	8.161	8.247	10.713	14.017

Một số kết quả nổi bật trong năm 2022

Cơ cấu doanh thu (phân bón & hóa chất) và tăng trưởng

DOANH THU PHÂN BÓN

16.753 tỷ đồng

▲ **44%** so với năm 2021

DOANH THU HÓA CHẤT

1.833 tỷ đồng

▲ **63%** so với năm 2021

DOANH THU THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU

3.348 tỷ đồng

▲ **277%** so với năm 2021 (888 tỷ đồng)

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

5.585 tỷ đồng

▲ **76%** so với năm 2021

TỔNG GIÁ TRỊ GIẢI NGÂN ĐẦU TƯ MUA SẮM

118 tỷ đồng

TIẾT KIỆM CHI PHÍ

229 tỷ đồng

đạt **450%** KH năm

Giá trị đóng góp cho cổ đông, người lao động, xã hội

TỶ LỆ TRẢ CỔ TỨC NĂM 2022

70% mệnh giá cổ phiếu (7.000 đồng/cổ phiếu)

ĐÓNG GÓP NGÂN SÁCH (số phải nộp)

1.521 tỷ đồng

▲ **91%** so với năm 2021

GIẢI NGÂN CHO CÁC HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI

91 tỷ đồng

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT GIAI ĐOẠN 2018-2022 (tiếp theo)

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẢNG – ĐOÀN THANH NIÊN

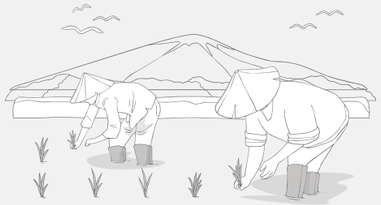
Các chương trình hỗ trợ nông dân



Phối hợp với Sở NN-PTNT các tỉnh thực hiện các mô hình trình diễn sử dụng phân bón tiết kiệm, hiệu quả.

Các chương trình hợp tác, giao lưu với đại lý, khách hàng, nhà cung cấp.

Các chương trình kết nối, hỗ trợ cộng đồng: Tặng quà Tết cho các hộ gia đình nghèo, trẻ em chịu tác động, ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19.



Chương trình "Bác sĩ nông học" phối hợp với các chuyên gia nông nghiệp đầu ngành tư vấn cho bà con nông dân các vấn đề liên quan tới sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.









Chương 2

GIỚI THIỆU TỔNG CÔNG TY

NẮM BẮT **THỜI CƠ**

Trong bối cảnh nền kinh tế luôn có những thuận lợi và thách thức đan xem, nhưng với tầm nhìn và hoạch định chiến lược rõ ràng của Ban Lãnh đạo PVFCCo, Công ty đã tận dụng tốt mọi cơ hội phát triển của thị trường và đạt những kết quả sản xuất kinh doanh ấn tượng, đồng thời tạo đà tăng trưởng bứt phá cho những năm tiếp theo.

HÀNH TRÌNH 20 NĂM



CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, HIỆU QUẢ VÀ NHÂN VĂN

Năm 2023 là năm PVFCCo ghi dấu chặng đường 20 năm hình thành và phát triển, tự hào với vai trò là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực chế biến dầu khí, đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của nền nông nghiệp nước nhà.

Trong 20 năm qua, tập thể cán bộ công nhân viên PVFCCo đã cùng nhau sát cánh, vượt qua những khó khăn và thử thách, không ngừng phát triển lớn mạnh, hoàn thành sứ mệnh trở thành doanh nghiệp dẫn đầu ngành phân bón và hóa chất, góp phần quan trọng trong việc đảm bảo an ninh lương thực.

Thương hiệu Đạm Phú Mỹ & Phân bón Phú Mỹ - Cho mùa bội thu tự hào khẳng định vị thế là thương hiệu quốc gia; thương hiệu sản phẩm dẫn đầu ngành nông nghiệp... Kể từ khi trở thành công ty đại chúng vào năm 2007, Tổng công ty luôn nằm trong nhóm những doanh nghiệp niêm yết hoạt động hiệu quả, dẫn đầu về khả năng sinh lời, cổ phiếu DPM vinh dự được xếp hạng trong nhóm cổ phiếu vàng Việt Nam (2009), thương hiệu chứng khoán uy tín, Top 50 Doanh nghiệp sinh lời...

Tới nay, ngoài nhà máy sản xuất phân đạm, PVFCCo đã mở rộng quy mô hoạt động, thêm các nhà máy sản xuất các sản phẩm phân bón và hóa chất mới nhằm không ngừng gia tăng chuỗi giá trị, không chỉ đối với khách hàng mà còn bao gồm các bên hưởng lợi liên quan.



"Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (tiền thân là Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí) - PVFCCo, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 02/2003/QĐ-VPCP ngày 28/3/2003 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ. Ngày 21/9/2004, Công ty Phân đạm và hóa chất dầu khí tiếp nhận Nhà máy đạm Phú Mỹ từ Tổ hợp nhà thầu Technip – Samsung và chính thức đi vào hoạt động với chức năng tổ chức quản lý, vận hành Nhà máy đạm Phú Mỹ và kinh doanh các sản phẩm phân bón và hóa chất.

Dự án Nhà máy đạm Phú Mỹ do PVFCCo sở hữu, vận hành là công trình đầu tiên của ngành hóa dầu tại Việt Nam, được coi là một biểu tượng của sự phát huy nội lực một cách hiệu quả, góp phần quan trọng thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhằm đưa những thành tựu của nền công nghiệp hiện đại tới người nông dân, thể hiện đường lối liên minh công nông của Đảng và chính sách của Đảng và nhà nước. Từ ngày hoạt động đến nay dự án đã giúp tiết kiệm hàng tỷ đô la Mỹ tiền nhập khẩu phân bón cho đất nước.

Ngoài việc hình thành và củng cố cơ sở hạ tầng cho ngành dầu khí, những kinh nghiệm quý báu trong quá trình xây dựng và quản lý điều hành dự án này là nền móng để PVFCCo tiếp tục mở rộng hoạt động sang các dự án đầu tư mới góp phần quan trọng để ngành dầu khí hình thành và phát triển được một nguồn nhân lực vô cùng quan trọng chuẩn bị cho các dự án hóa dầu tiếp theo của ngành".

HÀNH TRÌNH 20 NĂM (tiếp theo)

Nhân dịp sinh nhật tròn 20 tuổi (28/3/2003-28/3/2023), Báo cáo thường niên 2022 điểm lại các cột mốc đáng ghi nhớ về thành tựu phát triển của PVFCCo trong 20 năm qua:



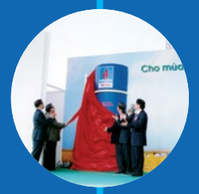
Năm 1996

Xuất phát từ tầm nhìn dài hạn của Chính phủ, ngành dầu khí Việt Nam nghiên cứu triển khai các dự án chế biến dầu khí, trong đó có dự án sản xuất phân đạm quy mô lớn từ nguồn nguyên liệu khí với các mục tiêu: tận dụng và nâng cao giá trị nguồn tài nguyên thiên nhiên, ứng dụng những thành tựu công nghệ hiện đại tới nông dân, tiết kiệm ngoại tệ nhập khẩu phân bón, đảm bảo an ninh lương thực và góp phần vào sự nghiệp phát triển nông nghiệp nước nhà.



Ngày 27/12/2000

Chính phủ ra quyết định giao cho Tổng công ty Dầu khí Việt Nam, nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam lập dự án khả thi để đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất phân đạm sử dụng từ nguồn khí thiên nhiên đầu tiên tại Việt Nam. Địa điểm của Nhà máy được đặt tại khu công nghiệp Phú Mỹ 1, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.



Ngày 12/03/2003

Khởi công xây dựng Nhà máy đạm Phú Mỹ.

Ngày 28/03/2003

Thành lập Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo).



Ngày 04/06/2004

Nhà máy đạm Phú Mỹ chạy thử thành công và chào đón mẻ sản phẩm urê đầu tiên.

Ngày 21/09/2004

PVFCCo nhận bàn giao chính thức Nhà máy đạm Phú Mỹ, công suất 450 nghìn tấn NH_3 và 740 nghìn tấn urê/năm.



Ngày 31/08/2007

PVFCCo chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Ngày 05/11/2007

Cổ phiếu DPM được niêm yết và giao dịch trên HoSE.



Ngày 15/05/2008

Chuyển đổi thành Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP.



Ngày 14/09/2010

Khánh thành cụm thu hồi khí thải CO_2, nâng công suất urê của Nhà máy đạm Phú Mỹ lên 800.000 tấn/năm.



Ngày 16/07/2011

Khánh thành trụ sở PVFCCo Tower tại 43 Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, TP. HCM.



Ngày 28/03/2013

Kỷ niệm 10 năm thành lập, đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhất.



Năm 2014

Chính thức vận hành Xưởng hóa phẩm Dầu khí, công suất 4.000 tấn/năm.

Ngày 23/12/2014

Thương hiệu Đạm Phú Mỹ của PVFCCo được chính thức công nhận là Thương hiệu Quốc gia 2014.



Ngày 12/12/2015

Khánh thành Xưởng sản xuất phụ gia UFC85/Formalin, công suất 15.000 tấn UFC85/năm, tương đương 25.000 tấn Formalin/năm.

Quý 3/2015

Khởi công xây dựng Tổ hợp dự án NH_3 (nâng công suất lên 540.000 tấn/năm) và Nhà máy NPK Phú Mỹ công suất 250.000 tấn/năm.



Ngày 06/05/2018

Chính thức vận hành Tổ hợp NH_3 mở rộng và Nhà máy NPK Phú Mỹ.

Ngày 28/03/2023

Kỷ niệm 20 năm thành lập.

HÀNH TRÌNH 20 NĂM (tiếp theo)

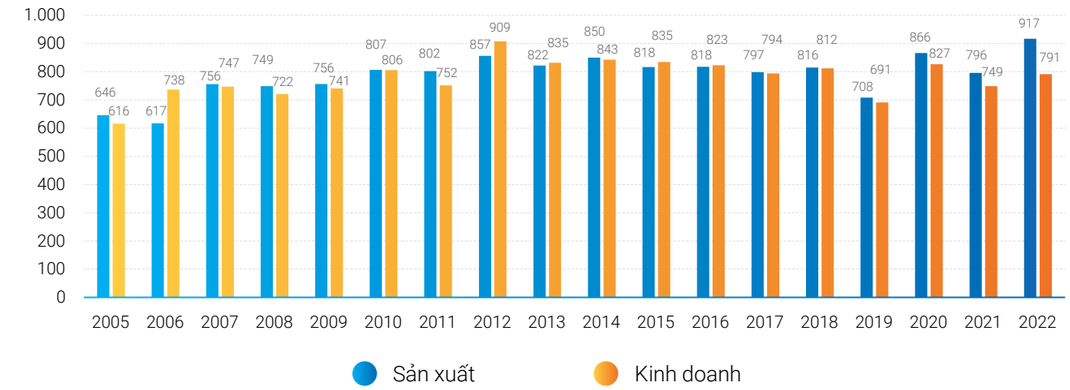
Trong giai đoạn 2005-2022, PVFCCo đã sản xuất và cung ứng hơn 14 triệu tấn urê Phú Mỹ, trên 500 nghìn tấn NPK Phú Mỹ cùng các sản phẩm hóa chất khác ra thị trường, tổng doanh thu trong giai đoạn 2005-2022 đạt gần 159 nghìn tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hơn 31 nghìn tỷ đồng, tương đương tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu 20%.

Trong giai đoạn 2005-2022, PVFCCo đã đóng góp vào ngân sách Nhà nước 8.062 tỷ đồng, giải ngân gần 1.200 tỷ đồng vào các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng.

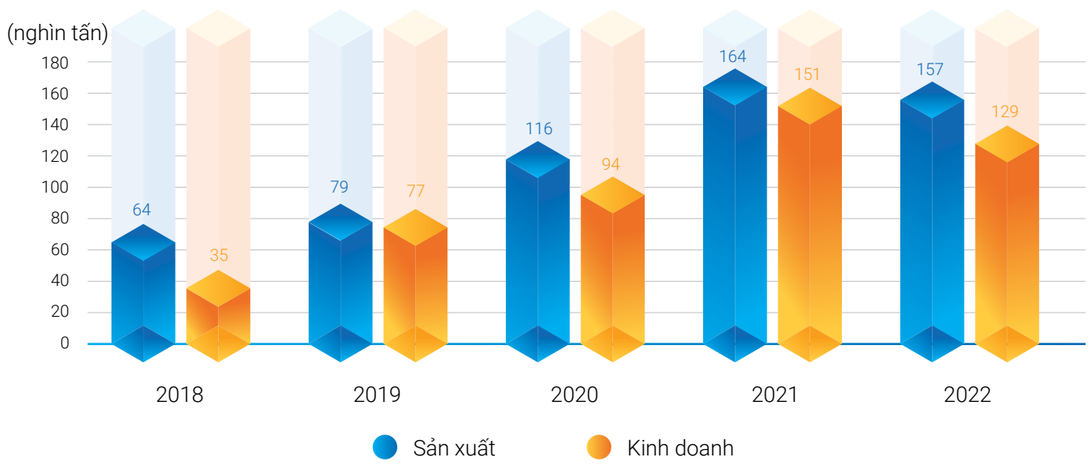


Biểu đồ sản lượng sản xuất – kinh doanh giai đoạn 2005 - 2022

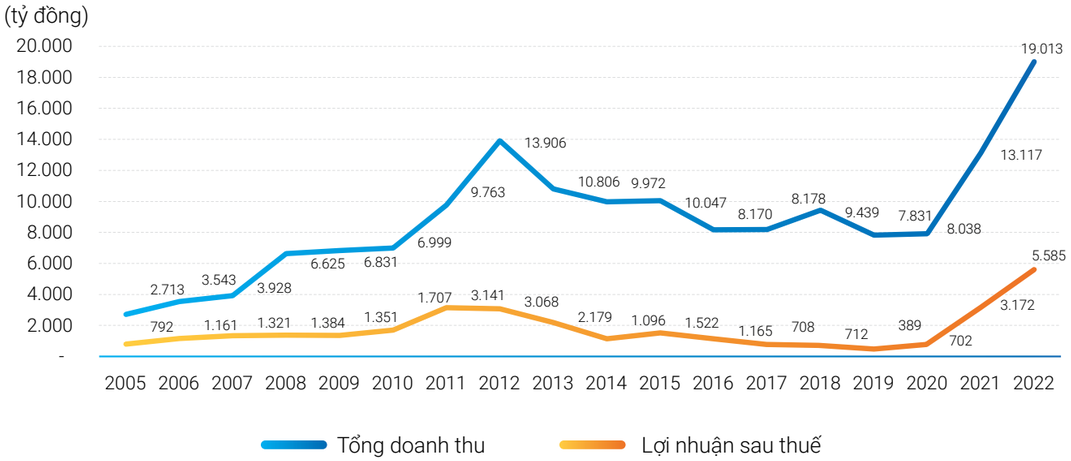
Sản lượng sản xuất – kinh doanh Đạm Phú Mỹ



Sản lượng sản xuất – kinh doanh NPK Phú Mỹ



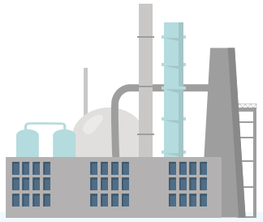
Doanh thu – lợi nhuận sau thuế giai đoạn 2005 – 2022





CHUỖI GIÁ TRỊ PVFCCo









NGUỒN LỰC

1.499
người

TỔNG DOANH THU

19.013
tỷ đồng

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ, KHẤU HAO, LÃI VAY (EBITDA)

7.183
tỷ đồng

SẢN XUẤT

PHÂN BÓN (URÊ, NPK)

1,1
triệu tấn

HÓA CHẤT (NH_3 THƯƠNG MẠI, UFC85, HÓA CHẤT DẦU KHÍ)

89
nghìn tấn

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

04
công ty phân phối tại các vùng miền

102
kho trung chuyển
sức chứa

253
nghìn tấn

Chi nhánh kinh doanh hóa chất tại TP. HCM

BÁN HÀNG

PHÂN BÓN (URÊ, NPK, PHÂN BÓN NHẬP KHẨU)

1,1
triệu tấn

136
nghìn tấn hóa chất
(NH_3, UFC85, CO_2,
hóa chất dầu khí)

KHÁCH HÀNG

83
đại lý cấp 1

2.280
đại lý cấp 2

KHÁCH HÀNG HÓA CHẤT
(các nhà máy sản xuất phân đạm, các dự án lọc hóa dầu...)

CHIA SẺ CỘNG ĐỒNG

GIẢI NGÂN

91
tỷ đồng
cho các chương trình
an sinh xã hội

XÂY DỰNG

150
nhà Đại đoàn kết

THỰC HIỆN

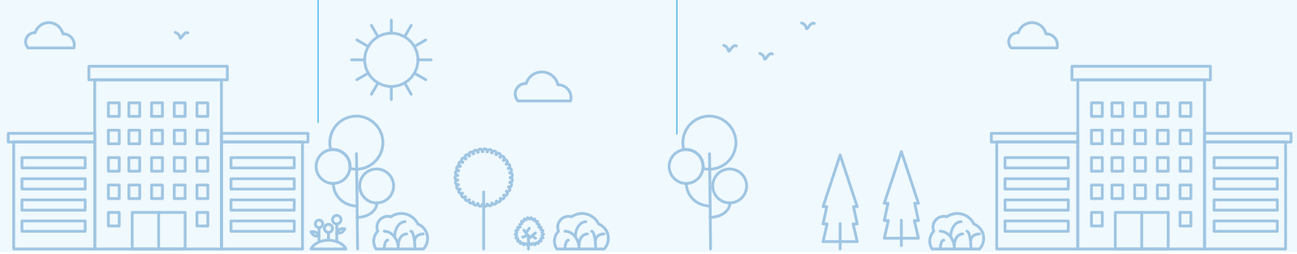
02
công trình/chương trình y tế

17
công trình giáo dục

Trao gần

30.000
phần quà xuân Quý Mão

Các dự án ý tế, giáo dục...



THÔNG TIN CỔ PHẦN, CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

VỐN CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần của Tổng công ty

391.400.000 cổ phần

tất cả đều là cổ phần phổ thông

Tại thời điểm cuối năm 2022
Tổng số cổ phần đang lưu hành
của Tổng công ty là

391.334.260 cổ phần

(trừ 65.740 cổ phiếu quỹ)

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2022, Tổng công ty không có sự thay đổi

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Tổng số cổ phiếu quỹ tại thời điểm đầu năm 2022

65.740 cổ phần

Trong năm 2022, Tổng công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.
Tổng số cổ phiếu quỹ tại thời điểm ngày 31/12/2022: 65.740 cổ phần.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập ngày 17/02/2023, tổng số cổ phần đang lưu hành là **391.334.260** cổ phần, sở hữu bởi **13.384** cổ đông.

Cổ đông trong nước

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần lưu hành
Pháp nhân	82	272.507.725	69,63%
Cá nhân	12.872	45.145.140	11,54%
Cộng	12.864	317.652.865	81,17%

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn trong nước

Tên cổ đông và địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần lưu hành
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam **Địa chỉ:** 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội. Tập đoàn kinh tế nhà nước thuộc sở hữu của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam **Website: www.pvn.vn**	Tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến, tàng trữ và vận chuyển dầu khí, làm dịch vụ dầu khí trong và ngoài nước; Kinh doanh vật tư, thiết bị trong ngành dầu khí; Kinh doanh, phân phối sản phẩm dầu khí và hóa dầu; Đầu tư sản xuất, kinh doanh điện, nhiên liệu sinh học, năng lượng tái tạo; Các ngành nghề kinh doanh phụ trợ liên quan đến lĩnh vực dầu khí, năng lượng.	233.204.253	59,59%

Cổ đông nước ngoài

Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài

Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ % trên tổng số cổ phần lưu hành
Pháp nhân	78	472.506.887	18,53%
Cá nhân	442	1.174.508	0,30%
Cộng	520	73.681.395	18,83%

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn nước ngoài: Không có

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Tổng công ty áp dụng mô hình quản trị theo quy định tại điểm a, khoản 1 điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2020, bao gồm:



CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Năm 2022 Tổng công ty gồm có 4 công ty con và 5 công ty liên kết, có góp vốn.

Các công ty nắm giữ từ 50% cổ phần trở lên:

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (PVFCCo North, mã chứng khoán: PMB) Địa chỉ: Tầng 4, 167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Kinh doanh phân bón, hóa chất	120.000	75%
2	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (PVFCCo Central, mã chứng khoán: PCE) Địa chỉ: Lô A2, cụm Công nghiệp Nhơn Bình, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Kinh doanh phân bón, hóa chất	100.000	75%
3	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (PVFCCo Southeast, mã chứng khoán: PSE) Địa chỉ: 27 Đinh Bộ Lĩnh, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh phân bón, hóa chất	125.000	75%
4	Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (PVFCCo Southwest, mã chứng khoán: PSW) Địa chỉ: 151/18 Trần Hoàng Na, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	Kinh doanh phân bón, hóa chất	170.000	75%

Các công ty nắm giữ dưới 50% vốn:

STT	Tên công ty	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (PVFCCo Packaging, mã chứng khoán: PMP) Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất, kinh doanh bao bì	42.000	43,35%
2	Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam (VNPOLY) Địa chỉ: Lô CN5.5 A Khu Công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm xơ sợi tổng hợp	2.165.110	25,99%
3	Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC) Địa chỉ: Tầng 4, 167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch	42.352	8,5%
4	Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC Mekong) Địa chỉ: Lô D - KĐT Dầu khí - Đường Ngô Quyền - P. 1 - TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Tư vấn thiết kế, thi công xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản	280.869	35,63%
5	Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, Xã Tài Văn, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng	Nuôi trồng chế biến và mua bán thủy, hải sản.	354.000	6,78%

Ngành nghề kinh doanh

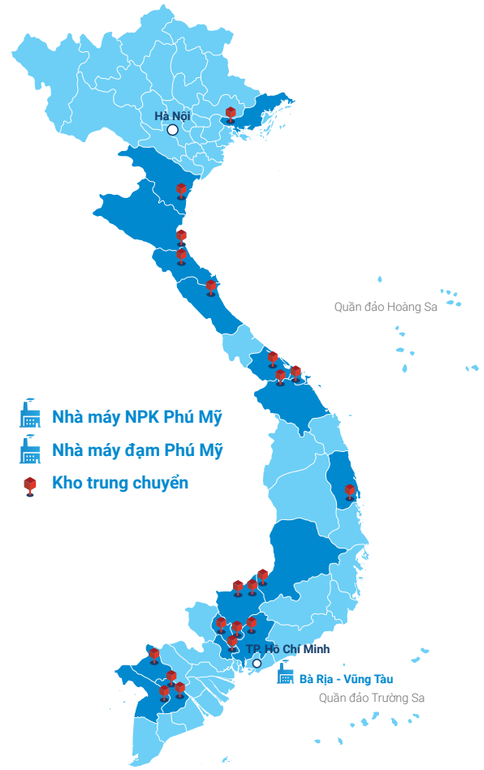
Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty là sản xuất, kinh doanh phân bón và hóa chất. Hiện nay sản phẩm chủ lực của Tổng công ty là phân đạm (urê) hạt trong, phân NPK, Kali, SA, DAP phục vụ cho nền nông nghiệp của đất nước, khí Amoniac lỏng, hóa chất UFC85/Formaldehyde, CO_2, hóa chất sử dụng trong hoạt động khai thác dầu khí.

Địa bàn kinh doanh chính

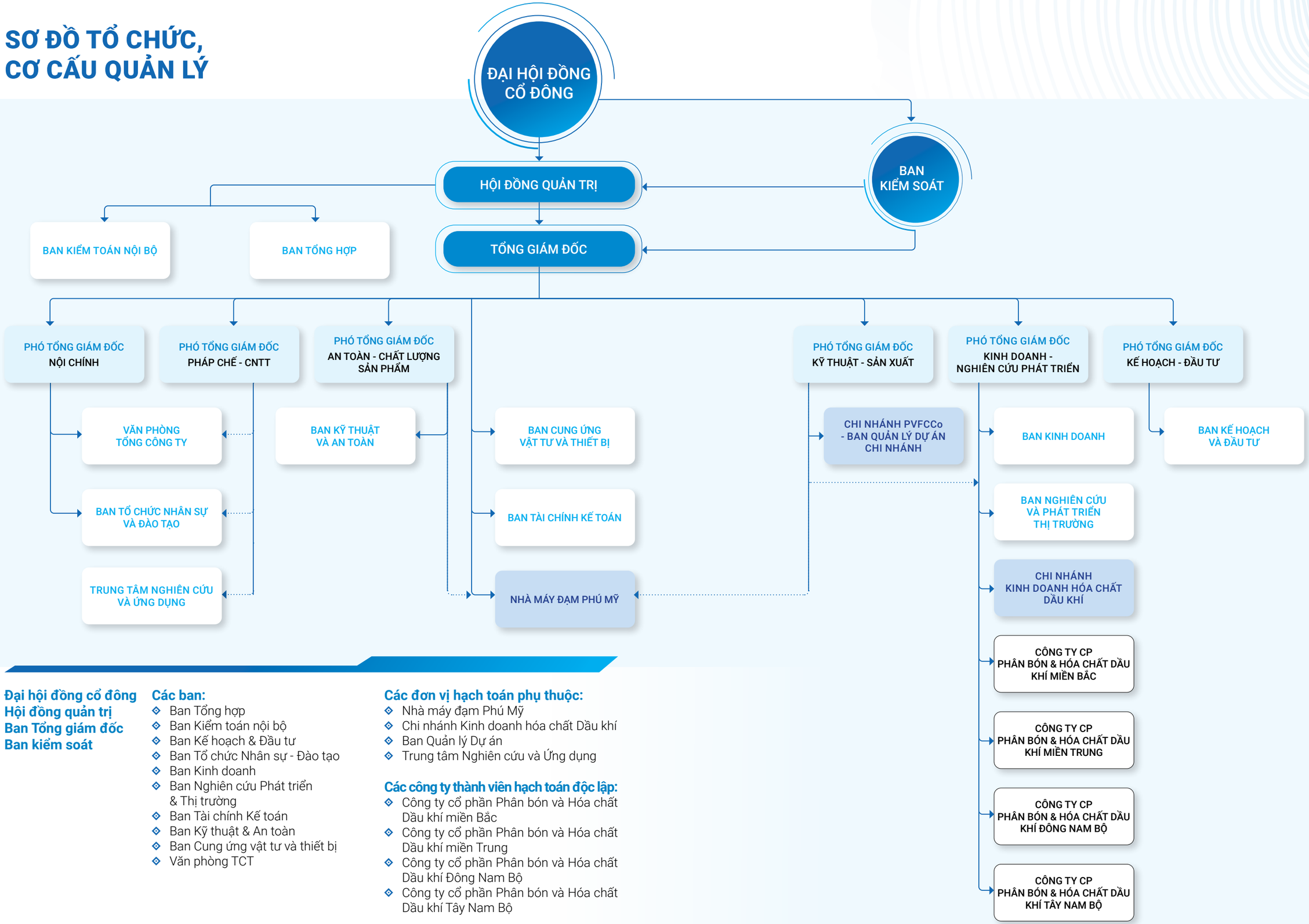
Hoạt động sản xuất chính của Tổng công ty tiến hành tại Nhà máy đạm Phú Mỹ, đơn vị trực thuộc Tổng công ty, đặt tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hoạt động kinh doanh phân bón của Tổng công ty trải rộng khắp các vùng canh tác nông nghiệp và cây công nghiệp trên khắp lãnh thổ Việt Nam thông qua hệ thống tiêu thụ sản phẩm hình thành từ các công ty con đóng trụ sở chính tại các khu vực: miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ. Bên cạnh thị trường nội địa, Tổng công ty cũng xuất khẩu sản phẩm phân bón đi nhiều nước, tập trung tại châu Á.

Về hóa chất, khách hàng và thị trường chủ lực được tập trung tại khu vực phía Nam và trong ngành dầu khí, sản xuất công nghiệp.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC, CƠ CẤU QUẢN LÝ



Đại hội đồng cổ đông
Hội đồng quản trị
Ban Tổng giám đốc
Ban kiểm soát

Các ban:

- Ban Tổng hợp
- Ban Kiểm toán nội bộ
- Ban Kế hoạch & Đầu tư
- Ban Tổ chức Nhân sự - Đào tạo
- Ban Kinh doanh
- Ban Nghiên cứu Phát triển & Thị trường
- Ban Tài chính Kế toán
- Ban Kỹ thuật & An toàn
- Ban Cung ứng vật tư và thiết bị
- Văn phòng TCT

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Nhà máy đạm Phú Mỹ
- Chi nhánh Kinh doanh hóa chất Dầu khí
- Ban Quản lý Dự án
- Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng

Các công ty thành viên hạch toán độc lập:

- Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc
- Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Trung
- Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ
- Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG HOÀNG TRỌNG DŨNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Năm sinh: 1973
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ, Thạc sĩ Kinh tế



ÔNG LÊ CỰ TÂN

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc
Năm sinh: 1967
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển; Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp, Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành Tự động hóa



ÔNG DƯƠNG TRÍ HỘI

Thành viên Hội đồng quản trị
Năm sinh: 1978
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện công nghiệp, Cử nhân Kinh tế Kế hoạch Đầu tư



ÔNG LOUIS T NGUYỄN

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
Năm sinh: 1963
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân khoa học
ngành Kế toán – Tài chính



ÔNG TRỊNH VĂN KHIÊM

Thành viên Hội đồng quản trị
Năm sinh: 1973
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

BAN KIỂM SOÁT



ÔNG HUỲNH KIM NHÂN

Trưởng Ban kiểm soát
Năm sinh: 1976
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính doanh nghiệp, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh



ÔNG LƯƠNG PHƯƠNG

Thành viên Ban kiểm soát
Năm sinh: 1973
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính tín dụng



ÔNG LÊ VINH VĂN

Thành viên Ban kiểm soát
Năm sinh: 1969
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân chuyên ngành
Tài chính Kế toán

BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG LÊ CỰ TÂN

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc
Năm sinh: 1967
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển; Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp, Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành Tự động hóa



ÔNG LÊ VĂN QUỐC VIỆT

Phó Tổng giám đốc
Năm sinh: 1962
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Kế hoạch



BÀ LÊ THỊ THU HƯƠNG

Phó Tổng giám đốc
Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh



BÀ TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO

Phó Tổng giám đốc
Năm sinh: 1970
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Ngoại thương



ÔNG CAO TRUNG KIÊN

Phó Tổng giám đốc
Năm sinh: 1976
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế



ÔNG ĐÀO VĂN NGỌC

Phó Tổng giám đốc
Năm sinh: 1977
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư Lọc hóa dầu



ÔNG TẠ QUANG HUY

Phó Tổng giám đốc
Năm sinh: 1978
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ hóa



ÔNG VÕ NGỌC PHƯƠNG

Kế toán trưởng
Năm sinh: 1978
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Tiền tệ - Tín dụng

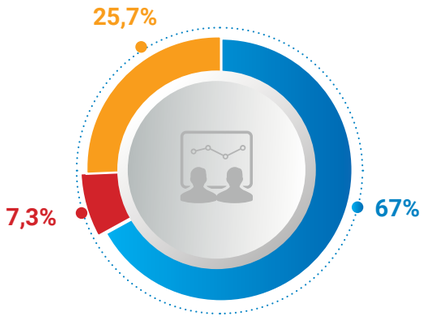


THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

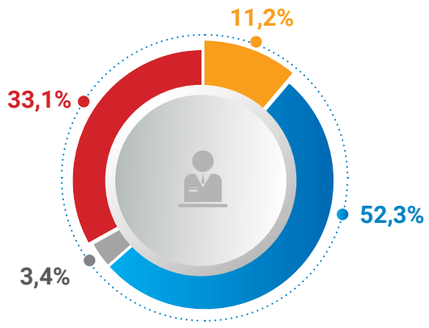
Năm 2022 Tổng công ty không có các thay đổi nhân sự trong HĐQT; Ban kiểm soát; Ban Tổng giám đốc.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Tổng số CBCNV toàn Tổng công ty tính đến thời điểm 31/12/2022 (gồm Công ty mẹ và công ty con): 1.499 người trong đó 356 lao động nữ, giảm 09 người so với năm 2021.



Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
Đại học, Cao đẳng trở lên	1.004	67%
Trung học chuyên nghiệp	110	7,3%
Công nhân kỹ thuật và trình độ khác	385	25,7%
Tổng cộng	1.499	100%



Phân công lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
Cán bộ lãnh đạo, quản lý	168	11,2%
Cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ	783	52,3%
Nhân viên phục vụ	52	3,4%
Công nhân các ngành nghề	496	33,1 %
Tổng cộng	1.499	100%

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách nhân viên

Tổng công ty đã xây dựng, ban hành và đưa vào áp dụng thang, bảng lương hướng tới mục tiêu trả lương theo thị trường, phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như tình hình thực tế SXKD. Theo đó Tổng công ty đã hoàn thành và đưa vào áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (KPI) và trả lương theo phương pháp 3P dựa trên kết quả đánh giá năng lực, kết quả thực hiện công việc cá nhân.

Tổng công ty thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo đúng các quy định của Luật bảo hiểm xã hội và các Quy định của Chính phủ. Ngoài ra Tổng công ty triển khai các chương trình bảo hiểm bổ sung: Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe người lao động, Bảo hiểm hưu trí tự nguyện, Bảo hiểm tai nạn khi đi công tác nước ngoài, Bảo hiểm nhân thọ cho Người lao động và các chức danh quản lý khác tùy theo điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng đã ban hành chính sách nhân viên theo đó duy trì, áp dụng các chính sách phúc lợi cho toàn thể CBCNV và một số chính sách có tính đãi ngộ đối với những người lao động giỏi, có trình độ quản lý và chuyên môn cao, bao gồm: Chế độ lương, thưởng, đào tạo, học tập, nghỉ ngơi, lưu trú và các chế độ phúc lợi khác.

Chính sách đào tạo



Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực luôn đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững, Tổng công ty quan tâm và xây dựng các cơ chế chính sách, hệ thống các quy chế, quy định đào tạo khoa học và mang tính khuyến khích CBCNV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, bao gồm các dịch vụ đào tạo từ bên ngoài và công tác đào tạo nội bộ.

Chương 3

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2022

NỖ LỰC CHUYỂN MÌNH

Xác định đổi mới không ngừng chính là chìa khoá để giữ vững vị trí dẫn đầu, PVFCCo đã và đang đẩy mạnh chiến lược chuyển đổi số, tối ưu phương thức hoạt động và nâng cao năng lực quản trị vận hành. Đồng thời, PVFCCo cũng nghiên cứu đầu tư để tạo ra những sản phẩm mới chất lượng cao, phù hợp xu hướng nông nghiệp hiện đại, góp phần cùng bà con nông dân tạo nên những vụ mùa bội thu.

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN-HÓA CHẤT NĂM 2022 VÀ DỰ BÁO 2023

CUNG CẦU PHÂN ĐẠM (URÊ) THẾ GIỚI 2022

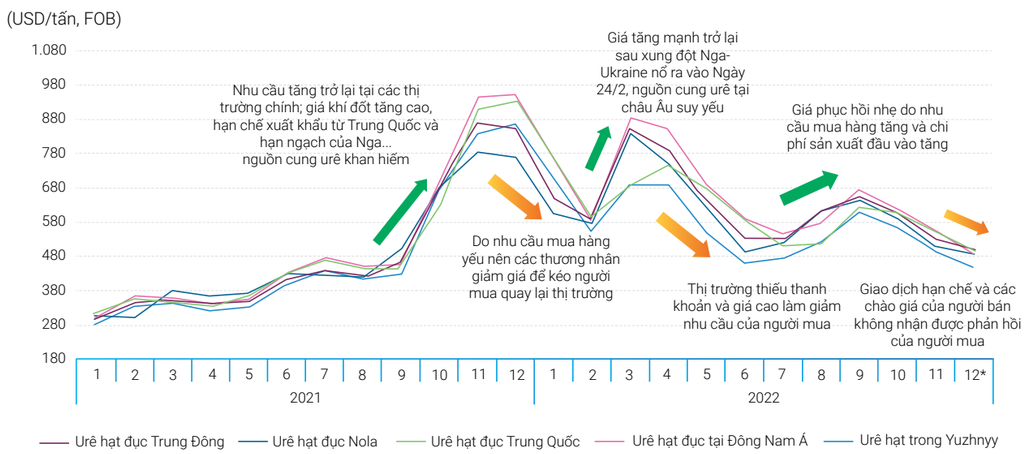
Trong năm 2022, nguồn cung urê toàn cầu dự kiến đạt 182-183 triệu tấn, tăng 2% so với năm 2021. Sản lượng tăng chủ yếu từ các thị trường như Nigeria, Brunei, Ấn Độ và Brazil bù đắp sự suy giảm tại khu vực châu Âu và châu Á. Theo đó, ngay từ tháng 2, nhà máy urê thứ 2 của Dangote Fertilizer tại Lekki (Nigeria) công suất 3 triệu tấn/năm (lớn thứ 2 thế giới) được đưa vào khai thác và nhà máy urê của Brunei Fertilizer Industries (BFI) có công suất 1,4 triệu tấn/năm tại Brunei cũng được đưa vào sản xuất thương mại. Ngược lại sản lượng urê có xu hướng giảm đến 50% tại châu Âu do ảnh hưởng bởi xung đột Nga-Ukraine từ cuối tháng 2 khiến cho nhiều nhà máy phải đóng cửa/tạm dừng sản xuất do thiếu nguyên liệu đầu vào. Tại châu Á, sự cố tại nhà máy Kaltim 5 của Pupuk Indonesia cùng với việc Trung Quốc tiếp tục hạn chế xuất khẩu urê đến cuối năm 2022 dẫn đến giảm sản lượng xuất khẩu.

Hiệp hội Phân bón quốc tế (IFA) dự kiến trong năm 2023 năng lực sản xuất phân đạm trên thế giới có thể được điều chỉnh giảm ở Nga, Ukraine và Belarus (dựa trên khả năng xuất khẩu của các nước này bị ảnh hưởng bởi các lệnh trừng phạt quốc tế và các vấn đề liên quan đến logistics ở Ukraine). Nguồn cung ở Tây và Trung Âu cũng được điều chỉnh dựa trên nguồn cung cấp khí đốt tự nhiên bị gián đoạn từ Nga.

GIÁ URÊ THẾ GIỚI 2022

Giá urê trong năm 2022 tăng 23-42% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó giá tăng mạnh trong quý 1 và được coi là thời điểm có giá cao nhất kể từ năm 1995 cho đến nay do ảnh hưởng bởi xung đột Nga-Ukraine làm suy yếu nguồn cung tại châu Âu; Tuy nhiên, giá quay đầu và suy yếu trong quý 2. Đến quý 3, giá được hỗ trợ tăng do giá khí đốt tăng mạnh làm nguồn cung urê suy yếu tại châu Âu. Sang quý 4, giá quay đầu giảm khi các chào giá của người bán không nhận được phản hồi của người mua.

Diễn biến giá Urê hạt đục trung bình theo tháng tại một số khu vực giai đoạn 2021-2022

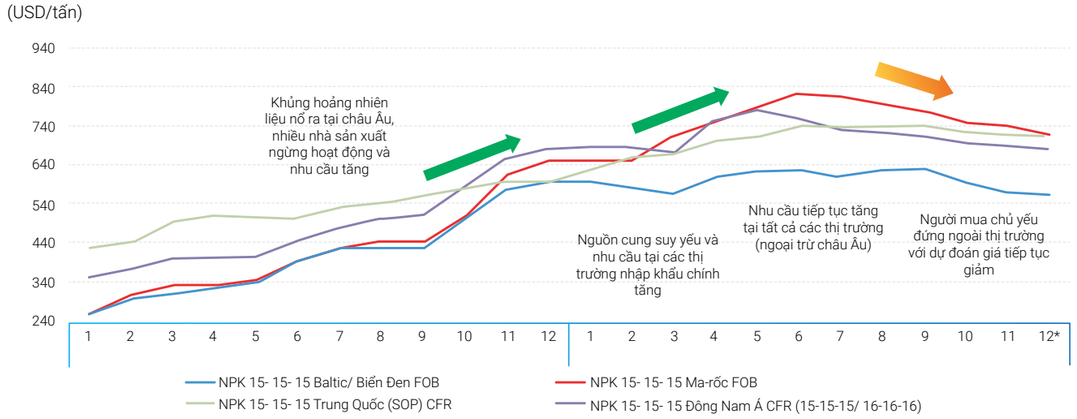


Nguồn: AgroMonitor (tháng 12: tính đến ngày 13/12)*

THỊ TRƯỜNG NPK

Tương tự urê, nguồn cung NPK thế giới năm 2022 suy yếu và giá NPK tăng mạnh 35-77% so với năm 2021 tại hầu hết các thị trường.

Diễn biến giá NPK trung bình theo tháng tại một số khu vực từ tháng 2021-2022.

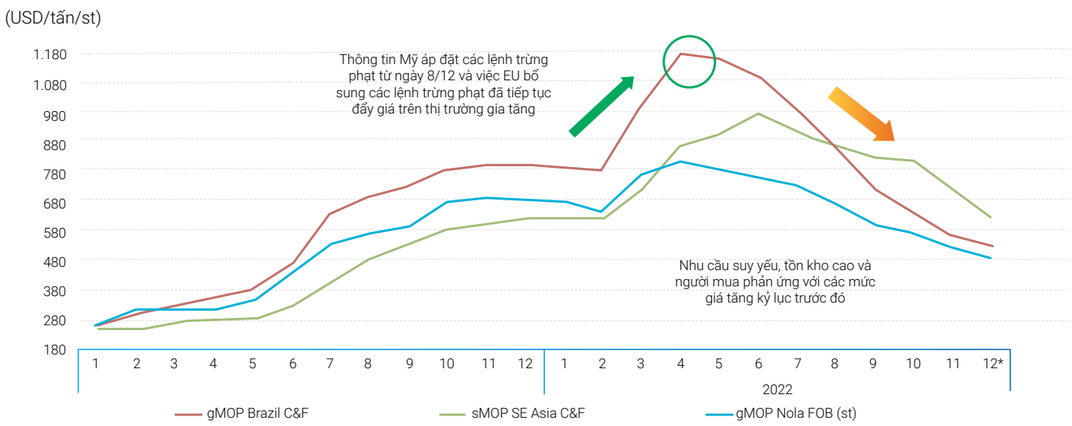


Nguồn: AgroMonitor (tháng 12: tính đến ngày 13/12)*

THỊ TRƯỜNG KALI (MOP)

Giá MOP thế giới trong năm 2022 tăng 62-94% so với năm 2021. Giá tăng chủ yếu trong quý 1 và nửa đầu quý 2, sau đó suy yếu dần đến cuối quý 4.

Diễn biến giá Kali bình quân tháng tại một số thị trường trên thế giới năm 2021-2022.



Nguồn: AgroMonitor (tháng 12: tính đến ngày 13/12)

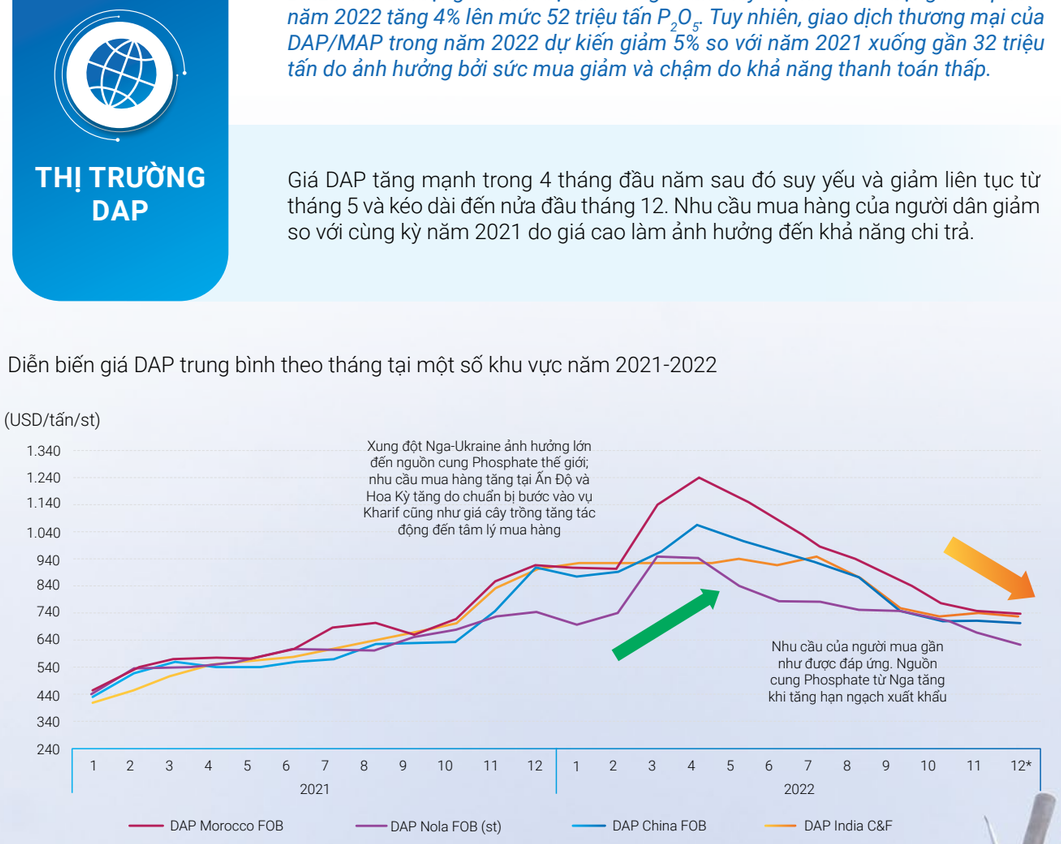
TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN-HÓA CHẤT NĂM 2022 VÀ DỰ BÁO 2023 (tiếp theo)

Trong năm 2022, sản lượng Axit photphoric thế giới dự kiến đạt 89 triệu tấn, tăng 7% so với năm 2021. Sản lượng tăng do được hỗ trợ từ việc phục hồi sản xuất ở Mỹ, Brazil và sản lượng tốt hơn dự kiến ở Nga năm nay. Dự kiến sản lượng Phosphate năm 2022 tăng 4% lên mức 52 triệu tấn P_2O_5. Tuy nhiên, giao dịch thương mại của DAP/MAP trong năm 2022 dự kiến giảm 5% so với năm 2021 xuống gần 32 triệu tấn do ảnh hưởng bởi sức mua giảm và chậm do khả năng thanh toán thấp.

THỊ TRƯỜNG DAP

Giá DAP tăng mạnh trong 4 tháng đầu năm sau đó suy yếu và giảm liên tục từ tháng 5 và kéo dài đến nửa đầu tháng 12. Nhu cầu mua hàng của người dân giảm so với cùng kỳ năm 2021 do giá cao làm ảnh hưởng đến khả năng chi trả.

Diễn biến giá DAP trung bình theo tháng tại một số khu vực năm 2021-2022



Nguồn: AgroMonitor (tháng 12: tính đến ngày 13/12)*

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN TRONG NƯỚC NĂM 2022

Cung cầu urê tại thị trường Việt Nam 2022

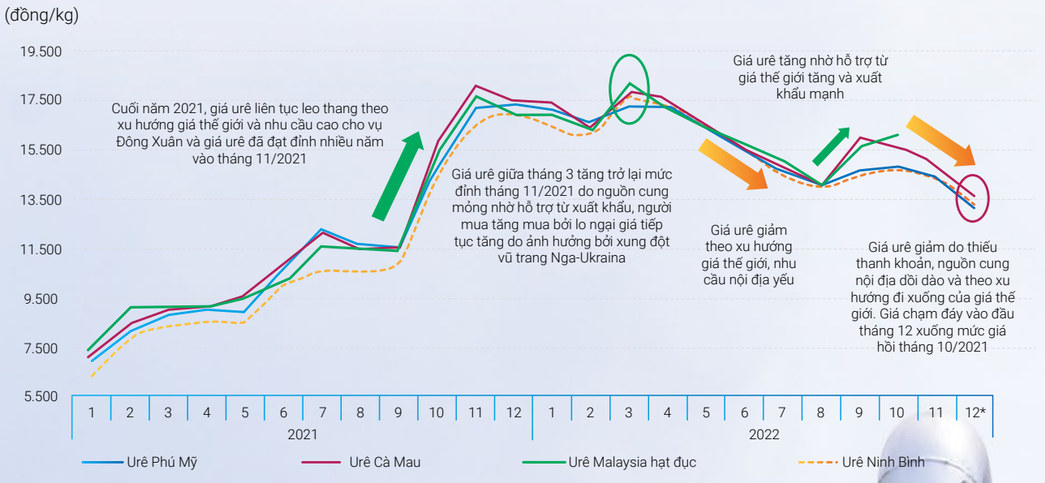
Thị trường urê Việt Nam trong năm 2022 được hỗ trợ chủ yếu từ xuất khẩu khi tăng mạnh so với 2021 và là điểm sáng hỗ trợ một số chỉ tiêu cung cầu khác. Xuất khẩu năm 2022 tăng khoảng 322 nghìn tấn (+78%) lên mức 733 nghìn tấn, chiếm tới 30% lượng sản xuất trong nước (trong khi năm 2020-2021 chỉ chiếm 17-19% lượng sản xuất). Sự gia tăng mạnh của xuất khẩu đã bù đắp được phần lớn sự suy giảm khoảng 420 nghìn tấn của tiêu thụ cho cây trồng và sử dụng làm nguyên liệu sản xuất. Đồng thời, cũng hỗ trợ sản xuất urê của cả nước tăng nhẹ so với năm 2021, bất chấp sự leo thang của chi phí sản xuất (ammonia, khí…).

Tồn kho urê đầu năm 2022 ở mức 346 nghìn tấn, nhưng ngay từ cuối tháng 1 tồn kho đã giảm xuống 251 nghìn tấn và duy trì ở mức dưới 300 nghìn tấn đến đầu tháng 8, tuy nhiên từ cuối tháng 8 đến đầu tháng 10 tồn kho đã tăng lên trên 300 nghìn tấn và từ cuối tháng 10 đến tháng 12 tồn kho vọt lên mức khoảng 400 nghìn tấn.

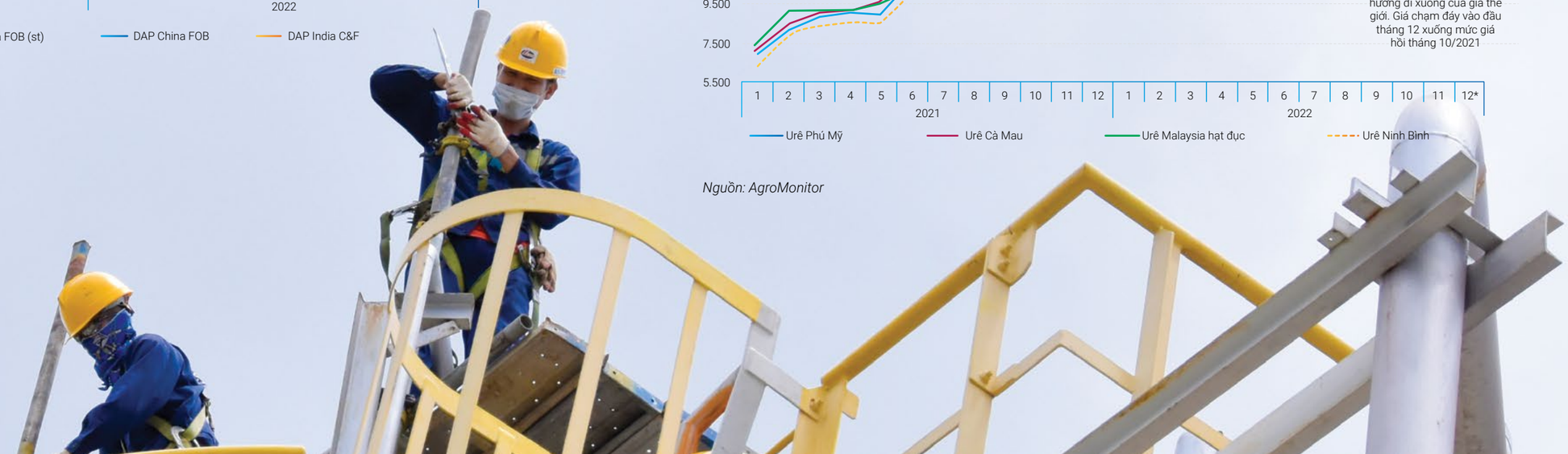
Giá urê tại thị trường Việt Nam 2022

Giá urê giao dịch tại thị trường nội địa Việt Nam trong năm 2022 có xu hướng tăng trong quý 1. Tuy nhiên sau đó, từ tháng 4 đến cuối tháng 8 giá urê đã giữ xu hướng giảm liên tục, tới đầu tháng 9 mới tăng trở lại nhờ hỗ trợ từ giá thế giới và xuất khẩu tăng. Xu hướng tăng giá diễn ra trong khoảng gần 2 tháng sau đó tiếp tục xu hướng giảm do thiếu thanh khoản, nguồn cung nội địa dồi dào dù xuất khẩu vẫn được hỗ trợ. Giá urê năm 2022 chạm đáy vào khoảng đầu tháng 12. Nhìn chung giá urê tại Việt Nam năm 2022 đều ở mức cao hơn nhiều so với cùng kỳ (trừ 2 tháng cuối năm), bình quân tăng 3.000-6.000 đ/kg (21-45%) so với năm 2021.

Diễn biến giá urê bình quân tháng giao dịch tại Quận 7, TP.HCM năm 2021-2022:



Nguồn: AgroMonitor



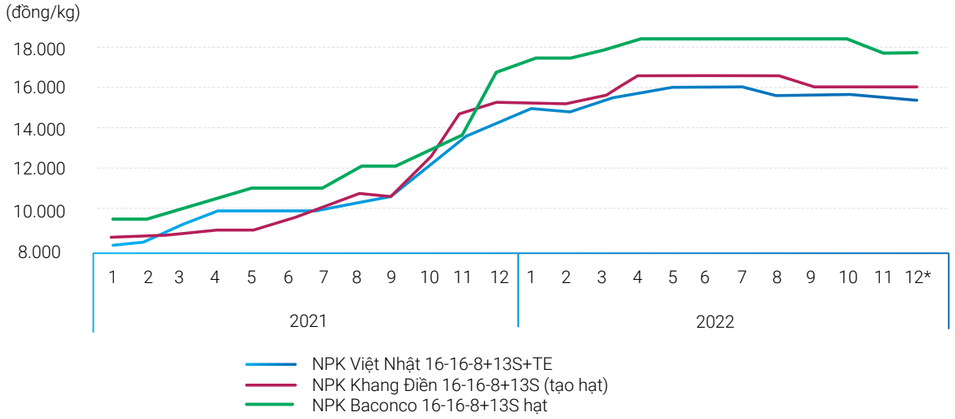
TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN-HÓA CHẤT NĂM 2022 VÀ DỰ BÁO 2023 (tiếp theo)

THỊ TRƯỜNG NPK

Thị trường NPK tại Việt Nam năm 2022 cũng diễn biến tương tự các loại phân đơn, khi giá gia tăng mạnh nên đã làm suy giảm tổng nhu cầu, đồng thời làm thu hẹp sản xuất của các nhà máy so với năm 2021. Ước tính lượng sản xuất NPK trong năm 2022 đạt 2,6 triệu tấn, giảm 18% so với năm 2021. Các doanh nghiệp thương mại cũng giảm nhập khẩu NPK xuống mức 353 nghìn tấn (-19%). Về phía nhu cầu, lượng tiêu thụ năm 2022 sụt giảm 590 nghìn tấn (-17,9%) xuống mức 2,7 triệu tấn; trong khi xuất khẩu cũng giảm xuống 292 nghìn tấn (năm 2021 đạt 360 nghìn tấn). Tiêu thụ chậm và nhà máy thu hẹp sản xuất nên tồn kho NPK cuối năm 2022 đã giảm xuống khoảng 284 nghìn tấn, giảm 15% so với đầu năm – mức tồn kho khá thấp.

Trong năm 2022, giá các sản phẩm NPK tại các nhà máy đã liên tục gia tăng trong 5 tháng đầu năm – thời điểm các loại phân đơn đa phần đang đạt đỉnh của cả năm. Tuy nhiên trong nửa cuối năm 2022, giá NPK gần như đi ngang mặc dù giá phân đơn lần lượt hạ nhiệt – do các nhà máy NPK còn tồn kho nguyên liệu mua với giá cao nên chi phí sản xuất vẫn cao.

Diễn biến giá NPK bình quân tháng giao dịch tại Quận 7, TP. HCM năm 2021-2022



Nguồn: AgroMonitor

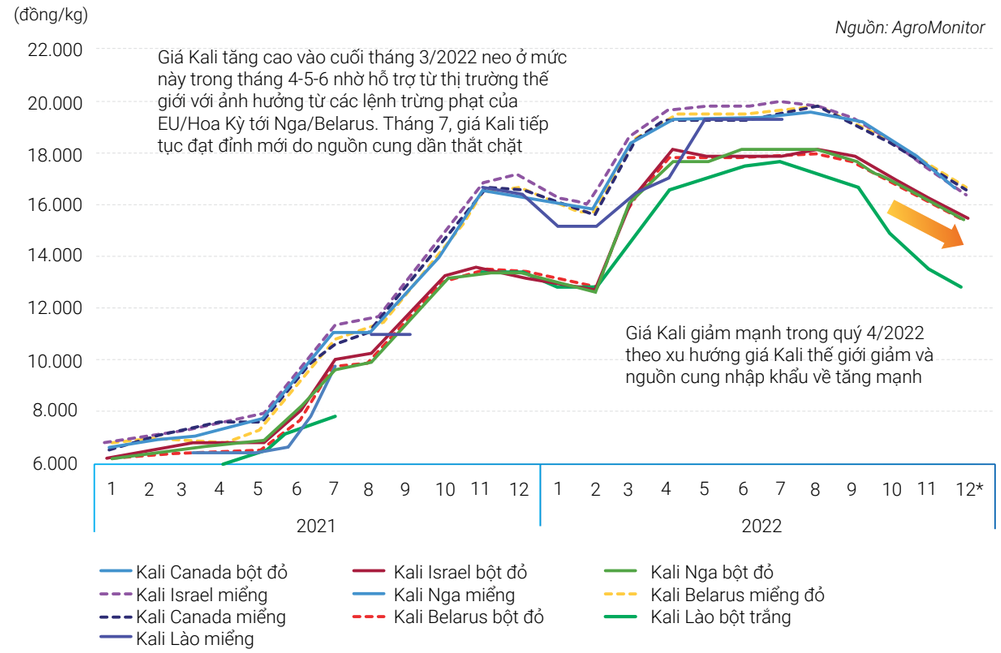
THỊ TRƯỜNG KALI

Trong năm 2022, giá Kali tại Việt Nam tăng cao so với năm 2021 (tăng 25-92% tại TPHCM) do tác động bởi giá nhập khẩu cao trong khi nguồn cung Kali tại Việt Nam phụ thuộc hoàn toàn vào nhập khẩu. Sự sụt giảm nguồn cung Kali và giá leo thang trên thế giới và trong nước đã làm suy yếu nhu cầu tiêu thụ nội địa so với năm 2021 (-49%) và các nhà máy NPK cũng giảm công suất và giảm lượng mua Kali làm nguyên liệu sản xuất (-27%). Tuy nhiên để giảm áp lực lên giá trong nước trong khi nguồn cung thế giới khan hiếm nên các nhà nhập khẩu đã đẩy mạnh hoạt động tái xuất sang nước thứ 3 (+57% so với năm 2021).

Đồng thời, các nhà nhập khẩu cũng giảm mạnh nhập khẩu so với năm 2021 nên tồn kho cuối năm 2022 đã giảm xuống mức 140 nghìn tấn (-180 nghìn tấn so với đầu năm).

Giá Kali giao dịch tại Việt Nam nhìn chung giữ xu hướng tăng trong hơn nửa đầu năm 2022 với giá Kali đã thiết lập mức đỉnh mới trong tháng 3-4/2022 sau đó tạm chững lại, giảm dần từ tháng 9/2022. Bình quân năm 2022, giá Kali hàng bột và hàng miếng tại TPHCM đã tăng 3.000-8.000 đồng/kg (25-92%) so với năm 2021.

Diễn biến giá Kali bình quân tháng giao dịch tại Quận 7, TP. HCM năm 2021-2022

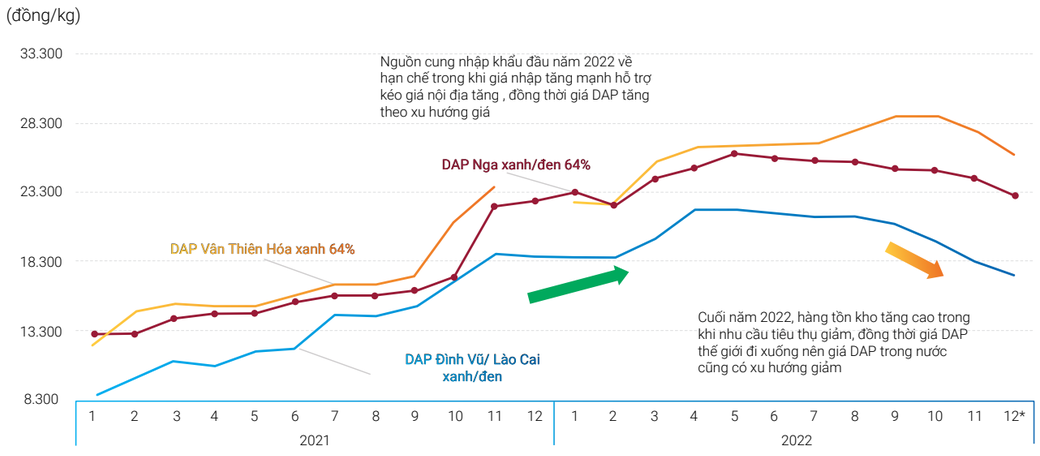


THỊ TRƯỜNG DAP

Giá DAP giao dịch tại thị trường Việt Nam năm 2022 nhìn chung giữ xu hướng đi lên đặc biệt đối với hàng DAP Trung Quốc và DAP Hàn Quốc do hàng nhập khẩu hạn chế. Trong khi đó hàng DAP trong nước có mức tăng chậm hơn và đã giảm mạnh từ cuối quý 3-quý 4.

Đối với hàng nhập khẩu, trong năm 2022, tại TPHCM, giá DAP Hàn Quốc đen 64% liên tục thiết lập đỉnh mới với giá tháng 10. Đối với hàng nội địa, trong năm 2022, tại TP. HCM, giá DAP Đình Vũ/Lào Cai xanh đạt đỉnh vào tháng 4 và thấp nhất trong tháng 12 và giá trung bình năm 2022 cao hơn 51-56% so với năm 2021.

Diễn biến giá DAP bình quân tháng giao dịch tại Quận 7, TP. HCM năm 2021-2022



Nguồn: AgroMonitor

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG PHÂN BÓN - HÓA CHẤT NĂM 2022 VÀ DỰ BÁO 2023 (tiếp theo)

Các chính sách liên quan đến thị trường phân bón năm 2022

Năm 2022, đối với chính sách thuế phân bón, Việt Nam đã có những thay đổi cụ thể như sau:

Biểu thuế suất thuế xuất nhập khẩu phân bón Việt Nam năm 2022-2023 hiện vẫn chưa có điều chỉnh so với năm 2021. Tuy nhiên, Bộ Tài chính đang lấy ý kiến và dự kiến trình Chính phủ quy định thống nhất thuế suất xuất khẩu 5% đối với mặt hàng phân bón và không phân biệt theo tỷ lệ tài nguyên khoáng sản (riêng NPK không bị áp thuế).

Từ 7/2/2022-6/9/2022, mức thuế tự vệ đối với DAP/MAP của Việt Nam đã giảm xuống mức 1.007.778 đồng/tấn, giảm từ mức 1.209.219 đồng/tấn trước đó. Tuy nhiên từ 7/9/2022, do Bộ Công thương có Quyết định không gia hạn thuế tự vệ đối với phân DAP và MAP nên thuế tự vệ về mức 0 đồng/tấn.

Chưa có thông tin chính thức áp thuế VAT đối với mặt hàng phân bón.

Triển vọng năm 2023

Đối với urê, dự kiến nhu cầu tiêu thụ phân bón năm 2023 phục hồi trở lại so với năm 2022. Thị trường chủ yếu kỳ vọng nhu cầu của người dùng sẽ gia tăng để bù đắp sau một năm cắt giảm mạnh toàn bộ các chất dinh dưỡng cho cây trồng cùng với khả năng giá urê trong nước giảm do giá thế giới giảm trong năm 2023 sẽ giúp người dân tiếp tục tăng đầu tư vào phân bón nhằm tăng năng suất sản xuất. Tuy nhiên nhiều khả năng nhu cầu tiêu thụ phân bón của Việt Nam sẽ vẫn ở mức thấp hơn so với năm 2021. Cụ thể, AgroMonitor ước tính nhu cầu phân bón của Việt Nam sẽ tăng khoảng 10-18% so với năm 2022 nhưng sẽ thấp hơn khoảng 8-13% so với 2021. Trong đó, dự kiến tăng mạnh chủng loại DAP (28-46%), urê (12-16%), Kali (15-26%), các chủng loại khác tăng thấp hơn NPK (7-14%), SA (7-11%),...

Đối với NPK, AgroMonitor dự báo năm 2023 tình hình sản xuất và tiêu thụ sẽ diễn biến cùng chiều, trong đó phục hồi chậm trong nửa đầu năm và có thể sẽ khả quan hơn trong các tháng cuối năm nếu giá phân đơn có sự suy giảm đáng kể. Về nhập khẩu, trong đầu năm 2023 dự báo có sự quay trở lại của hàng Nga sau khi ngưng nhập từ tháng 7/2022 (các nhà nhập khẩu đã ký mua từ cuối năm), tuy nhiên giá đồn đoán chưa giảm đáng kể so với các đơn hàng từ giữa năm 2022 và lượng NPK nhập từ Nga còn chịu hạn ngạch xuất khẩu NPK trong nửa đầu năm 2023. Nguồn NPK từ Trung Quốc được kỳ vọng gia tăng trong bối cảnh đồn đoán Trung Quốc có thể sẽ nới lỏng dần các chính sách xuất khẩu trong năm 2023.

Nguồn cung Kali tại Việt Nam phụ thuộc vào hàng nhập khẩu, do đó năm 2023 tiếp tục chịu tác động bởi nguồn cung và giá cả trên thế giới. Các chuyên gia của ICI dự báo năm 2023 nguồn cung Kali thế giới cũng có thể chưa được đảm bảo do các biện pháp trừng phạt đối với Belarus và Nga vẫn còn duy trì... do đó giá MOP có thể vẫn ở mức cao. Tuy nhiên, sau khi nhu cầu tiêu thụ tại Việt Nam và thế giới đều đã giảm mạnh trong năm 2022 thì thị trường kỳ vọng nhu cầu sẽ hồi phục trong năm 2023 mặc dù khó quay về mức năm 2021. AgroMonitor dự báo tiêu thụ Kali tại Việt Nam năm 2023 sẽ tăng 24-35% so với năm 2022 lên mức 230-250 nghìn tấn, tuy nhiên vẫn giảm 110-130 nghìn tấn so với năm 2021. Lượng nhập khẩu cũng dự báo tăng lên mức 800-900 nghìn tấn, tăng 250-350 nghìn tấn so với năm 2022 nhưng vẫn giảm 300-400 nghìn tấn so với năm 2021.

Đối với DAP, trong năm 2023 nguồn nhập khẩu dự kiến tăng so với năm 2022, tuy nhiên mức tăng có thể rõ ràng hơn trong nửa cuối năm 2023. AgroMonitor dự đoán nhập khẩu DAP trong năm 2023 tăng lên mức 350-400 nghìn tấn, tăng trên 20% so với mức 292 nghìn tấn năm 2022, và quay về mức năm 2021 – năm 2021 Trung Quốc bắt đầu siết chặt hoạt động xuất khẩu do giá DAP leo thang vì khủng hoảng năng lượng. Tiêu thụ DAP nội địa (cho cây trồng và sản xuất NPK) trong năm 2023 tăng lên mức 570-650 nghìn tấn, tăng so với mức 445 nghìn tấn năm 2022, nhưng vẫn giảm so với mức 770 nghìn tấn năm 2021. Về sản xuất nội địa, theo kế hoạch sản xuất của các nhà máy DAP trong năm 2023, sản xuất sẽ theo hướng gia tăng trở lại, sau khi cũng giảm mạnh trong năm 2022. Tuy nhiên, các nhà máy sẽ theo dõi tình hình cung cầu và xu hướng giá để linh hoạt điều chỉnh sản xuất theo tình hình thực tế. Dự báo, lượng sản xuất năm 2023 đạt 400-420 nghìn tấn, tăng so với mức 337 nghìn tấn năm 2022.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG NỔI BẬT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Hoạt động điều hành SXKD năm 2022 của Tổng công ty diễn ra trong bối cảnh với những thuận lợi, khó khăn vốn có cũng như phát sinh trong năm.

Nhận định về các yếu tố thuận lợi, về khách quan trong thị trường phân bón năm 2022, giá hầu hết các mặt hàng phân bón tiếp tục tăng cao, đặc biệt là giá urê, mặt hàng chủ lực của Tổng công ty tăng cao nhất từ trước đến nay. Về chủ quan, uy tín của thương hiệu phân bón Phú Mỹ và Hệ thống phân phối của PVFCCo phát huy tích cực về sự bao phủ địa bàn tiêu thụ; Hoạt động sản xuất của Nhà máy đạm Phú Mỹ duy trì ổn định ở công suất cao với nguồn khí đầu vào được đáp ứng đủ, tình hình tài chính lành mạnh đáp ứng cho hoạt động sản xuất và kinh doanh.

Mặc dù vậy năm 2022 PVFCCo cũng đương đầu với không ít khó khăn:

- Về nguồn khí đầu vào vẫn được đảm bảo cung ứng đủ cho nhu cầu sản xuất phân bón. Tuy nhiên, tỷ trọng nguồn khí giá ngày càng suy giảm nhanh hơn so với dự báo và tỷ lệ cấp bù từ nguồn khí giá cao khác tăng lên dẫn đến chi phí cước phí vận chuyển tăng cao, đồng thời giá MFO trong năm luôn neo ở mức cao do ảnh hưởng từ cuộc chiến Nga – Ukraina nên ảnh hưởng đến giá thành sản xuất các sản phẩm của Nhà máy đạm Phú Mỹ;
- Giá nguyên, nhiên liệu, vật tư... tăng góp phần tăng giá thành sản xuất, tăng chi phí logistic;
- Giá bán phân bón cao và biến động khó lường theo thị trường, tác động đến tâm lý mua hàng của đại lý dẫn đến sản lượng ra hàng thấp. Đồng thời cũng ảnh hưởng đến lợi nhuận của người nông dân, dẫn đến xu hướng giảm đầu tư phân bón cho cây trồng, ảnh hưởng về lâu dài đến hoạt động SXKD chung của Tổng công ty;
- Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa Nhà máy đạm Phú Mỹ tăng lên sau 19 năm vận hành;
- Chính sách như thuế VAT chưa được điều chỉnh phù hợp, chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất tăng, hệ thống phân phối khó huy động vốn kinh doanh;

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

Trong bối cảnh tình hình thực tế, điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 như đã được đánh giá, nhận định và trình bày ở phần trên, trên cơ sở nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban điều hành PVFCCo đã tổ chức thực hiện các giải pháp kịp thời, đồng bộ và linh hoạt, giúp Tổng công ty đạt kết quả SXKD năm 2022 đối với từng mảng lĩnh vực cụ thể như sau:

Mảng hoạt động sản xuất	Nhờ quá trình tích lũy kinh nghiệm trong quá trình bảo dưỡng định kỳ, năm 2022 Tổng công ty tiếp tục chủ động và nhanh chóng xử lý sự cố phát sinh và thực hiện tốt công tác bảo dưỡng phòng ngừa đối với các thiết bị trong sản xuất - yếu tố quan trọng để giảm thiểu sự cố ngừng máy. Bên cạnh đó, việc rà soát, hiệu chỉnh và áp dụng các bộ định mức đã có hiệu quả rõ rệt, kết quả là tổng tiêu hao năng lượng năm 2022 tại các xưởng sản xuất đều thấp hơn định mức ban hành và tổng tiết kiệm năng lượng tại khối sản xuất đạt khoảng 235 tỷ đồng. Đặc biệt đã có các biện pháp giúp nâng cao chất lượng sản phẩm NPK. Nhà máy đạm Phú Mỹ đã đạt được mốc sản lượng sản xuất kỷ lục 917.000 tấn urê. Tổ hợp dự án lớn "Nâng công suất phân xưởng NH_3 của nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng NM sản xuất NPK công nghệ hoá học được vận hành, khai thác có hiệu quả. Trong năm 2022, Tổ hợp dự án tiếp tục đóng góp 3.537 tỷ đồng doanh thu, tương ứng ~ 19% trong tổng doanh thu và 983 tỷ đồng lợi nhuận, tương ứng ~15% trong tổng lợi nhuận của TCT.
Mảng kinh doanh, tiếp thị và nghiên cứu sản phẩm mới	Thương hiệu và thị phần Đạm Phú Mỹ được giữ vững trên thị trường trong bối cảnh phân bón trong nước phải cạnh tranh rất khốc liệt, đồng thời tận dụng nhịp giá tăng của thị trường quốc tế, từng bước thực hiện mục tiêu phát triển thị trường nước ngoài, trong năm Tổng công ty xuất khẩu 191 nghìn tấn urê Phú Mỹ. Bên cạnh đó, là tạo được vị thế trên thị trường bằng chất lượng các sản phẩm NPK Phú Mỹ, Kali Phú Mỹ, DAP Phú Mỹ và tiếp tục phát triển mảng sản xuất, kinh doanh hóa chất. Tổng công ty đã linh hoạt, áp dụng các thay đổi, cải tiến trong chính sách vận chuyển, phân phối, chính sách bán hàng, tồn kho… nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và mở rộng phân khúc khách hàng cũng như chính sách về tồn kho nguyên liệu đầu vào nhằm ứng phó với biến động thị trường nguyên liệu và đứt gãy chuỗi cung ứng.
Đầu tư xây dựng cơ bản & mua sắm trang thiết bị	Tổng giá trị giải ngân cho các dự án đầu tư, mua sắm là 118 tỷ đồng.
Công tác tổ chức, nhân sự, phát triển nguồn nhân lực, tái cơ cấu	Dự án cải tiến chính sách tiền lương và Dự án KPI được áp dụng linh hoạt đã đem lại động lực cho CBCNV phát huy sáng tạo/cải tiến trong công việc và giúp Tổng công ty giữ chân CBCNV có trình độ cao.
Công tác an toàn sức khỏe môi trường	Trước các yêu cầu mới về phòng chống dịch Covid-19, Tổng công ty đã rà soát/cập nhật các phương án phòng, chống dịch theo khuyến cáo của cấp thẩm quyền chuyên môn, chuẩn bị cơ sở vật chất, nhân lực, phương tiện sẵn sàng ứng phó theo các dự báo kịch bản tình hình dịch bệnh tại địa phương; Công tác an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ, cứu nạn luôn được coi trọng và tăng cường tại các đơn vị, đặc biệt là trong các dịp Lễ, Tết… Kết quả, trong năm 2022 Tổng công ty không để xảy ra sự cố nào làm ảnh hưởng tới an toàn lao động, hoạt động sản xuất kinh doanh.

Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục và cần nâng cao sự quan tâm, cụ thể như sau:

Về sản xuất

Nhà máy đạm Phú Mỹ sau nhiều năm vận hành liên tục ở công suất cao, mặc dù được bảo dưỡng thường xuyên nhưng đã bắt đầu xuất hiện những sự cố ở các thiết bị tĩnh, có nguy cơ ảnh hưởng đến sự ổn định trong vận hành của toàn thể Nhà máy.

Về đầu tư góp vốn tại các doanh nghiệp liên kết

Mục tiêu thoái vốn tại các doanh nghiệp liên kết như VNPOLY, PVC Mekong, Công ty cổ phần Thủy hải sản Út Xi chưa thực hiện được,... hoạt động của các công ty này tiếp tục đạt kết quả kém làm suy giảm vốn đầu tư của Tổng công ty.



Một số chỉ tiêu kế hoạch chưa hoàn thành

Sản lượng kinh doanh các loại phân bón: Đạt 91% (trong đó urê Phú Mỹ đạt 99%, NPK đạt 78%, Đạm Kebo đạt 26% và phân bón khác đạt 80%), nguyên nhân chủ yếu do: (i) Giá phân bón biến động khó lường trên toàn thế giới; (ii) Trong nước, giá vật tư cho nông nghiệp tăng cao, giá nông sản bấp bênh; (iii) Ảnh hưởng tiêu cực từ dịch Covid-19 và khủng hoảng chính trị tại các nước nhập khẩu nông sản của Việt Nam; (iiii) Chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất tăng, khó huy động vốn kinh doanh. Những tác động này làm cho kinh doanh phân bón rất khó khăn, sản lượng ra hàng tại các công ty vùng miền thấp, sức mua rất yếu.

Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm đạt 22% kế hoạch, nguyên nhân do tiến độ giải ngân các mốc cuối cùng của dự án nâng cấp xưởng NH_3 và xây dựng Nhà máy NPK chưa đạt theo yêu cầu, đồng thời việc triển khai mua sắm còn chậm do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và chiến sự leo thang trên thế giới.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

PHÂN TÍCH VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản và nguồn vốn của PVFCCo

Tổng tài sản của PVFCCo tại ngày 31/12/2022 **17.699** tỷ đồng
▲ 27% so với đầu năm
(17.699/13.918 tỷ đồng)

Lượng tiền và các khoản tương đương tiền của PVFCCo **2.084** tỷ đồng
▼ 17% so với đầu năm
(2.084/2.524 tỷ đồng)
do TCT điều tiết chuyển sang tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn trên 6 tháng 6.880 tỷ đồng.

Tình hình nợ phải trả

- Khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2022 của PVFCCo là 3.681 tỷ đồng, tăng 15% so với đầu năm (3.681/3.205 tỷ đồng).
- Các chỉ số tổng nợ/ tổng tài sản, tổng nợ/ vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2021 và khả năng thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh năm 2022 vẫn duy trì ở mức cao và lớn hơn 1. Điều này cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ tốt, Tổng công ty không gặp áp lực về nợ khi đến hạn phải trả, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh tốt.
- Với lượng tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ là 2.084 tỷ đồng, PVFCCo chủ động được nguồn vốn cho sản xuất, kinh doanh và thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch.

Khả năng sinh lời Các chỉ số về khả năng sinh lời của PVFCCo như ROE, ROA đều tăng nhiều so với năm 2021 (lần lượt tăng 35% và 40%).

Các chỉ tiêu nổi bật trong sản xuất, kinh doanh:

SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT

URÊ	NPK	NH_3 THƯƠNG MẠI
917 nghìn tấn	157 nghìn tấn	74,4 nghìn tấn

TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG KHỐI SẢN XUẤT	TỔ HỢP NH_3-NPK ĐÓNG GÓP	TỔ HỢP NH_3-NPK ĐÓNG GÓP
235 tỷ đồng	3.537 tỷ đồng doanh thu	983 tỷ đồng lợi nhuận

Về hoạt động sản xuất: Nhà máy đạm Phú Mỹ đã hoàn thành kế hoạch sản xuất trước 36 ngày, sản lượng cả năm đạt 917 nghìn tấn đạm Phú Mỹ, vượt 11% so với kế hoạch - đây là năm mà sản lượng sản xuất đạt kỷ lục kể từ khi Nhà máy đi vào hoạt động đến nay. Sản lượng NH_3 dành tiêu thụ đạt 74 nghìn tấn – vượt 6% kế hoạch.

Về hoạt động kinh doanh: Kinh doanh hiệu quả hơn 1,1 triệu tấn phân bón (791 nghìn tấn Đạm Phú Mỹ; 129 nghìn tấn NPK Phú Mỹ; 209 nghìn tấn phân bón khác) và 136 nghìn tấn hóa chất.

Doanh thu đạt 19.013 tỷ đồng, đạt 110% kế hoạch năm, tăng 45% so với năm 2021 - Mức doanh thu cao nhất kể từ khi thành lập TCT.

Lợi nhuận trước thuế đạt 6.606 tỷ đồng - đạt 160% kế hoạch năm, tăng 74% so với năm 2021. Lợi nhuận về đích trước kế hoạch 6 tháng và là mức lợi nhuận kỷ lục kể từ khi TCT đi vào hoạt động đến nay. Lợi nhuận đạt cao, ngoài yếu tố giá bán sản phẩm chính tăng cao, còn do TCT theo dõi sát sao và dự báo tốt tình hình thị trường trong nước và thế giới, bám sát tình hình dịch bệnh để chủ động các kịch bản và giải pháp điều hành SXKD phù hợp, trong đó là chú trọng quản trị chi phí để cắt/tiết giảm chi phí; chú trọng quản trị sản xuất để tối ưu giá thành sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng; quản trị rủi ro để điều hành kinh doanh linh hoạt trong các thời điểm thị trường nhạy cảm... nhằm gia tăng thêm lợi nhuận hoạt động và giảm tác động của các yếu tố không thuận lợi (giá thành tăng, lãi suất tăng, nhu cầu phân bón giảm).



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

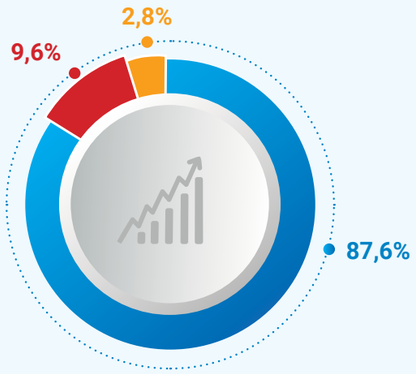
Bảng tổng hợp kết quả SXKD năm 2022

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ so với năm 2021 (%)	Tỷ lệ hoàn thành KH (%)
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
I	**Sản lượng sản xuất**						
1.1	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	797	828	917,062	115%	111%
1.2	UFC 85	Nghìn tấn	12,0	12,8	13,231	110%	103%
1.3	NPK	Nghìn tấn	162	165	155,471	96%	94%
1.4	Đạm Kebo	Nghìn tấn	5	10	4,5	98%	45%
1.5	NH_3 (để thương mại)	Nghìn tấn	69	70	74,412	108%	106%
II	**Sản lượng kinh doanh**						
2.1	Đạm Phú Mỹ	Nghìn tấn	749	800	791,157	106%	99%
2.2	NPK	Nghìn tấn	151	165	129	85%	78%
2.3	Đạm Kebo	Nghìn tấn	3,2	10	2.6	83%	26%
2.4	Phân bón tự doanh	Nghìn tấn	241	260	209,163	87%	80%
2.5	UFC 85	Nghìn tấn	9,4	8,5	9,544	102%	112%
2.6	NH_3 (để thương mại)	Nghìn tấn	70	70	71,488	102%	102%
2.7	CO_2	Nghìn tấn	44	50	54,006	124%	108%
2.8	Hóa chất	Nghìn tấn	0,8	0,6	1,031	137%	154%
III	**Chỉ tiêu tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)**						
3.1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	13.117	17.239	19.013	145%	110%
3.2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.799	4.130	6.606	174%	160%
3.3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3.172	3.473	5.585	176%	161%
3.4	Nộp NSNN (số đã nộp)	Tỷ đồng	466		1.614	346%	
IV	**Chỉ tiêu tài chính công ty mẹ**						
4.1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	10.503	9.011	13.779	131%	153%
4.2	Trong đó: Vốn điều lệ	Tỷ đồng	3.914	3.914	3.914	100%	100%
4.3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	11.951	16.343	16.924	142%	104%
4.4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3.612	4.128	6.507	180%	158%
4.5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3.030	3.489	5.511	182%	158%
4.6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	77%	89%	141%	182%	159%
4.7	Nộp NSNN	Tỷ đồng	423		1.551	367%	
4.8	Đầu tư						
4.8.1	Giải ngân đầu tư	Tỷ đồng	110	548	118	107%	22%
	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	89	245	75	84%	30%
	Mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	22	303	43	200%	14%
	Đầu tư góp vốn	Tỷ đồng					
4.8.2	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ đồng	110	548	118	107%	22%
	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	62	548	118	192%	22%
	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	49			0%	

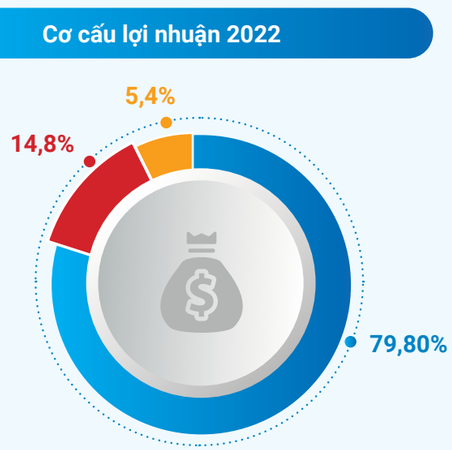
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



Cơ cấu doanh thu 2022

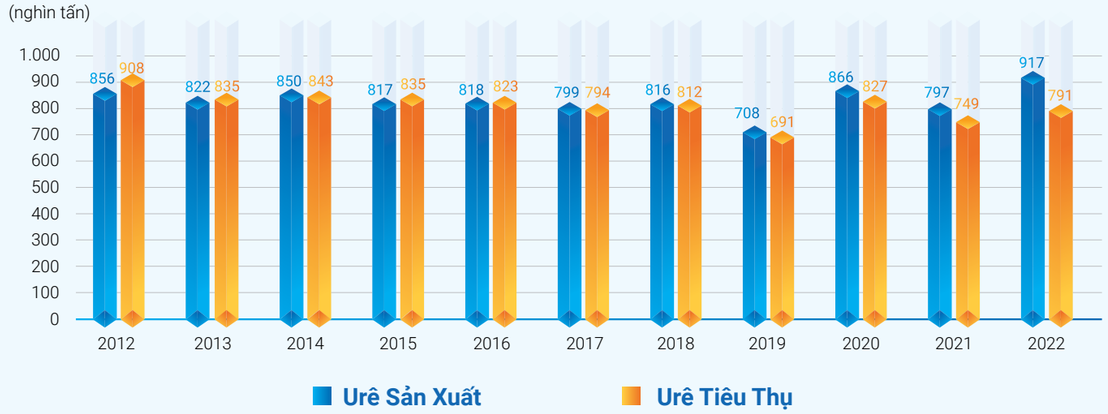


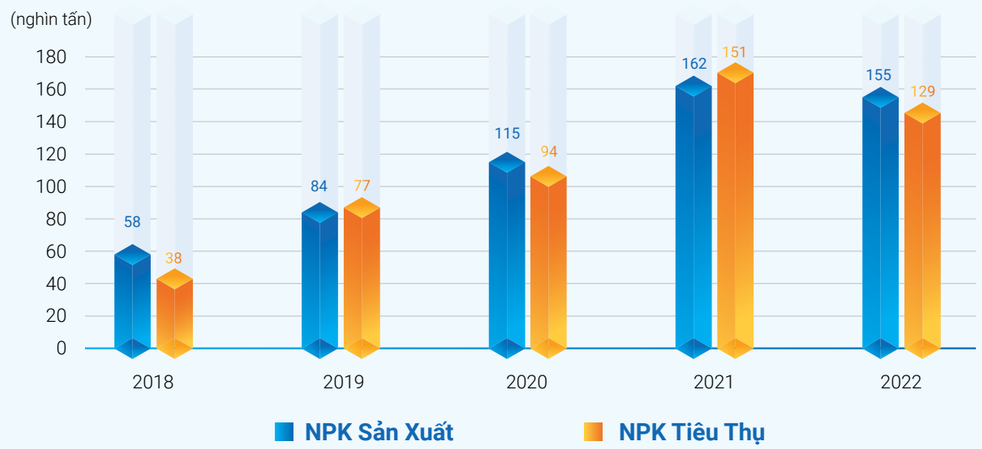
Cơ cấu lợi nhuận 2022



THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CÁC SẢN PHẨM CHỦ LỰC CỦA TỔNG CÔNG TY GIAI ĐOẠN 2012-2022

Chỉ tiêu về sản lượng

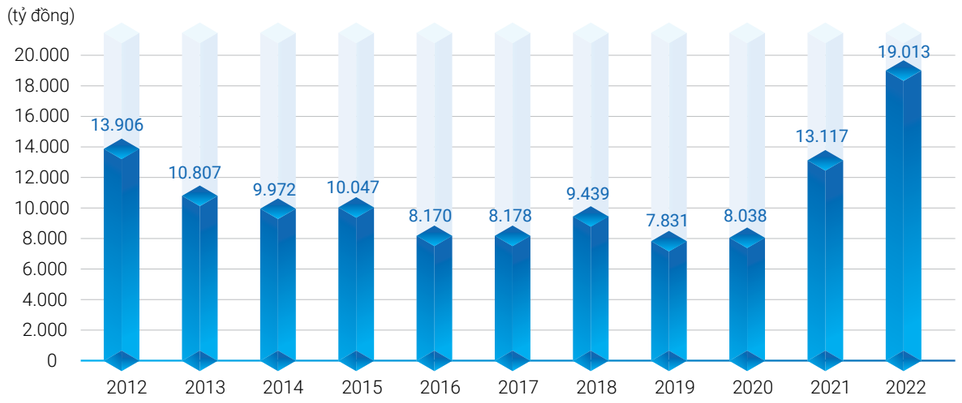




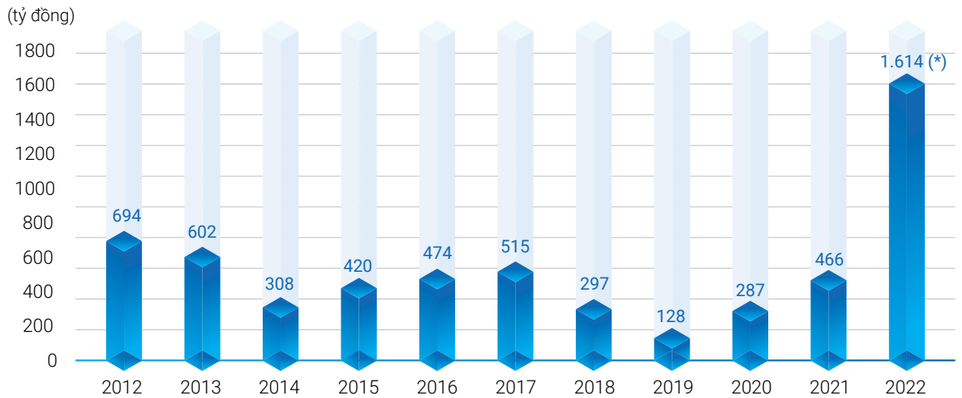
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

Chỉ tiêu tài chính nổi bật giai đoạn 2012-2022

Doanh Thu

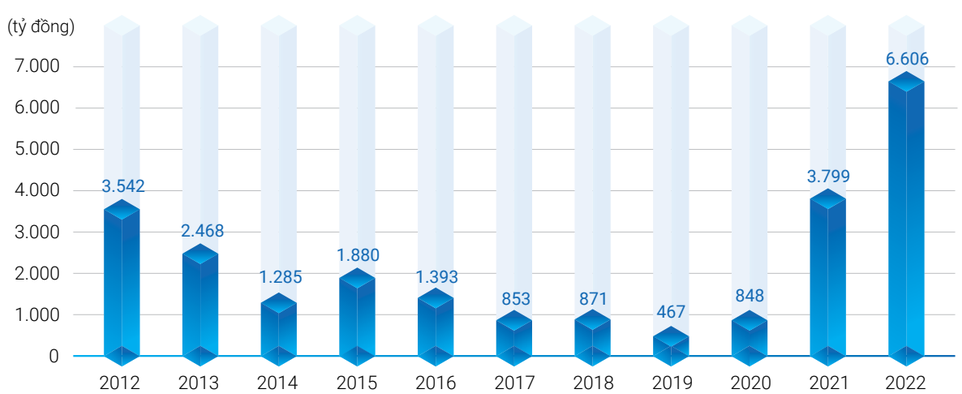


Nộp Ngân Sách

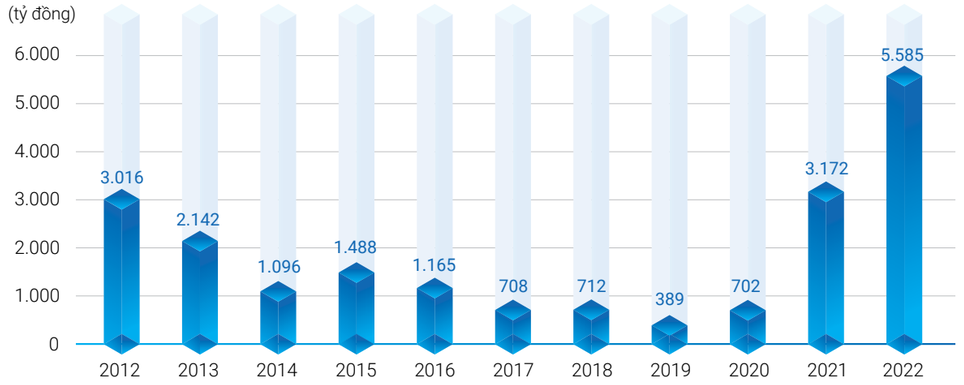


(*) Số thực tế đã nộp trong năm 2022

Lợi Nhuận Trước Thuế



Lợi Nhuận Sau Thuế



Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án.

Về các khoản đầu tư lớn:

Theo kế hoạch năm 2022, PVFCCo triển khai đầu tư/mua sắm với tổng mức đầu tư xây dựng và mua sắm là 548 tỷ đồng.

Năm 2022 PVFCCo đã thực hiện giải ngân được 118 tỷ đồng đạt 22% kế hoạch năm theo tiến độ thực tế.

Kết quả hoạt động đầu tư góp vốn (báo cáo tóm tắt về kết quả hoạt động của các công ty con, công ty góp vốn):

STT	Nội dung	Tỷ lệ góp vốn	Tổng giá trị đầu tư thực tế (tỷ đồng)	VĐL (tỷ đồng)	LNST (tỷ đồng)	LNST/ VĐL	Cổ tức nhận trong năm 2022 (tỷ đồng)
I	**Đầu tư vào Công ty con**		**386,25**	**515,00**	**80,06**		**55,73**
1	PVFCCo North	75,00%	90,00	120,00	17,85	14,9%	15,30
2	PVFCCo Central	75,00%	75,00	100,00	29,70	29,7%	18,75
3	PVFCCo SE	75,00%	93,75	125,00	21,31	17,1%	
4	PVFCCo SW	75,00%	127,50	170,00	11,20	6,6%	21,65
II	**Đầu tư vào Công ty LDLK**		**680,90**	**2.487,80**	**-814,94**		**2,00**
1	VNPOLY	25,99%	562,70	2.165,11	-819,21	-37,8%	
2	PVC Mekong	35,63%	100,00	280,69	-2,86	-1,0%	
3	PVFCCo Packaging	43,34%	18,20	42,00	7,14	17,0%	2,00
III	**Đầu tư dài hạn khác**		**20,50**	**396,35**	**-89,29**		**0,22**
1	PAIC	8,50%	3,60	42,35	3,61	8,5%	0,22
2	Công ty CP Thủy hải sản Út Xi	6,78%	16,90	354,00	-92,91	-26,2%	
	TỔNG CỘNG	**1.087,65**	**3.399,15**		**-824,17**		**57,94**

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY

Tình hình tài sản và nguồn vốn

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	Tỷ lệ tăng (giảm)
TỔNG TÀI SẢN	13.918	17.699	27%
Tài sản ngắn hạn	9.520	13.579	43%
Tài sản dài hạn	4.398	4.120	-6%
TỔNG NGUỒN VỐN	13.918	17.699	27%
NỢ PHẢI TRẢ	3.205	3.681	15%
VỐN CHỦ SỞ HỮU	10.713	14.017	31%
◈ Vốn điều lệ	3.914	3.914	
TỔNG DOANH THU	13.117	19.013	45%
TỔNG CHI PHÍ	9.320	12.410	33%
LÃI VAY	69,3	64,8	-6%
EBIT	3.866	6.668	73%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	3.799	6.606	74%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	3.172	5.585	76%
◈ LNST cổ đông thiểu số	55	20	
◈ LNST Công ty mẹ	3.117	5.565	

Các chỉ số tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	4,42	4,53
Hệ số thanh toán nhanh	3,13	3,24
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số nợ/Tổng tài sản	23%	21%
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	30%	26%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	3,77	3,25
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,01	1,18
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	24,80%	29,98%
ROE	33,45%	45,17%
ROA	25,15%	35,33%
EPS	7.749	13.897

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY





Các đánh giá của Hội đồng quản trị về quản trị công ty tại doanh nghiệp

Tổng công ty áp dụng mô hình quản trị gồm có Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Ban điều hành theo Quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020. Công tác quản trị của Tổng công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu Quy định tại Nghị định số 155/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ. Tổng công ty bảo đảm môi trường, điều kiện về kiểm soát, kiểm toán nội bộ. Các báo cáo tài chính của Tổng công ty được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của Pháp luật, phản ánh trung thực, chính xác hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có đủ năng lực và phẩm chất, không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Tổng công ty, đã hoạt động hiệu quả với vai trò, chức năng của mình góp phần giúp cho Tổng công ty hoàn thành kế hoạch SXKD hàng năm. Tổng công ty luôn nỗ lực và chú trọng công tác cải tiến hoạt động quản trị công ty, hướng tới áp dụng thành công các thông lệ quản trị công ty tốt như: Nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát, áp dụng các giải pháp hỗ trợ trong quản lý, điều hành SXKD: Hệ thống ERP, hệ thống ISO, hệ thống quản lý và đánh giá nhân viên KPI...

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Tổng quan

Năm 2022 nền kinh tế Việt Nam đạt được mức tăng trưởng ấn tượng sau đại dịch COVID-19 trong bối cảnh kinh tế thế giới còn phục hồi chậm, chịu ảnh hưởng bởi xung đột Nga – Ukraine.

Lĩnh vực phân bón bị ảnh hưởng chung của đại dịch năm trước nối tiếp sự ảnh hưởng bởi chuỗi cung ứng chưa thoát khỏi tình trạng đứt gãy, đình trệ do tình hình chính trị thế giới; Ngành nông nghiệp gặp nhiều khó khăn đã ảnh hưởng trực tiếp tới nhu cầu tiêu thụ phân bón; Các khó khăn khác của năm 2021 tiếp tục kéo dài như chi phí thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ tiếp tục chiếm phần đáng kể trong chi phí sản xuất. Tuy nhiên thị trường phân bón thế giới bị ảnh hưởng bởi đại dịch và chiến sự tại Ukraine đã hạn chế nguồn cung phân bón nhập khẩu, đẩy mức giá bán sản phẩm lên cao, giúp cho biên lợi nhuận của các nhà sản xuất phân bón trong nước tăng lên. Đồng thời, với nỗ lực khắc phục các bất lợi của đại dịch, quản lý chi phí, tận dụng cơ hội của tập thể lãnh đạo, người lao động Tổng công ty và được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ kịp thời của các cơ quan ban ngành, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, sự đồng hành, chia sẻ của Quý cổ đông, Tổng công ty đã hoàn thành được nhiệm vụ chính của kế hoạch sản xuất kinh doanh 2022 với kết quả lợi nhuận cao nhất trong lịch sử.

Những kết quả đạt được

Với vai trò là cơ quan quản lý Tổng công ty giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đánh giá tổng kết năm 2022 trong bối cảnh có những thuận lợi và khó khăn, với những giải pháp đúng đắn Tổng công ty đã tiếp tục hoàn thành và hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh việc luôn đảm bảo tối ưu hiệu quả sản xuất và kinh doanh sản phẩm thế mạnh của Tổng công ty là Đạm Phú Mỹ và NPK Phú Mỹ, trong năm 2022, Tổng công ty đã tập trung vào quản trị chi phí, tài sản và nâng cao hiệu quả kinh doanh các sản phẩm phân bón tự doanh, đặc biệt là các sản phẩm mang thương hiệu Phú Mỹ (DAP, SA, Kali Phú Mỹ), qua đó góp phần vào hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của Tổng công ty, đồng thời khai thác tối đa lợi thế của hệ thống phân phối đã xây dựng. Các công ty con trong lĩnh vực phân phối cũng đã chủ động từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc kinh doanh các sản phẩm phân bón tự doanh và hóa chất phục vụ dầu khí. Tổng công ty đã xuất khẩu hơn 191 nghìn tấn urê.

Nhà máy đạm Phú Mỹ đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất urê với sản lượng kỷ lục 917.000 tấn urê.

Về mặt quản trị doanh nghiệp, Tổng công ty luôn giữ vững nguyên tắc công khai, minh bạch các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại nhất. Năm 2022 tiếp tục duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp: ISO 9001 - 2008, OSHAS 18001:2007 và ISO 14001:2004; hệ thống: ERP, STOP, 5S, Sig Sigma, CBM, RCA, FMEA, RBI, RCM,... bộ chỉ số đánh giá hiệu quả công việc KPI và đề án Cải tiến chính sách tiền lương (3P) nhằm tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng và hiệu quả. Bộ máy kiểm toán nội bộ đã triển khai với cách tiếp cận mới trong công tác kiểm toán, góp phần hoàn thiện và nâng cao công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Với tình hình thực hiện như trên Tổng công ty đã đạt 6.606 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, vượt xa mức kế hoạch lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Đánh giá về trách nhiệm môi trường và xã hội:

Tổng công ty luôn đảm bảo tuân thủ đầy đủ trách nhiệm đối với môi trường và xã hội trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư. Hoạt động chính của Tổng công ty trong lĩnh vực sản xuất phân bón, hóa chất, có liên quan và tác động đến môi trường. Trong sản xuất, công tác tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn, môi trường được ưu tiên hàng đầu. Trong phân phối sản phẩm, Tổng công ty luôn luôn có chương trình, kế hoạch triển khai hội thảo, tư vấn, trình diễn đối với bà con nông dân về việc sử dụng phân bón hiệu quả, tiết kiệm, giảm thiểu tác động tới môi trường.

Đối với xã hội, trong nhiều năm qua Tổng công ty luôn luôn là một trong những doanh nghiệp tích cực có đóng góp cho công tác an sinh xã hội, doanh nghiệp vì người lao động.

Kết quả về việc thực hiện trách nhiệm môi trường, xã hội năm 2022 cụ thể như trình bày tại phần Báo cáo phát triển bền vững.



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty:

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn.
- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ cho các Phó Tổng giám đốc và định kỳ tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới.
- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.
- Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Tổng công ty nên đã chủ động linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2023:

Năm 2023 với các dự liệu về thị trường phân bón, giá khí tiếp tục có những khó khăn như đã diễn ra trong năm 2022, đặc biệt là năm 2022 Tổng công ty đã đạt được kết quả lợi nhuận vượt bậc, với sự ủng hộ, hỗ trợ của cổ đông Nhà nước, Hội đồng quản trị đã xây dựng kế hoạch SXKD năm 2023, cụ thể như sau:



Chỉ tiêu sản lượng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023
I	**Sản lượng sản xuất**		
1.1	Urê Phú Mỹ	Nghìn tấn	785,0
1.2	NPK Phú Mỹ	Nghìn tấn	200,0
1.3	Đạm Kebo	Nghìn tấn	10,0
1.4	UFC 85/Fomaldehyde	Nghìn tấn	12,5
1.5	NH_3 sản xuất bán thương mại	Nghìn tấn	65,5
II	**Sản lượng kinh doanh**		
2.1	Urê Phú Mỹ	Nghìn tấn	800,0
2.2	NPK Phú Mỹ	Nghìn tấn	200,0
2.3	Đạm Kebo	Nghìn tấn	10,0
2.4	UFC 85/Fomaldehyde	Nghìn tấn	8,5
2.5	NH_3	Nghìn tấn	70,0
2.6	Phân bón khác	Nghìn tấn	309,5
2.7	CO_2	Nghìn tấn	45,0
2.8	Hóa chất khác	Nghìn tấn	0,668

Kế hoạch tài chính toàn Tổng công ty (hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	17.372
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.670
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.250
4	Nộp NSNN	Tỷ đồng	637

Kế hoạch Công ty mẹ

Kế hoạch Tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	10.149
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	15.103
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2.606
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2.207
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn CSH bình quân	%	21,7
6	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ (**)	%	40,0
7	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	0,22
8	Nộp NSNN	Tỷ đồng	613

Kế hoạch vốn đầu tư

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023
I	**Tổng nhu cầu vốn đầu tư**	**Tỷ đồng**	**492,0**
1	Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	209,3
2	Mua sắm tài sản, trang thiết bị	Tỷ đồng	282,7
3	Đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên	Tỷ đồng	-
II	**Nguồn vốn đầu tư**	**Tỷ đồng**	**492,0**
1	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	492,0
2	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	0
III	**Giá trị giải ngân trong năm**	**Tỷ đồng**	**492,0**
1	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	492,0
2	Vốn vay và khác	Tỷ đồng	0

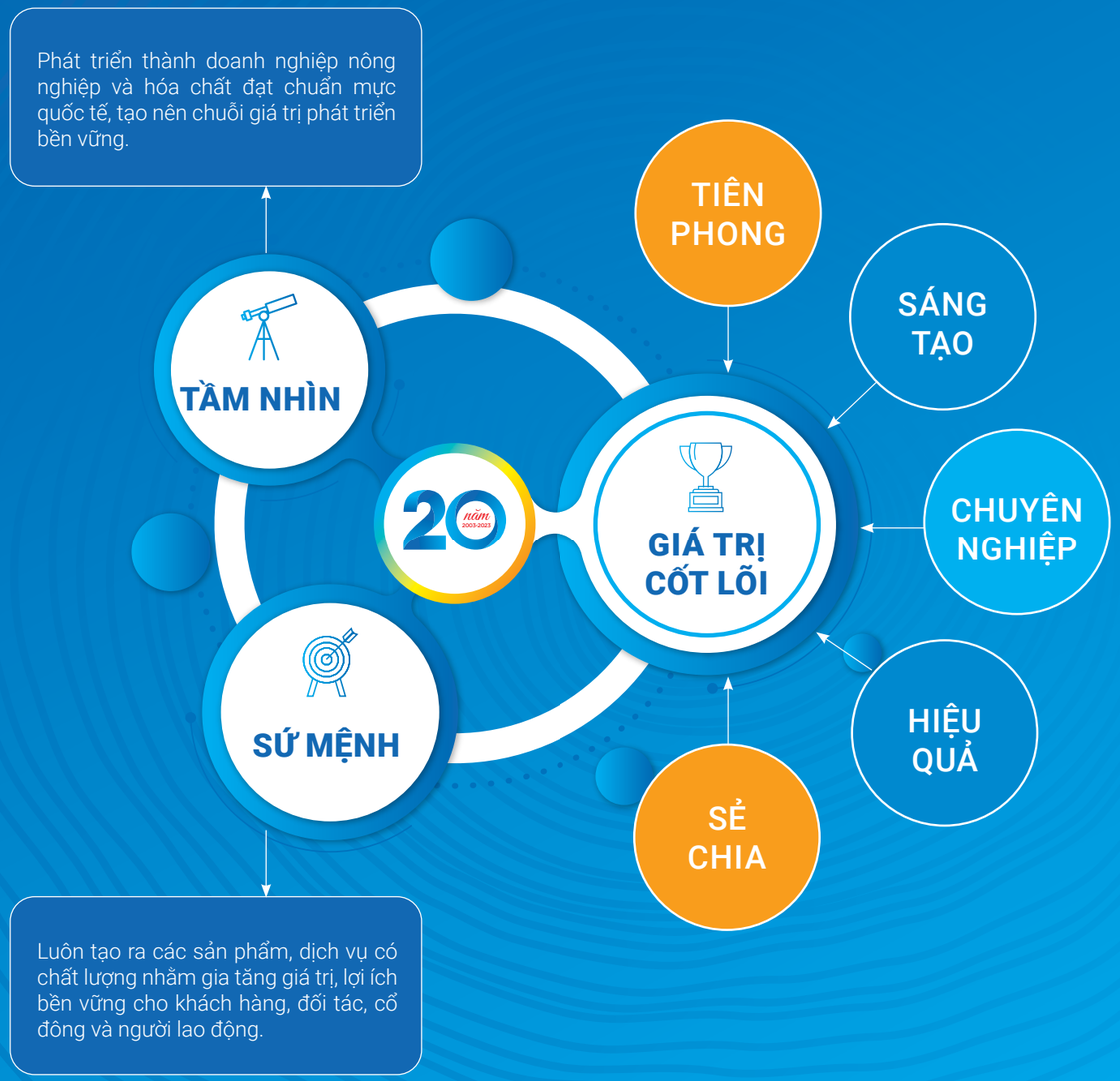
Chương 4

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

THÍCH ỨNG **LINH HOẠT**

Sự nỗ lực không ngừng cùng tư duy linh hoạt và tính chủ động thích ứng của tập thể lãnh đạo và nhân viên PVFCCo, chính là sức mạnh để PVFCCo đạt được mức tăng trưởng ấn tượng, đem lại lợi ích to lớn cho cổ đông, đối tác. Đồng thời tạo ra những bước phát triển vững chắc cho PVFCCo trong thời đại mới.

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI



ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC - TẦM NHÌN 2045

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2035



Mục tiêu tổng quát

Giữ vững vị thế là nhà sản xuất phân bón số 01 Việt Nam, mở rộng sang lĩnh vực sản xuất và kinh doanh hóa chất cơ bản và hóa chất hóa dầu với mục tiêu định vị PVFCCo là một nhà sản xuất hóa chất tiên phong tại Việt Nam.

Mục tiêu theo từng giai đoạn

Giai đoạn 2021-2025

Đóng vai trò dẫn dắt và kiến tạo trong lĩnh vực phân bón tại thị trường trong nước, phù hợp với chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn 2021-2025 của Chính phủ. Bước đầu mở rộng kinh doanh, sản xuất hóa chất, tập trung nghiên cứu các cơ hội để phát triển lĩnh vực hóa dầu.

Giai đoạn 2026-2030

Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất cả lĩnh vực phân bón và hóa chất trên nguyên tắc sử dụng tối ưu cơ sở hạ tầng, nguồn lực của PVFCCo, tích hợp với nhà máy Đạm Phú Mỹ hiện hữu và các dự án lọc hóa dầu của PVN.

Giai đoạn 2031-2035

Vận hành và khai thác các dự án mang lại hiệu quả tối đa, trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong nước về phân bón và hóa chất, có thương hiệu toàn cầu.

TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

- PVFCCo trở thành doanh nghiệp sản xuất phân bón và hóa chất với quy mô hàng đầu không chỉ tại Việt Nam mà còn trong khu vực;
- PVFCCo đạt tới tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế tốt về ứng dụng công nghệ sản xuất hiện đại để đáp ứng các tiêu chuẩn cao về chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường; thỏa mãn các tiêu chuẩn toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp và dịch vụ khách hàng, triển khai chuyển đổi số thành công để quản trị hiệu quả hơn và gia tăng trải nghiệm khách hàng;
- PVFCCo là thương hiệu có uy tín trên thị trường quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi sản phẩm phục vụ cho nền nông nghiệp xanh, sạch, đáp ứng các tiêu chí về phát triển bền vững, tích cực tham gia bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu; góp phần phát triển nền sản xuất nông nghiệp hiện đại;
- Chú trọng đến đời sống người lao động và chia sẻ lợi ích với cộng đồng thông qua triển khai các chương trình an sinh xã hội.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CHO CÁC LĨNH VỰC CỤ THỂ

Lĩnh vực phân bón

Giai đoạn 2021-2025

- **Phân đạm:** Tiêu thụ tối đa sản lượng sản xuất trên nguyên tắc tối ưu hiệu quả và bền vững; phát triển các sản phẩm phân đạm thông minh, nhiều thành phần, bổ sung giải pháp để tăng hiệu suất sử dụng, cải tạo đất...; khai thác lợi thế thương hiệu và nâng cao hiệu quả hệ thống phân phối;
- **NPK:** Tập trung hoàn thiện, phát triển dãy sản phẩm NPK chất lượng cao, chuyên biệt theo nhóm cây trồng và vùng địa lý, tăng hiệu suất sử dụng, cải tạo đất...; khai thác lợi thế thương hiệu để tiếp cận gần hơn với người tiêu dùng cuối;
- **Phân bón hữu cơ:** Xây dựng và thương mại hóa dải sản phẩm phân bón hữu cơ theo nhóm, tăng miễn dịch cây trồng, tăng hiệu suất sử dụng, cải tạo đất...; hoàn thiện năng lực sản xuất phân hữu cơ với định hướng khai thác các vùng lợi thế về nguồn nguyên liệu để sản xuất theo quy mô công nghiệp, ứng dụng công nghệ hiện đại; khai thác lợi thế về thương hiệu và hệ thống phân phối để gia tăng thị phần;

Giai đoạn 2026-2030

- Phát triển các sản phẩm mới trên nền urê, tạo sự khác biệt và gia tăng năng lực cạnh tranh;
- Tiếp tục gia tăng thị phần NPK, tăng công suất sản xuất NPK chất lượng cao;
- Tham gia lĩnh vực phân bón hữu cơ và định vị vai trò kiến tạo phát triển mảng phân bón hữu cơ trên thị trường;
- Tiếp tục phân phối các sản phẩm Kali, DAP và SA với mục tiêu cung cấp các giải pháp toàn diện cho khách hàng.

Giai đoạn 2031-2035

- Tiếp tục giữ vững và gia tăng thị phần các loại phân bón, đặc biệt là phát triển thị trường NPK và phân bón hữu cơ;
- Phát triển phân bón thông minh, bắt kịp xu thế công nghệ sản xuất của thế giới.

Lĩnh vực hóa chất

Giai đoạn 2022-2025

Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh các sản phẩm hóa chất hiện có và tận dụng nguồn lực, lợi thế sẵn có để mở rộng dãy sản phẩm mới; củng cố nhân lực để tiếp cận thị trường mới và xây dựng niềm tin với nhà đầu tư về năng lực của PVFCCo trong việc mở rộng kinh doanh sang các lĩnh vực mới như hóa dầu; Mở rộng chuỗi sản xuất hóa chất và triển khai đầu tư sản xuất hóa chất có tiềm năng như H_2O_2, Melamine, DEF, Soda Ash,...; Hoàn thiện mô hình kinh doanh mảng hóa chất với 02 trụ cột chính là xây dựng mạng lưới kênh phân phối và mô hình hợp tác kinh doanh.

Giai đoạn 2026-2030

Đánh dấu sự tham gia vào lĩnh vực kinh doanh hóa dầu với một số sản phẩm (tích hợp với Tổ hợp hóa dầu đi từ nguồn nguyên khí NG/LNG & Condensate/Naptha; tích hợp với nhà máy lọc dầu để sản xuất olefins lớn từ Ethane cracker, Naphtha cracker).

Giai đoạn 2031-2035

Trở thành nhà sản xuất hóa chất và hóa dầu có quy mô, doanh thu hóa chất đóng góp đáng kể doanh thu và lợi nhuận cho PVFCCo.

CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH VỀ SẢN LƯỢNG VÀ TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT

Phân bón

ĐẠM PHÚ MỸ	NPK PHÚ MỸ	ĐẠM KEBO	PHÂN BÓN HỮU CƠ
3.980-4.060 nghìn tấn	1.020-1.040 nghìn tấn	55-60 nghìn tấn	40-41 nghìn tấn

Hóa chất

NH_3 SẢN XUẤT BÁN THƯƠNG MẠI	UFC85/ FORMALIN	DEF
345-360 nghìn tấn	60-70 nghìn tấn	36-38 nghìn tấn

SẢN LƯỢNG KINH DOANH

Phân bón

ĐẠM PHÚ MỸ	NPK PHÚ MỸ	ĐẠM KEBO	PHÂN BÓN HỮU CƠ	PHÂN BÓN VÔ CƠ KHÁC
3.950-4.050 nghìn tấn	1.130-1.155 nghìn tấn	55-60 nghìn tấn	72-74 nghìn tấn	1.320-1.550 nghìn tấn

Hóa chất

UFC85/ FORMALIN	NH_3	CO_2	DEF
45-47 nghìn tấn	350-360 nghìn tấn	240-245 nghìn tấn	36-38 nghìn tấn

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG DOANH THU	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
84,9-86,6 nghìn tỷ đồng	12,7-13,0 nghìn tỷ đồng	10,7-10,9 nghìn tỷ đồng	2,5-2,6 nghìn tỷ đồng

Tổng nhu cầu vốn đầu tư: 8.381 tỷ đồng
(trong đó vốn chủ sở hữu 4.301 tỷ đồng, vốn vay + khác 4.081tỷ đồng)

CÁC DỰ ÁN VỀ PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT KHẢ THI DỰ KIẾN TRIỂN KHAI TRONG GIAI ĐOẠN 2022-2030

STT	Sản phẩm	Dự án	Công suất dự kiến (nghìn tấn)	Giá trị đầu tư dự kiến	Thời điểm đầu tư	Số năm xây dựng (dự kiến)
1	Phân bón	Nhà máy NPK - giai đoạn 2	250	950	2025	2
2		Nhà máy Phân bón Hữu cơ - giai đoạn 1	50	60	2024	1,5
3		Nhà máy Phân bón Hữu cơ - giai đoạn 2	50	60	2027	1,5
4		Nhà máy Phân bón Hữu cơ - giai đoạn 3	100	120	2029	1,5
5	Hóa chất	Nhà máy H_2O_2	40	296*	2024	2
6		Nhà máy Soda Ash	200	2.300	2024	2
7		Nhà máy DEF	40	58	2023	Dưới 1 năm
8		Nhà máy Melamine	40	3.322	2024	2
9		Nhà máy H_2SO_4	200	2.355	2026	4
10		Nhà máy Caprolactam	50	1.707	2026	2
11		Nhà máy PVC	200	1.313.*	2026	2
12		Nhà máy Caustic Soda	75	23*	2026	1

(*) Đây là mức đầu tư tương ứng với tỷ lệ góp vốn của PVFCCo là 51% tổng giá trị đầu tư của dự án.

Chương 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

GIỮ VỮNG **NIỀM TIN**

Suốt 20 năm qua, PVFCCo luôn giữ vững niềm tin của khách hàng, đối tác trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đặc biệt, năm 2022 PVFCCo còn bứt phá ngoạn mục, liên tiếp xác lập kỷ lục khi vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh. Đây là tiền đề vững chắc để PVFCCo tự tin chinh phục những mục tiêu cao hơn trong thời gian tới.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu DPM	
			Đại diện	Sở hữu cá nhân
	Hội đồng quản trị			
1	Hoàng Trọng Dũng	Chủ tịch HĐQT chuyên trách, không điều hành, không nắm giữ chức vụ tại các doanh nghiệp khác (giữ chức từ ngày 27/04/2021)	92.300.253	-
2	Lê Cự Tân	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ, không nắm giữ chức vụ tại các doanh nghiệp khác	62.624.000	170.500
3	Dương Trí Hội	Thành viên HĐQT chuyên trách, không điều hành, không nắm giữ chức vụ tại các doanh nghiệp khác	39.140.000	-
4	Trịnh Văn Khiêm	Thành viên HĐQT chuyên trách, không điều hành, không nắm giữ chức vụ tại các doanh nghiệp khác	39.140.000	-
5	Louis T Nguyen	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành, là Tổng giám đốc Công ty quản lý quỹ đầu tư SAM	-	-
	Ban Tổng giám đốc			
1	Lê Cự Tân	Tổng giám đốc	62.624.000	170.500
2	Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng giám đốc	-	-
3	Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc	-	-
4	Trần Thị Phương Thảo	Phó Tổng giám đốc	-	33.700
5	Cao Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc	-	-
6	Đào Văn Ngọc	Phó Tổng giám đốc	-	-
7	Tạ Quang Huy	Phó Tổng giám đốc	-	-
	Ban kiểm soát			
1	Huỳnh Kim Nhân	Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách	-	-
2	Lê Vinh Văn	Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách	-	-
3	Lương Phương	Thành viên Ban kiểm soát	-	-
	Kế toán trưởng			
1	Võ Ngọc Phương	Kế toán trưởng	-	-

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu gồm 5 thành viên với thông tin chi tiết như ở các phần trên. HĐQT không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho các thành viên chuyên trách phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để HĐQT ra quyết định, đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Tổng công ty triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2022, HĐQT với 05 thành viên đương nhiệm (01 thành viên độc lập) đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của công ty cổ phần. HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các Thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

Trong năm 2022, HĐQT họp 4 phiên họp và 80 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 47 nghị quyết, quyết định quan trọng và nhiều văn bản chỉ đạo khác về những nội dung quan trọng tiêu biểu sau đây:

Kế hoạch, chiến lược

- Phê duyệt kế hoạch và giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2023;
- Triển khai rà soát, xây dựng Chiến lược phát triển Tổng công ty.



Về tổ chức - nhân sự

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai công tác tái sắp xếp cơ cấu bộ máy quản trị điều hành công ty mẹ & các công ty con, công tác tái cơ cấu tổng thể;
- Phê duyệt định biên lao động; Công tác quy hoạch cán bộ Tổng công ty giai đoạn 2022-2025 và luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ tại 2 công ty con;
- Thành lập Chi nhánh Tổng công ty – Trung tâm Nghiên cứu & Ứng dụng, Ban dự án chuyển đổi số, phương án tổ chức lại Ban Kiểm toán nội bộ, Văn phòng Hội đồng quản trị.

Hệ thống quản trị, kiểm soát rủi ro, kiểm soát nội bộ

- Phê duyệt và triển khai kế hoạch kiểm toán nội bộ, giám sát hoạt động các công ty thành viên; Chỉ đạo thực hiện công tác rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản nội bộ và hệ thống quản trị rủi ro.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022 (tiếp theo)

Đầu tư, triển khai các dự án

- Chỉ đạo triển khai và xử lý vướng mắc nhằm hoàn thành giai đoạn kết thúc của dự án đầu tư nâng công suất xưởng NH_3 Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy phân NPK công nghệ hóa học.

Ban hành, sửa đổi bổ sung các quy chế

- Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ Tổng công ty, ban hành Quy chế quản lý tài chính, Quy chế Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến cổ đông theo hình thức trực tuyến, Quy chế soạn thảo, ban hành và quản lý văn bản quy phạm nội bộ.

Công tác tái cơ cấu

- Chỉ đạo triển khai công tác tái cơ cấu tổng thể Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

Quan hệ cổ đông

- Tổ chức thành công phiên họp ĐHĐCĐ gồm có ĐHĐCĐ thường niên 2022 (trong tháng 6/2022) và phiên họp ĐHĐCĐ bất thường (trong tháng 12/2022). Chỉ đạo bộ phận IR tích cực triển khai các hoạt động tiếp xúc, trao đổi cập nhật thông tin thông qua kênh trực tuyến nhằm đảm bảo thông tin liên tục, đầy đủ về kết quả hoạt động tới cổ đông, NĐT.

Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính

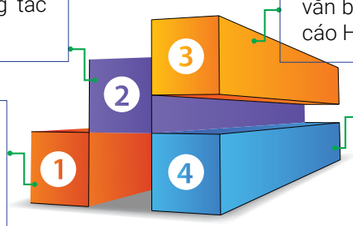
- Phối hợp với Ban kiểm soát để thông qua việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, HĐQT còn thường xuyên giao ban công việc hàng tuần, hàng tháng để kiểm tra, đánh giá công việc của HĐQT và giám sát việc thực hiện của Ban điều hành đối với các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua:

Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Tổng công ty.

Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT.



Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong một số cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT.

Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.

DANH MỤC CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ THÔNG QUA VÀ BAN HÀNH TRONG NĂM 2022

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	16/NQ-PBHC	1/12/2022	NQ chấp thuận chủ trương và mức trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của TCT Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP năm 2021
2	25/NQ-PBHC	17/01/2022	NQ tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021
3	27/NQ-PBHC	19/01/2022	NQ Chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc
4	28/NQ-PBHC	19/01/2022	NQ Chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung
5	29/NQ-PBHC	19/01/2022	NQ Chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ
6	30/NQ-PBHC	19/01/2022	NQ Chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
7	35/NQ-PBHC	21/01/2022	NQ thông qua Chương trình hành động Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021 - 2025 của PVFCCo
8	44/QD-PBHC	28/01/2022	QĐ phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý tài chính của PVFCCo
9	59/NQ-PBHC	28/02/2022	NQ thông qua kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm toán nội bộ PVFCCo
10	60/NQ-PBHC	28/02/2022	NQ thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung số 02 - Hợp đồng mua bán khí với PV Gas năm 2020
11	61/NQ-PBHC	28/02/2022	Thông qua chương trình công tác giám sát năm 2022 của HĐQT đối với các công ty con thuộc Tổng công ty
12	69/NQ-PBHC	9/3/2022	NQ phê duyệt KH Khoa học và Công nghệ năm 2022 của PVFCCo
13	83/NQ-PBHC	21/03/2022	NQ thông qua kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tại PVFCCo
14	89/NQ-PBHC	29/03/2022	NQ phê duyệt quyết toán chi phí bảo dưỡng tổng thể Nhà máy đạm Phú Mỹ năm 2021
15	96/NQ-PBHC	5/4/2022	Phê duyệt quyết toán quỹ lương năm 2021 của PVFCCo
16	112/QĐ-PBHC	18/04/2022	QĐ thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số tại PVFCCo
17	113/QĐ-PBHC	18/04/2022	QĐ ban hành Quy chế Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến cổ đông theo hình thức trực tuyến của PVFCCo
18	121/NQ-PBHC	27/04/2022	NQ về việc thông qua Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãnh phí năm 2022
19	126/NQ-PBHC	5/5/2022	NQ về việc phê duyệt kế hoạch vốn lưu động công ty mẹ đối với các mặt hàng phân bón Phú Mỹ năm 2022
20	130/NQ-PBHC	9/5/2022	NQ về việc phân cấp quyết định đối với bộ định mức số 2, bộ định mức số 6 và việc điều chỉnh bộ định mức số 1, định mức 7, 6

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

DANH MỤC CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ THÔNG QUA VÀ BAN HÀNH TRONG NĂM 2022 (tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
21	**162/QĐ-PBHC**	27/05/2022	QĐ phê duyệt danh sách Quy hoạch đối với các chức danh cán bộ diện Tổng công ty quản lý giai đoạn 2022-2025
22	**190/NQ-PBHC**	21/06/2022	NQ về việc thông qua chủ trương bố trí cán bộ chuyên trách giữ chức danh Chủ tịch HĐQT tại các công ty con thuộc Tổng công ty
23	**191/NQ-PBHC**	22/06/2022	NQ thông qua chương trình, tài liệu phiên họp thường niên năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông PVFCCo
24	**197/NQ-PBHC**	25/06/2022	NQ về việc thông qua phương án nhân sự tại các công ty con thuộc Tổng công ty
25	**203/NQ-PBHC**	5/7/2022	NQ Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2022 của PVFCCo
26	**205/NQ-PBHC**	8/7/2022	NQ phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp và ký hợp đồng đơn hàng thuê đơn vị cung cấp dịch vụ soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022
27	**206/QĐ-PBHC**	8/7/2022	QĐ về việc thành lập Tổ kiểm phiếu rà soát, bổ sung quy hoạch năm 2022 và xây dựng quy hoạch cho nhiệm kỳ tiếp theo đối với cán bộ cấp ủy, cán bộ quản lý diện Tập đoàn quản lý
28	**216/NQ-PBHC**	15/07/2022	NQ thông qua phương án nhân sự tại các công ty con thuộc Tổng công ty
29	**215/NQ-PBHC**	15/07/2022	Nghị quyết phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng đầu tư tiền gửi năm 2022
30	**231/NQ-PBHC**	27/07/2022	NQ về việc thông qua phương án triển khai an sinh xã hội năm 2022-2023
31	**235/NQ-PBHC**	2/8/2022	NQ thông qua chương trình hành động thực hiện nhiệm vụ năm 2022 của PVFCCo
32	**260/QĐ-PBHC**	22/08/2022	QĐ ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Chi nhánh Kinh doanh Hóa chất Dầu khí
33	**268/NQ-PBHC**	30/08/2022	NQ phê duyệt điều chỉnh quỹ lương kế hoạch năm 2022 của PVFCCo
34	**292/QĐ-PBHC**	15/09/2022	QĐ điều động và bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Hồng Dung Chủ tịch HĐQT PVFCCo North đến đảm nhận chức vụ Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty kể từ ngày 15/9/2022
35	**294/NQ-PBHC**	15/09/2022	NQ ủy quyền đại diện quản lý phần vốn góp của TCT cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung
36	**293/NQ-PBHC**	15/09/2022	NQ ủy quyền đại diện quản lý phần vốn góp của TCT cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc
37	**453/NQ-PBHC**	4/11/2022	NQ thông qua kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tại PVFCCo

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
38	**473/QĐ-PBHC**	17/11/2022	QĐ phê duyệt và ban hành Quy chế soạn thảo, ban hành và quản lý văn bản quy phạm nội bộ của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí
39	**489/NQ-PBHC**	30/11/2022	NQ về việc thông qua phương án thành lập Ban dự án Chuyển đổi số
40	**498/NQ-PBHC**	6/12/2022	NQ thông qua chương trình, tài liệu phiên họp bất thường năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông PVFCCo
41	**503/NQ-PBHC**	9/12/2022	NQ chấp thuận Dự thảo Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Tổng công ty và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
42	**504/NQ-PBHC**	9/12/2022	NQ thông qua phương án triển khai thành lập Chi nhánh Tổng công ty - Trung tâm Nghiên cứu & Ứng dụng
43	**518/NQ-PBHC**	16/12/2022	NQ chấp thuận bổ sung định biên lao động Văn phòng Tổng công ty
44	**519/NQ-PBHC**	16/12/2022	NQ thông qua phương án kiện toàn cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, định biên lao động các ban giúp việc Hội đồng quản trị
45	**527/NQ-PBHC**	22/12/2022	NQ thông qua tờ trình của Hội đồng quản trị tại cuộc họp bất thường năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông PVFCCo
46	**55/NQ-ĐHĐCĐ**	27/12/2022	NQ phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022
47	**534/NQ-PBHC**	28/12/2022	NQ chấp thuận Hợp đồng mua bán khí với PV Gas năm 2023



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY (tiếp theo)

BỒI DƯỠNG, ĐÀO TẠO NÂNG CAO KIẾN THỨC QUẢN TRỊ CÔNG TY CHO CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tất cả các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm và được đào tạo về Quản trị công ty tại thời điểm được bầu và bổ nhiệm.

Các thành viên HĐQT luôn chủ động bồi dưỡng, đào tạo cập nhật, nâng cao kiến thức về Quản trị công ty để đáp ứng yêu cầu công việc.

Việc thực hiện các quy định về Quản trị công ty

Tổng công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Quản trị công ty niêm yết:

- Đảm bảo tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
- Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông tuân thủ đầy đủ quy định của Pháp luật về doanh nghiệp và quy định quản trị đối với công ty đại chúng, niêm yết. Tổ chức họp và thông qua ý kiến Hội đồng quản trị đúng quy định của Điều lệ Tổng công ty và pháp luật về doanh nghiệp.
- Thực hiện đầy đủ và đúng hạn tất cả các nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ và bất thường đối với công ty đại chúng, niêm yết.
- Báo cáo thường niên và các báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông được lập với đầy đủ nội dung và thông tin về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản trị, điều hành, giám sát của Tổng công ty.
- Tuân thủ chặt chẽ các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các quy định về quản trị doanh nghiệp niêm yết.
- Hội đồng quản trị đã xây dựng và ban hành đầy đủ các Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, ban hành Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Về nâng cao năng lực quản trị công ty, hướng tới các chuẩn mực quản trị quốc tế khu vực và quốc tế: Thực hiện/tham gia các khóa đào tạo cho các thành viên Ban điều hành/Ban kiểm soát/các thành viên trong HĐQT.

Việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và nội dung công việc được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022, ĐHĐCĐ đã thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty và giao cho Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị phù hợp với Điều lệ (sửa đổi). HĐQT đã triển khai công tác rà soát để hoàn thiện 2 quy chế này trong dự án rà soát, hoàn thiện tổng thể hệ thống văn bản nội bộ của Tổng công ty.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty tìm kiếm và chủ động quyết định việc mua khí nguyên liệu phục vụ sản xuất của Nhà máy đạm Phú Mỹ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và chỉ đạo của các Cấp có thẩm quyền. Hội đồng quản trị đã thông qua hợp đồng mua bán khí năm 2020 đến hết năm 2022 và nỗ lực để có thể đạt được hợp đồng cung cấp khí cho các năm tiếp theo.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Thành viên Hội đồng quản trị Louis T. Nguyễn hoạt động kiêm nhiệm tại Hội đồng quản trị và hiện tại đáp ứng tiêu chí thành viên độc lập không điều hành, đã tham dự và ủy quyền tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề quyết định của Hội đồng quản trị; tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành theo phân công của Hội đồng quản trị kể từ thời điểm được bầu vào Hội đồng quản trị.

ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP LOUIS T. NGUYỄN VỀ QUẢN TRỊ/ĐIỀU HÀNH CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG NĂM 2022

Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành đã thực hiện vai trò, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về quản trị công ty, Điều lệ Tổng công ty và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị và cán bộ điều hành đã thực hiện và tuân thủ đầy đủ trách nhiệm, quyền hạn được giao theo quy định với mục tiêu bảo vệ quyền lợi cho toàn thể cổ đông của Tổng công ty, kết quả được thể hiện qua các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022 đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức.

Trong Tổng công ty, cổ đông Nhà nước cũng giống như các cổ đông khác, đều mong muốn giá trị của công ty tăng lên. Những người quản trị là đại diện vốn nhà nước ngoài nhiệm vụ tuân thủ chế độ quản trị doanh nghiệp, còn ràng buộc trách nhiệm quản lý, bảo toàn phần vốn của Nhà nước. Tổng công ty phụ thuộc khá lớn vào chi phí nguyên liệu sản xuất và trong bối cảnh nguồn khí giá rẻ suy giảm, Ban quản trị đã hết sức nỗ lực trong việc thuyết trình, đề xuất, bảo vệ cho những cam kết, hay chính sách của Nhà nước có lợi nhất cho Tổng công ty về lĩnh vực này trong ngắn hạn và dài hạn. HĐQT Tổng công ty đã hoạt động tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị đối với công ty niêm yết, đảm bảo cho các thành viên HĐQT và thành viên HĐQT độc lập thực thi quyền hạn, trách nhiệm.



Để tiến tới và tiếp cận sát với các chuẩn mực quản trị tiên tiến, HĐQT đã nhận thức và thúc đẩy công tác rà soát, cải tiến nội dung hoạt động theo hướng tăng cường hiệu quả hệ thống quản trị và giám sát, xây dựng cơ chế phân cấp mạnh mẽ và phù hợp để giảm bớt sự tham gia vào các hoạt động mang tính chất điều hành. Trong năm 2022, Tổng công ty tiếp tục tích cực phối hợp với các đơn vị tư vấn chuyên nghiệp thực hiện chương trình tái cơ cấu nhằm tinh gọn bộ máy song song với việc triển khai cập nhật, hoàn thiện chiến lược phát triển trung và dài hạn theo định hướng được ĐHĐCĐ thông qua.

Thành viên độc lập phụ trách về mảng quan hệ với các cổ đông đặc biệt là nước ngoài, chiếm tỷ lệ khá lớn trong công ty. Trong năm 2022 với kết quả hoạt động của công ty có nhiều khởi sắc, nhu cầu tiếp cận thông tin từ cộng đồng nhà đầu tư đã tăng mạnh, đặc biệt liên quan tới nội dung đề xuất tại kỳ họp ĐHĐCĐ bất thường. Thành viên độc lập đã tích cực kết nối với Ban lãnh đạo và bộ phận chức năng tiếp tục tăng cường chuyển tải đến nhà đầu tư về những giá trị, những lợi thế của Tổng công ty và nỗ lực từ Ban Quản trị, Điều hành nhằm cải thiện công tác quản trị và đảm bảo quyền lợi của cổ đông, và ngược lại cũng mang những đóng góp, ý tưởng từ nhà đầu tư về cho HĐQT về đường lối, chiến lược phát triển, hay những phương hướng về tìm nhà đầu tư chiến lược. Dựa trên chiến lược phát triển trung và dài hạn mới được cập nhật, Thành viên độc lập đã và đang tham gia hỗ trợ Ban lãnh đạo tìm kiếm các cơ hội, đối tác tiềm năng tham gia sản xuất, phân phối kinh doanh hóa chất và các sản phẩm phân bón bền vững.

Tổng công ty đã và đang có những nền tảng quản trị tốt trong số những công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022 CỦA TỔNG CÔNG TY, VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY

Ban kiểm soát đã thẩm định Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo kết quả hoạt động của Tổng giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông thường niên và đánh giá Tổng công ty đã hoàn thành vượt mức rất cao so với các chỉ tiêu SXKD năm 2022 do ĐHĐCĐ quyết nghị, phản ánh đúng, trung thực hoạt động của Tổng công ty cụ thể như sau:

Kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty

SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT

URÊ PHÚ MỸ

917 nghìn tấn

đạt 111% KH năm

▲ 15% so với cùng kỳ 2021

NPK PHÚ MỸ

157 nghìn tấn

đạt 94% KH năm

DOANH THU HỢP NHẤT

19.013 tỷ đồng

đạt 110% KH năm

▲ 45% so với cùng kỳ 2021

SẢN LƯỢNG KINH DOANH

URÊ PHÚ MỸ

791 nghìn tấn

đạt 99% KH năm

▲ 6% so với cùng kỳ 2021

NPK PHÚ MỸ

129 nghìn tấn

đạt 78% KH năm

▼ 15% so với cùng kỳ 2021

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ ĐẠT

6.606 tỷ đồng

đạt 160% KH năm,

▲ 74% so với năm 2021

Về công tác triển khai các dự án đầu tư

Tổ hợp dự án nâng công suất phân xưởng NH_3 và Nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học hoàn thành đưa và sử dụng, hiện đang triển khai công tác nghiệm thu cuối cùng (FAC), quyết toán A-B hợp đồng EPC, các hợp đồng liên quan khác và quyết toán vốn dự án. Hoàn thành đàm phán hợp đồng BCC với PVChem về dự án nhà máy sản xuất Ôxy già (H_2O_2). Tổng công ty đã lựa chọn nhà thầu và khởi công gói thầu EC dự án kho chứa bao thành phẩm 20 nghìn tấn tại Nhà máy đạm Phú Mỹ.

Về công tác tái cấu trúc, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp & hoàn thiện công tác quản lý, điều hành

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện xây dựng tái cơ cấu tổng thể mô hình tổ chức hoạt động Tổng công ty giai đoạn 2020-2025, thực hiện xong bước sắp xếp sát nhập 13 ban chức năng văn phòng Công ty mẹ thành 8 Ban chức năng, ký hợp đồng tư vấn và xây dựng chiến lược phát triển của Tổng công ty trong giai đoạn đến 2035.



KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY

Báo cáo tài chính của Tổng công ty đã phản ảnh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Tổng công ty, việc ghi chép, phân loại và trình bày tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, việc huy động vốn, sử dụng nguồn vốn, đầu tư mua sắm đúng với các quy định hiện hành, đã được Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện soát xét và kiểm toán.

Các chỉ tiêu Doanh thu hợp nhất tăng rất cao, chi phí bán hàng, chi phí quản lý được kiểm soát, Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt cao và vượt xa kế hoạch, nộp ngân sách Nhà nước 1.521 tỷ đồng tăng 91% so với năm 2021. Báo cáo tài chính của Tổng công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Tổng công ty, việc ghi chép, phân loại và trình bày tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, việc sử dụng nguồn vốn, đầu tư mua sắm đúng với các quy định hiện hành.

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát đã hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ, phối hợp tổ chức kiểm tra và có báo cáo kiến nghị về hoạt động SXKD năm 2022. Các thành viên Ban kiểm soát đã nỗ lực, chủ động giải quyết công việc độc lập, đề xuất xử lý các vấn đề trong phạm vi công việc được phân công và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tuân thủ các quy định của luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, quy chế hoạt động Ban kiểm soát.

THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Tiền lương, thưởng, thù lao của các thành viên được xây dựng, thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP và theo Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 thông qua.
- Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát là 546,49 triệu đồng, bao gồm: Chi phí văn phòng phẩm, trang thiết bị, cước điện thoại, internet, công tác phí và chi phí tiếp khách, hội họp, đã được hạch toán vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, và được lập thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm 2022 của Tổng công ty.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)



TỔNG KẾT CÁC PHIÊN HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT, CÁC KẾT LUẬN KIẾN NGHỊ, KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY:

Ban kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp định kỳ, phân công nhiệm vụ các thành viên, thông qua kế hoạch kiểm tra giám sát các đơn vi, thẩm định báo cáo tài chính quý/6 tháng/năm, thông qua báo cáo giám sát, trả lời các ý kiến của cổ đông, báo cáo thẩm định tiền lương và báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ của cá nhân, tập thể Ban kiểm soát.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ GIAO DỊCH GIỮA TỔNG CÔNG TY, CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY KHÁC DO TỔNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT TRÊN NĂM MƯƠI PHẦN TRĂM (50%) TRỞ LÊN VỐN ĐIỀU LỆ VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN ĐÓ:

Đến 31/12/2022, tổng số vốn góp vào các Công ty con không thay đổi, tỷ lệ vốn góp 75%/VĐL là 386,25 tỷ đồng, các Công ty này làm hệ thống đại lý, phân phối sản phẩm của Tổng công ty, các giao dịch mua bán đúng quy định, đúng điều lệ Công ty, đảm bảo lợi ích của cổ đông.

GIAO DỊCH GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÁC CÔNG TY TRONG ĐÓ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC LÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (CÔNG TY CON) TRONG THỜI GIAN 03 NĂM GẦN NHẤT TRƯỚC THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH: Không có

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC:

Tổng công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường để quyết nghị các vấn đề SXKD năm 2022, ủy quyền quyết toán giá khí giai đoạn 2014-2018 và tăng tỷ lệ chia cổ tức. Các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách từng lĩnh vực, thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền để HĐQT ra quyết định, giám sát, chỉ đạo, đôn đốc TCT triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công, tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ, Hội đồng quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị. Cùng với Ban điều hành chỉ đạo và thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, quyết định điều hành kịp thời, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG:

Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ giám sát việc quản lý và điều hành của Tổng công ty. Tham gia và có ý kiến trong các cuộc họp, các kiến nghị, góp ý của Ban kiểm soát được Ban điều hành chỉ đạo các Ban chức năng thực hiện và có trả lời bằng văn bản.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

MỤC ĐÍCH CHUNG

Tăng cường hoạt động công bố thông tin và tính minh bạch, đảm bảo đối xử công bằng đối với mọi cổ đông và bảo vệ quyền lợi của cổ đông, qua đó nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp và chất lượng thực thi theo bộ tiêu chuẩn phát triển bền vững, tạo tiền đề để mở rộng mạng lưới hợp tác với các tổ chức lớn, chuyên nghiệp và tạo dựng sự tin tưởng của các cổ đông.

Tổng công ty cam kết thực hiện nhất quán nguyên tắc trong hoạt động quan hệ cổ đông, đảm bảo tuân thủ các quy định trong công bố thông tin đối với các doanh nghiệp niêm yết, dựa trên tính minh bạch và quyền tiếp cận thông tin công bằng tới tất cả các cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan.

- TCT có đầu mối chuyên trách thực hiện các hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư, với sự kết nối thông tin thông suốt từ các ban chuyên môn trong công ty nhằm đảm bảo thông tin công bố ra bên ngoài cũng được thống nhất và chia sẻ, được phê duyệt, chỉ đạo và giám sát từ cấp lãnh đạo cao nhất trong Tổng công ty.

- PVFCCo đảm bảo mọi cổ đông, nhà đầu tư (NĐT) đều có quyền tiếp cận công bằng và thuận lợi thông qua các hình thức truyền thông đa dạng (trực tiếp, gián tiếp, các tổ chức trung gian...) nhằm đảm bảo thông tin được chuyển tải kịp thời, chính xác và minh bạch. Các cổ đông, NĐT có thể liên hệ thông qua các kênh thông tin kết nối với bộ phận IR như: website www.dpm.vn; Bộ phận đầu mối về Quan hệ nhà đầu tư (IR) của PVFCCo; qua các đầu mối phụ trách ngành tại các tổ chức môi giới trên thị trường...

Trong năm 2022, bộ phận IR đã triển khai các hoạt động hướng tới các mục tiêu chính như sau:

- Công bố thông tin minh bạch, chính xác, kịp thời: Trong năm 2022, thị trường chứng khoán và ngành phân bón trên thế giới và trong nước chứng kiến nhiều biến động phức tạp, tác động lớn tới tình hình hoạt động chung của Tổng công ty (tích cực lẫn tiêu cực), bộ phận IR của PVFCCo đã chủ động tham gia các hoạt động kết nối, gặp gỡ cổ đông, NĐT trong và ngoài nước nhằm kịp thời cập nhật thông tin, phản hồi các thắc mắc của cổ đông và NĐT trên thị trường. Cụ thể, trong năm 2022, TCT đã thực hiện hơn 30 cuộc gặp mặt, tiếp xúc cổ đông định kỳ và theo yêu cầu; tham dự 05 diễn đàn, hội nghị gặp gỡ NĐT trong và ngoài nước... Ngoài ra định kỳ hàng quý, Tổ IR đều tổ chức họp trực tuyến với với đại diện các quỹ đầu tư trong và ngoài nước, các chuyên viên phân tích từ các tổ chức môi giới lớn trên thị trường để cập nhật thông tin về kết quả sản xuất kinh doanh và trả lời các vấn đề được nhà đầu tư quan tâm.

- Nỗ lực thực hiện bảo vệ quyền của cổ đông và đảm bảo đối xử công bằng đối với mọi cổ đông – chủ sở hữu của công ty, từ các cổ đông nhỏ lẻ tới các nhóm cổ đông nước ngoài: Thực hiện thông qua việc công bố thông tin đầy đủ, minh bạch và công bằng nhằm đảm bảo mọi cổ đông được tiếp cận đầy đủ thông tin để có thể đưa ra quyết định chính xác tại các phiên họp đại hội đồng cổ đông; đảm bảo mọi cổ đông đều có cơ hội bày tỏ ý kiến, đưa ra các đề xuất, khuyến nghị và được phản hồi thông tin, giải đáp thỏa đáng; hỗ trợ giúp việc cho Ban lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi cổ đông một cách cẩn trọng theo đúng các nguyên tắc và quy định trong điều lệ Tổng công ty và pháp luật Việt Nam...

- Thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường, các ấn phẩm truyền thông chuyên biệt dành cho cổ đông & NĐT (Bản tin NĐT và BCTN, thực hiện định kỳ tóm tắt kết quả hoạt động hàng quý thông qua các cuộc họp với NĐT...).

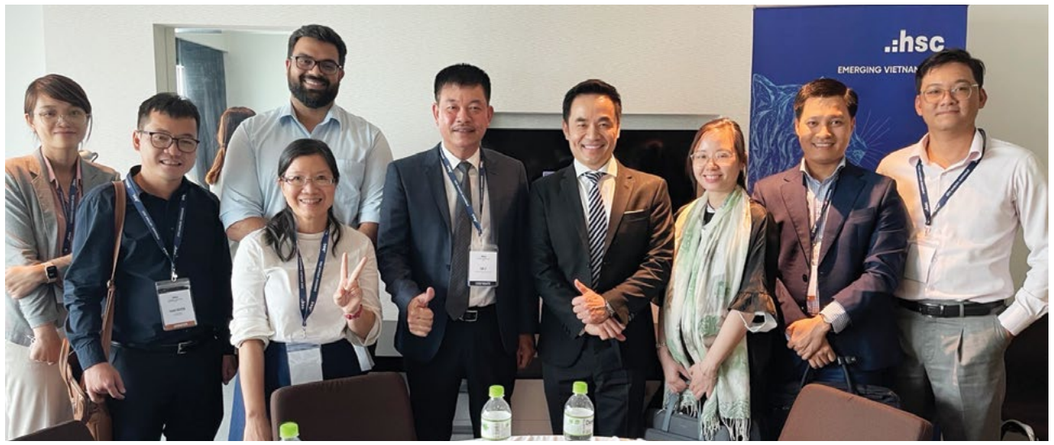
- Tổ chức thành công các cuộc họp ĐHĐCĐ hiệu quả: Trong năm 2022, PVFCCo đã thực hiện thành công 02 cuộc họp ĐHĐCĐ (thường niên và bất thường) trong tháng 06 và tháng 12 nhằm thông qua các nội dung quan trọng trong hoạt động chung của Tổng công ty. Bộ phận IR đã tích cực phối hợp, kết nối nhằm hỗ trợ đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời tới các cổ đông trước, trong và sau cuộc họp theo đúng quy định và hỗ trợ các thủ tục liên quan tới việc thực hiện đầy đủ quyền của cổ đông tại các phiên họp. Biên bản cuộc họp được tổng hợp chính xác, đầy đủ tuân thủ thời gian công bố thông tin kịp thời theo quy định...

- Kết nối chặt chẽ nhằm đảm bảo sự tham gia của các phòng ban chức năng, các cấp lãnh đạo (thành viên HĐQT và Ban điều hành) có mặt và sẵn sàng giải đáp kịp thời các thắc mắc của cổ đông tại các cuộc họp với cổ đông và nhà đầu tư và mọi cổ đông đều có quyền tiếp cận thông tin bình đẳng. HĐQT có phân công trách nhiệm cho đầu mối là thành viên HĐQT (độc lập) để phối hợp hỗ trợ kết nối với nhóm cổ đông thiểu số (ngoài PVN).

- Thực hiện chính sách chi trả cổ tức ổn định và việc chi trả cổ tức được thực hiện công bằng nhất quán dựa trên kết quả hoạt động thực tế trong năm.

- Giám sát, theo dõi và báo cáo giao dịch với các bên liên quan, tránh các xung đột lợi ích.

- Quản trị rủi ro và phát triển bền vững: Tổng công ty đã công bố chi tiết trong Báo cáo quản trị rủi ro và Báo cáo phát triển bền vững trong nội dung Báo cáo thường niên.



Với các diễn biến bất lợi và thuận lợi đan xen trong năm 2022 và nỗ lực đạt được những kết quả nổi bật, tập thể cán bộ nhân viên và lãnh đạo PVFCCo tự hào đã nỗ lực vượt khó, tận dụng tốt các cơ hội về thị trường nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông, với các kết quả hoạt động vượt xa các chỉ tiêu trọng yếu được cổ đông giao phó. Kết quả hoạt động tăng trưởng ấn tượng đã được phản ánh rõ nét trong định giá cổ phiếu trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam biến động mạnh, trải qua các cung bậc từ "đỉnh cao" tới "vực sâu". Từ mức đỉnh cao lịch sử 1.528,57 điểm ngày 06/1/2022, thị trường đã sụt giảm mạnh về mức đóng cửa thấp nhất năm 2022 là 911,9 điểm ngày 15/11/2022, tương đương mức giảm 40,34%. Đây là mức sụt giảm mạnh nhất thế giới.

Trong bối cảnh đó, theo dữ liệu thị trường, thị giá cổ phiếu DPM trong năm điều chỉnh giảm nhẹ 4.4% trong năm 2022 với thanh khoản trung bình vẫn duy trì ở mức tích cực trên 4 triệu cổ phiếu/ngày. Tỷ lệ sở hữu cổ đông nước ngoài tăng cao gần gấp đôi lên mức 20% vào cuối năm 2022 so với mức khoảng 9% hồi đầu năm.

Trong năm 2023, tiếp nối nền tảng và các định hướng về hoạt động Quan hệ NĐT, dưới sự chỉ đạo và hỗ trợ của Ban lãnh đạo TCT, mảng IR sẽ tiếp tục được củng cố, triển khai nhằm gắn kết với các mục tiêu chiến lược của công ty với mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp; minh bạch trong công bố thông tin hoạt động trên mọi lĩnh vực; đảm bảo tuân thủ các quy định, nguyên tắc đối xử công bằng với cổ đông; hướng tới sự phát triển ổn định, bền vững và không ngừng giá tăng giá trị đối với xã hội, cổ đông, đối tác và người lao động.

BÁO CÁO NHẬN DIỆN VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2022, với phương châm "Quản trị rủi ro biến động, phát huy nội lực, tăng sức sáng tạo, cải tiến kỹ thuật để phát triển bền vững" – Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí không chỉ đứng vững mà còn thu được những thành tựu vượt bậc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thiết lập những kỷ lục mới về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận,... trong lịch sử hướng đến kỷ niệm 20 năm thành lập và phát triển của Tổng công ty.

Ngay từ những tháng đầu năm 2022, nền kinh tế thế giới đã gặp khó khăn khi chiến tranh giữa Nga và Ukraina đã đẩy giá dầu lên cao, các lệnh cấm vận kinh tế đối với Nga, trong khi Trung Quốc chưa mở cửa nền kinh tế,... đã hạn chế nguồn cung nguyên vật liệu làm tăng chi phí đầu vào và tăng chi phí vận chuyển hàng hóa. Bên cạnh việc tiếp tục chống chọi với dịch bệnh Covid-19, Chính sách thuế VAT chưa được điều chỉnh phù hợp; lạm phát gia tăng làm suy thoái kinh tế, lãi suất cho vay của ngân hàng liên tục tăng, chi phí đầu vào cho nông nghiệp, đặc biệt là giá phân bón tăng cao ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của người nông dân, dẫn đến xu hướng giảm đầu tư phân bón cho cây trồng, ảnh hưởng về lâu dài đến hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Tổng công ty. Trong khi đó, Nhà máy đạm Phú Mỹ sau 19 năm vận hành đã tiềm ẩn rủi ro từ máy móc thiết bị.

PVFCCo đã xác định các nhóm rủi ro then chốt và triển khai các giải pháp quản trị rủi ro hiệu quả nhằm đảm bảo an toàn hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư trong năm 2022 và đã đạt được các mục tiêu chính như sau:

- Vận hành an toàn, hiệu quả Nhà máy đạm Phú Mỹ trong điều kiện nhà máy, thiết bị ngày càng già cỗi, giá nguyên vật liệu đầu vào luôn biến động, thị trường tiêu thụ ngày càng cạnh tranh khốc liệt.
- Đa dạng hóa sản phẩm mới, ổn định và phát triển sản phẩm truyền thống nhằm mở rộng thị phần, khẳng định vị trí dẫn đầu về sản xuất và kinh doanh phân bón tại thị trường nội địa đồng thời gia tăng sản lượng xuất khẩu.
- Nghiên cứu triển khai các dự án đầu tư mới, thử nghiệm và ra mắt sản phẩm mới, triển khai kinh doanh tốt các sản phẩm phân bón và hóa chất do TCT sản xuất nhằm đạt được mục tiêu chiến lược dài hạn của PVFCCo.

Nhằm đạt được các mục tiêu nêu trên để phát triển PVFCCo bền vững kết hợp với trách nhiệm bảo vệ lợi ích tốt nhất cho các cổ đông, hài hòa với trách nhiệm xã hội, năm 2022 vừa qua, PVFCCo luôn quản trị tốt các từng nhóm rủi ro trọng yếu như sau:

RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG

Nhằm duy trì mục tiêu dẫn đầu cả nước về sản xuất và kinh doanh phân bón tại thị trường nội địa, PVFCCo đã không ngừng đánh giá, kiểm soát và xử lý tốt rủi ro thị trường trọng yếu:

Rủi ro cung vượt cầu

Trước tình hình canh tranh ngày càng khốc liệt trên thị trường phân bón thế giới và trong nước những năm qua sau khi Việt Nam tham gia hàng loạt Hiệp định tự do thương mại và hàng rào bảo hộ đã ảnh hưởng mạnh đến hoạt động kinh doanh của PVFCCo. Trước thách thức này, PVFCCo đã tập trung kiện toàn và điều chỉnh hệ thống phân phối trong nước, tăng cường chăm sóc khách hàng nhằm phát triển có chiều sâu để tạo mối liên kết bền vững giữa Công ty mẹ với Công ty thành viên và hệ thống đại lý bao phủ khắp các vùng miền trên cả nước, điều động hàng hóa về các khu vực tiêu thụ trọng điểm để chiếm lĩnh thị trường, duy trì lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ cùng ngành, giữ vững thương hiệu. Đây là một kế hoạch mang tính chiến lược và dài hạn giúp Tổng công ty phát triển hệ thống bán hàng ổn định, vững chắc và mang tính lâu dài.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu đầu vào

Nguồn nguyên liệu chính là giá khí đã biến động tăng rất mạnh trong năm 2022, khi mà Chiến tranh giữa Nga và Ucraina nổ ra kết hợp các lệnh cấm vận kinh tế, tình hình địa chính trị trên thế giới liên tục thay đổi đã tác động đến nguồn cung dầu cho các nước ngay từ những tháng đầu năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid-19 đã dần kiểm soát, nhu cầu tiêu thụ dầu để phát triển kinh tế càng mạnh. Với đặc thù sản xuất và kinh doanh phân bón, giá thành sản phẩm chính của PVFCCo chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi biến động của giá dầu trên thế giới, trong nhiều năm qua giá dầu thế giới biến động tăng/giảm không ổn định. Việc giá dầu tăng/giảm không ổn định, ngoài tầm kiểm soát có ảnh hưởng trực tiếp và rất lớn đến kế hoạch SXKD của PVFCCo.

Lợi nhuận của PVFCCo phụ thuộc rất lớn vào biến động chi phí nguyên liệu đầu vào để sản xuất phân bón. Để ứng xử với rủi ro về giá dầu, giá khí trong việc hoạch định và thực hiện các mục tiêu kinh doanh trong ngắn hạn, PVFCCo đã linh hoạt lập dự báo kế hoạch SXKD trên nền các kịch bản về giá dầu, giá khí để kiểm soát sự thay đổi trong điều kiện môi trường kinh doanh nhiều biến động. Đồng thời, PVFCCo đã đàm phán với nhà cung cấp để có lộ trình giá khí phù hợp để sản xuất.

BÁO CÁO NHẬN DIỆN VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)



Rủi ro về giá bán giảm

Từ khi gia nhập các Hiệp định tự do thương mại, bất kỳ một sự thay đổi nào về giá phân bón thế giới cũng sẽ tác động ngay đến giá phân bón trên thị trường nội địa vì luôn phải cạnh tranh quyết liệt với phân bón nhập khẩu nước ngoài và nguồn hàng nhập khẩu tiểu ngạch các nước lân cận.

Trước áp lực này, PVFCCo là nhà sản xuất và kinh doanh phân bón luôn phải cân bằng giữa rủi ro và cơ hội để quyết định bán sản phẩm ở mức giá hợp lý sát với giá thị trường tại các thời điểm nhằm giữ vững thị phần và duy trì lợi thế cạnh tranh.

Rủi ro về tính thanh khoản của khách hàng

Rủi ro về tính thanh khoản xảy ra khi khách hàng không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn gây ảnh hưởng đáng kể đến kết quả sản xuất kinh doanh của PVFCCo.

Năm 2022, kinh tế thế giới bước vào suy thoái, lạm phát trong nước với việc siết chặt tín dụng và tăng lãi suất. Nhận thức rủi ro nêu trên, PVFCCo không ngừng đề ra chính sách bán hàng và chính sách tín dụng thương mại linh hoạt phù hợp với thị trường và được triển khai thực hiện, kiểm soát và quản trị có hệ thống từ Công ty mẹ đến các Công ty thành viên, hạn mức tín dụng trong hoạt động bán hàng được xây dựng riêng cho từng nhóm sản phẩm, từng khách hàng trên cơ sở đánh giá năng lực tài chính, mức độ tín nhiệm và khả năng hợp tác của từng khách hàng, đại lý. Tại PVFCCo, kế hoạch vốn lưu động nói chung và định mức hàng tồn kho, công nợ nói riêng được phê duyệt và kiểm soát chặt chẽ và báo cáo một cách kịp thời, đầy đủ trong suốt quá trình triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh. Với nhận thức đúng đắn và quản trị hiệu quả trong năm 2022, PVFCCo không xảy ra tranh chấp nợ xấu trong bất kỳ các giao dịch thương mại nào.

Rủi ro trong việc phát triển sản phẩm mới

Nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường về sản phẩm phân bón chất lượng cao và bảo vệ môi trường của bà con nông dân ngày càng đa dạng và khắt khe, PVFCCo đã không ngừng đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển nhằm đổi mới, sáng tạo, cải tiến sản phẩm, tạo ra nhiều sản phẩm khác biệt, chất lượng vượt trội để đáp ứng thị hiếu của nông dân cũng như dẫn dắt thị trường vào các sản phẩm chất lượng cao.

Riêng đối với sản phẩm phân bón NPK sản xuất với công nghệ sản xuất hóa học hiện đại nhất hiện nay, đồng thời trong năm 2022, PVFCCo đã ra mắt bộ sản phẩm mới được thị trường đón nhận tích cực và tiêu thụ với sản lượng ngày càng tăng.

Thực hiện các giải pháp linh hoạt, đồng bộ để ứng phó ảnh hưởng từ nhóm các rủi ro thị trường, đảm bảo triển khai kế hoạch quản trị rủi ro năm 2022 kịp thời và hiệu quả:

- Tập trung quản trị, hoàn thiện hệ thống phân phối, thực hiện phát triển chiến lược truyền thông, quản trị thương hiệu để thúc đẩy, hỗ trợ công tác bán hàng nhằm duy trì lợi thế cạnh tranh và khả năng sinh lời phù hợp, khẳng định vị thế thương hiệu phân bón Phú Mỹ trên thị trường nội địa.
- Tổ chức hệ thống kênh thông tin thông suốt từ Công ty mẹ đến các Công ty thành viên và hệ thống Đại lý để nắm bắt thông tin thị trường nhanh và chính xác, có khả năng ứng phó linh hoạt với diễn biến thị trường từng khu vực, từng thời điểm.
- Tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề về công tác kinh doanh, thương hiệu, hội thảo về công tác thông tin thị trường góp phần quan trọng trong hoạt động quảng bá sản phẩm, hình ảnh của PVFCCo, tìm kiếm cơ hội hợp tác ở thị trường trong và ngoài nước, góp phần hoàn thiện các phương án, chiến lược kinh doanh.
- Hoàn thiện danh mục sản phẩm theo yêu cầu của thị trường với thương hiệu Phú Mỹ thông qua việc nhập khẩu các loại phân bón chất lượng cao.
- Ban hành sửa đổi một số chính sách quan trọng phù hợp với tình hình kinh doanh mới: Quy chế Quản lý hoạt động kinh doanh phân bón; Quy chế xây dựng và phát triển hệ thống phân phối sản phẩm phân bón của PVFCCo; Quy trình thực hiện công tác truyền thông và thiết kế sáng tạo; Quy trình xúc tiến thương mại và hỗ trợ bán sản phẩm phân bón; Quy trình thực hiện chương trình chăm sóc khách hàng,... để tăng cường công tác quản lý hoạt động kinh doanh phân bón, hóa chất trong toàn Tổng công ty, đáp ứng diễn biến thị trường trong giai đoạn mới.
- Xác định công tác tái cấu trúc là một nhiệm vụ quan trọng nên PVFCCo đã nỗ lực triển khai nhằm tận dụng, phát huy thế mạnh và sử dụng nguồn lực hiệu quả nhất nhằm tăng năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

Ngoài các giải pháp ứng phó rủi ro thị trường được triển khai thường xuyên theo từng giai đoạn, PVFCCo còn xây dựng một chiến lược phát triển thị trường mang tính lâu dài:

- Duy trì vị thế của PVFCCo là doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh phân bón dẫn đầu trong nước; phát triển lĩnh vực sản xuất hóa chất, tập trung vào lĩnh vực hóa dầu.
- Giữ vững thị phần sản phẩm urê Phú Mỹ và NPK Phú Mỹ thông qua các giải pháp về việc tiếp tục quản lý hệ thống kênh phân phối, công tác hỗ trợ kỹ thuật, chính sách hậu mãi, chăm sóc khách hàng đồng thời phát triển xây dựng hệ thống phân phối tại các nước có tiềm năng.
- Đã và sẽ thực hiện một số đề tài trong kế hoạch nghiên cứu và phát triển như: Vận hành, sản xuất thử nghiệm các sản phẩm mới trên dây chuyền Urê Pilot - công nghệ thùng quay gia tốc; Tiếp tục kế hoạch hóa chiến lược nhằm đa dạng hóa sản phẩm trên nền tảng urê Phú Mỹ, nghiên cứu dãy công thức các sản phẩm NPK từ Nhà máy sản xuất phân bón NPK công nghệ hoá học, phát triển các sản phẩm phân bón chức năng và ứng dụng các mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị nông nghiệp phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh của PVFCCo. Ngoài ra, tiếp tục nghiên cứu, đa dạng hoá sản phẩm hoá chất từ Xưởng sản xuất UFC85/Formaldehyde.
- Triển khai các chính sách nhằm đảm bảo gìn giữ hình ảnh và thương hiệu của PVFCCo trong cộng đồng nhà đầu tư.
- Tăng cường các giải pháp quản trị tích hợp với các hệ thống CNTT tiên tiến nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược, thúc đẩy kiểm soát tự động so với kiểm soát thủ công, tối ưu hóa công nghệ để quản lý rủi ro hiệu quả.

BÁO CÁO NHẬN DIỆN VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA PVFCCO

Năm 2022, PVFCCo đã vận hành an toàn Nhà máy liên tục và ghi nhận những kỷ lục ấn tượng. Tuy nhiên do Nhà máy đã vận hành liên tục 19 năm nên vẫn tiềm ẩn rủi ro, vì vậy trong những năm tiếp theo các hoạt động quản trị rủi ro sẽ tập trung vào:

- Quản lý chất lượng sản phẩm;
- Quản lý và xử lý sự cố trong sản xuất;
- Phối hợp Ban quản lý Tổ hợp dự án NH_3-NPK quyết toán vốn dự án;
- Nâng cao ứng dụng trong cải tiến công nghệ và phát huy sáng kiến.

Trong những năm qua Nhà máy đạm Phú Mỹ đã duy trì hoạt động an toàn – hiệu quả, song song đó thời gian vận hành Nhà máy đã trên 19 năm với việc phải thực hiện bảo dưỡng tổng thể định kỳ 2 năm/1 lần nhưng cũng không tránh khỏi nguy cơ tiềm ẩn từ sự cố kỹ thuật dẫn đến ngừng máy làm phát sinh tăng chi phí vận hành, bảo dưỡng và ảnh hưởng đến các mục tiêu chung của PVFCCo.

Tổ hợp dự án NH_3-NPK đã được nghiệm thu và đưa vào vận hành thương mại, thời gian tới tiếp tục xử lý các điểm tồn đọng và thực hiện công tác quyết toán vốn đối với Tổ hợp dự án NH_3-NPK.



Trong năm 2022 và những năm tới PVFCCo đã nhận diện, xử lý thông qua giải pháp:

- Tiếp tục duy trì phương thức vận hành sản xuất sản lượng tối đa sản phẩm urê của Nhà máy đạm Phú Mỹ và Nhà máy NPK cùng với vận hành ổn định Nhà máy sản xuất UFC85/Formaldehyde nhằm cải thiện độ cứng của hạt urê, nâng cao chất lượng sản phẩm của chính PVFCCo và khách hàng - các Nhà máy sản xuất urê.
- Theo dõi hiệu chỉnh và ban hành các Bộ định mức kinh tế kỹ thuật gồm: Định mức tiêu hao hóa chất, vật tư, năng lượng; Định mức tiêu hao xăng dầu mỡ nhớt; Định mức vật tư dự phòng tối thiểu; Định mức vật tư phụ tùng bảo dưỡng định kỳ nhằm tối ưu hóa chi phí sản xuất.
- Chú trọng đến việc cập nhật và xây dựng ban hành các phương án kỹ thuật theo tình hình thực tế để kịp thời đối phó với các sự cố bất thường trong sản xuất.
- Thực hiện tốt công tác bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng phòng ngừa, mua sắm vật tư dự phòng đối với thiết bị quan trọng và rủi ro cao trong Nhà máy, đặc biệt đối với các thiết bị tĩnh quan trọng. Ngoài ra, hàng năm duy trì tham gia hội thảo công tác bảo dưỡng sửa chữa đối với các Nhà máy khâu chế biến dầu khí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm và đề ra định hướng, hoạch định chiến lược quản trị đối với công tác bảo dưỡng, sửa chữa theo xu thế máy móc tuổi càng cao.
- Tối ưu việc áp dụng các hệ thống phần mềm hiện hữu như: Hệ thống CMMS – Computerized Maintenance Management System: các hoạt động bảo dưỡng sửa chữa của Nhà máy đã được thực hiện thông qua hệ thống CMMS: từ yêu cầu công việc, lập kế hoạch thực hiện, xuất vật tư cho bảo dưỡng, lưu hồ sơ kết quả bảo dưỡng, kiểm soát tồn kho; hệ thống quản lý sản xuất OPM của Oracle – Oracle Process Manufacturing,... cụ thể:
  - » *Quản lý công tác bảo dưỡng/sửa chữa thiết bị; Lưu trữ hồ sơ toàn bộ lý lịch máy móc thiết bị.*
  - » *Đồng thời cập nhật hồ sơ dịch vụ vào danh mục thiết bị của dự án mới (Tổ hợp dự án NH_3-NPK) vào hệ thống CMMS.*
  - » *Quản lý tồn kho, cập nhật danh mục vật tư tối thiểu theo định mức vào hệ thống CMMS; So sánh định mức vật tư bảo dưỡng và vật tư thực tế cấp phát. Tự động xuất danh mục vật tư, phụ tùng theo yêu cầu của công việc bảo dưỡng.*
  - » *Triển khai phân tích MTA (Maintenance Task Analysis) và sử dụng chức năng MTA để triển khai phân tích PMO (Preventive Maintenace Optimization).*
- Bên cạnh đó, khai thác áp dụng phần mềm AIMS-Asset Intergrity Management System, và triển khai thực hiện RBI (Risk Base Inspection) trong quản lý công tác bảo dưỡng, đánh giá tình trạng thiết bị và thu thập dữ liệu để phân tích tìm nguyên nhân hư hỏng của máy móc thiết bị. Đồng thời thực hiện kiểm tra CUI – Corrosion under Insulation (kiểm tra ăn mòn dưới lớp bảo ôn).
- Tổ chức và kiểm soát công tác giám định, kiểm định máy móc, thiết bị có yêu cầu về an toàn trong Nhà máy. Đảm bảo các thiết bị được kiểm định trước khi đưa vào sử dụng.
- Tiếp tục triển khai và áp dụng hệ thống phần mềm chuẩn hóa mã vật tư của PVFCCo theo tiêu chuẩn Shell Mesc.



BÁO CÁO NHẬN DIỆN VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

Tiếp nối thành công trong quản trị sản xuất năm 2022 cũng như các năm tới, PVFCCo duy trì và sẽ triển khai có hiệu quả chiến lược đầu tư trọng điểm vào hệ thống quản trị sản xuất của Nhà máy, nhằm vào hiệu quả đòn bẩy để tối ưu hoá chi phí sản xuất và vận hành:

- Áp dụng có hiệu quả các hệ thống tiêu chuẩn quản lý về an toàn và môi trường như ISO 14001-2004 và OSHAS 18001-2007. Tổ chức nhận diện, đánh giá rủi ro, đề ra các biện pháp an toàn bổ sung để giảm thiểu rủi ro, tuyên truyền đến CBCNV và Nhà thầu.
- Chú trọng đào tạo đội ngũ lao động hiện hữu để vận hành Nhà máy NPK đáp ứng yêu cầu sản xuất dài hạn của Tổng công ty.
- Rà soát lại các bộ định mức kinh tế kỹ thuật hiện có tại Nhà máy đạm Phú Mỹ, xây dựng định mức cho Nhà máy NPK và tích hợp với các bộ định mức hiện có của Nhà máy đạm Phú Mỹ để có bộ định mức dùng chung cho các Nhà máy của Tổng công ty.
- Nâng cao vai trò về cải tiến, sáng kiến và hợp lý hóa sản xuất, chế độ bảo dưỡng tiếp cận theo hướng dự phòng nhằm mang tính ngăn ngừa hư hỏng đột xuất thiết bị máy móc.
- Tiếp tục nghiên cứu chiến lược Bảo dưỡng để đạt mức tối ưu và phù hợp với thực tế Nhà máy đạm Phú Mỹ, duy trì việc lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ (trung hạn, ngắn hạn và dài hạn) đặc biệt quan tâm đến các thiết bị tĩnh quan trọng đã vận hành hơn 15 năm qua nhằm ngăn ngừa sự cố và đảm bảo Nhà máy đạm Phú Mỹ vận hành liên tục an toàn, ổn định và hiệu quả.
- Rà soát, cập nhật bảng nhận diện rủi ro và khía cạnh môi trường của Nhà máy theo quy trình.
- Cập nhật đề án nâng cao năng lực vận hành, bảo dưỡng và hiệu quả của Nhà máy đạm Phú Mỹ cùng với các Nhà máy mới đưa vào vận hành thương mại của PVFCCo.



RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Năm 2022, Tổ hợp Dự án Nâng công suất xưởng NH_3 và Nhà máy sản xuất Phân bón NPK công nghệ hóa học đã hoàn thành việc lập báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành để quyết toán.

Bên cạnh đó, PVFCCo cũng đang tập trung lập dự án đầu tư mới để đầu tư đa dang hóa sản phẩm trên cơ tận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có.

RỦI RO VỀ TỶ GIÁ

Trong những năm qua tỷ giá ngoại tệ biến động theo xu hướng tăng, do vậy những biến động về tỷ giá có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt kinh doanh cũng như hiệu quả của dự án đầu tư có sử dụng ngoại tệ của PVFCCo. Với việc nhận thức được tầm quan trọng trong quản trị rủi ro về tỷ giá, PVFCCo đã thường xuyên theo dõi cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô, tình hình tài chính thế giới và trong nước, theo dõi sát sao những biến động của tỷ giá để xây dựng và triển khai các phương án nhập khẩu kinh doanh phù hợp và linh hoạt, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Bên cạnh đó, công tác quản trị tài chính, phân tích, đánh giá yếu tố chênh lệch tỷ giá đến hiệu quả của các dự án đang triển khai cũng được PVFCCo xem xét cẩn trọng.

RỦI RO VỀ TÀI CHÍNH VÀ MỤC TIÊU TÁI CẤU TRÚC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Trong năm 2022, PVFCCo đã tiếp tục tìm các giải pháp thoái vốn đầu tư vào các Công ty liên doanh liên kết. Mục tiêu của PVFCCo là thoái vốn tại các doanh nghiệp này, nhưng rất khó khăn trong việc tái cấu trúc hoạt động đầu tư góp vốn dài hạn trong bối cảnh hoạt động không hiệu quả các công ty liên kết hiện nay. Nhằm hỗ trợ các đơn vị nâng cao dần hiệu quả hoạt động, PVFCCo đã tăng cường giám sát hoạt động quản trị Công ty liên kết thông qua người đại diện phần vốn, đồng thời triển khai một số hoạt động để hỗ trợ các đơn vị trong hoạt động quản trị điều hành doanh nghiệp.

BÁO CÁO NHẬN DIỆN VÀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG, LUẬT ĐỊNH

Trong những năm gần đây, biến đổi khí hậu đã ảnh đưởng đến hầu hết các vùng của nước ta, có vùng chịu nặng nề bởi các cơn bão, lũ quét và các cơn mưa lớn kéo dài, có vùng thì bị khô hạn kéo dài, có vùng bị nước mặn xâm nhập,... đã ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp và cây trồng. Trong tương lai, hiện tượng này được dự báo diễn biến khó lường và tác động nghiêm trọng hơn nữa, gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành phân bón nói chung và PVFCCo nói riêng.

Việt Nam phải mở cửa thị trường phân bón trong quá trình hội nhập, nhiều doanh nghiệp nước ngoài sẽ đầu tư sản xuất kinh doanh phân bón có thể thay thế một phần urê. Những doanh nghiệp nước ngoài với kinh nghiệm, năng lực quản lý kinh doanh tốt sẽ trở thành những đối thủ mạnh tại Việt Nam.

Phân bón giả, kém chất lượng chưa được quản lý chặt chẽ dẫn đến thiệt thòi cho những doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nghiêm túc như PVFCCo.

Chính sách thuế của Việt Nam hiện nay đang còn trong giai đoạn kiện toàn nên liên tục có những thay đổi, bổ sung liên quan trực tiếp đến ngành phân bón, vì vậy, các rủi ro về áp dụng chính sách thuế, thay đổi về thuế suất đối với mặt hàng phân bón có ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động của PVFCCo, việc chuyển mặt hàng phân bón từ diện áp dụng thuế suất GTGT 5% sang đối tượng không chịu thuế GTGT dẫn đến toàn bộ thuế GTGT đầu vào phục vụ cho sản xuất kinh doanh phân bón sẽ không được khấu trừ và phải hạch toán vào chi phí làm cho lợi nhuận sụt giảm đáng kể, ngoài ra khi triển khai hợp đồng EPC dự án sản xuất phân bón NPK thì luật thuế thay đổi cũng có ảnh hưởng đến tính hiệu quả đầu tư của dự án.



Với mục tiêu phát triển PVFCCo một cách bền vững, công tác quản trị rủi ro luôn là mối quan tâm hàng đầu tại PVFCCo, chính vì vậy, PVFCCo không ngừng xây dựng, triển khai và cập nhật có hệ thống các giải pháp quản trị rủi ro cùng với việc quản trị doanh nghiệp theo các thông lệ tiên tiến nhằm phát huy vai trò và cải tiến năng lực của chức năng Kiểm toán nội bộ - một chức năng quan trọng trong hoạt động quản trị rủi ro và quản trị doanh nghiệp, tham vấn cho HĐQT và Ban kiểm soát trong việc điều hành, quản trị và giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách kịp thời. Trong năm 2022, Ban Kiểm toán nội bộ đã tiếp tục triển khai các nhiệm vụ:

- Thực hiện kiểm toán định kỳ có kết hợp các chuyên gia/chuyên viên nội bộ thuộc các lĩnh vực chuyên môn khác nhau kiểm tra tổng thể các hoạt động sản xuất kinh doanh tại các Chi nhánh và Công ty thành viên với chương trình kiểm toán được xây dựng dựa trên các nhóm rủi ro tại PVFCCo.
- Thực hiện kiểm toán theo chuyên đề dựa trên những rủi ro hoạt động được dự báo, nhận diện và đánh giá có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của PVFCCo.
- Ngoài ra, Bộ phận kiểm toán nội bộ (KTNB) đã phối hợp với tổ chức tư vấn đào tạo hoàn thành việc xây dựng hệ thống báo cáo quản trị tại PVFCCo theo các thông lệ tiên tiến, nâng cao năng lực và kỹ năng kiểm toán. Theo đó, bộ phận kiểm toán nội bộ PVFCCo tiếp tục triển khai kế hoạch đã được xây dựng bằng việc phối hợp với các Tổ chức tư vấn quốc tế triển khai phạm vi công việc hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, hoàn thiện khung quản trị doanh nghiệp mà giai đoạn trước mắt là rà soát và cập nhật danh mục rủi ro, xây dựng ma trận tuân thủ và tối ưu hoá quy trình tác nghiệp.
- Thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ thường niên, Bộ phận KTNB PVFCCo không ngừng bổ sung, hoàn thiện Danh mục các điểm kiểm soát trọng yếu và đánh giá hiệu quả kiểm soát nhằm duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ vận hành một cách hữu hiệu và hiệu quả. Ngoài ra, các kết quả KTNB được đưa vào nội dung các phiên họp thường kỳ của HĐQT để tăng cường công tác quản trị tại PVFCCo.
- Tư vấn, tham mưu cho HĐQT trong việc hạn chế, ngăn ngừa các rủi ro thông qua việc báo cáo, thẩm tra, thẩm định các báo cáo do Ban điều hành đệ trình thuộc thẩm quyền xử lý và quyết định của HĐQT.

Tại PVFCCo không chỉ chú trọng đến công tác quản trị rủi ro có mục tiêu mà còn tập trung các nguồn lực khác để không ngừng triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm mục đích nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp nói chung:

- Triển khai tích hợp Quản trị rủi ro vào các quy trình quản trị, đặc biệt chú trọng đến công tác dự báo và lập kế hoạch kinh doanh; hệ thống quản trị nguồn lực tổng thể của doanh nghiệp không ngừng được cải tiến và nâng cao, trên cơ sở đã triển khai thành công hệ thống quản lý tổng thể nguồn lực doanh nghiệp - ERP giai đoạn 1, vận hành hệ thống ERP giai đoạn 2 với Phân hệ lập kế hoạch và dự báo - HPM (Hyperion Planning Management), Phân hệ quản lý sản xuất - OPM đã được cải tiến sau quá trình vận hành (Oracle Processing Manufacturing) và tiếp theo là giai đoạn 3 với Phân hệ báo cáo thông minh BI (Business Intelligence), tiến đến tối đa hóa kiểm soát tự động và kiểm soát trực tiếp trên hệ thống, góp phần nâng cao năng lực quản trị tại PVFCCo.
- Hoàn thành và tiếp tục hoàn thiện, tối ưu hoá trong việc vận hành Dự án cải cách chính sách tiền lương tạo bước đột phá trong phân phối thu nhập để tăng năng suất lao động và hiệu quả công việc mà cụ thể là: Sửa đổi chính sách nhân viên; Sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương, trả thưởng và quỹ phúc lợi của Tổng công ty; Xây dựng khung năng lực các vị trí chức danh và hệ thống đánh giá KPIs giúp Ban lãnh đạo đánh giá việc hoàn thành các mục tiêu kinh doanh bộ phận và mục tiêu tổng thể của PVFCCo.
- Nhận thức được tầm quan trọng trong việc chuyển đổi số, trong năm 2022 PVFCCo đã nhanh chóng triển khai ứng dụng văn phòng số, số hóa văn bản đến toàn thể các bộ phận và các Công ty vùng miền, triển khai điều hành hoạt động trực tuyến thông qua các ứng dụng công nghệ, ứng dụng các phần mềm số hóa vào vận hành để giảm sức người, tối ưu chi phí.
- Bên cạnh đó, PVFCCo cũng từng bước triển khai thuê tư vấn đạo tạo chuyển đổi số cho các cán bộ nhằm thay đổi tư duy vận hành của người quản lý. Chuyển đổi số giúp tiết kiệm chi phí vận hành, giúp doanh nghiệp có các nguồn tiền để đầu tư cho các kế hoạch phát triển. Nhờ các mô hình quản lý bằng các ứng dụng công nghệ giúp người bán tới gần và nâng cao được trải nghiệm khách hàng. Điều này sẽ làm tăng tính cạnh tranh cho PVFCCo để đưa ra được các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Với quan điểm "Phát triển bền vững, hiệu quả và nhân văn"cùng với việc không ngừng đẩy mạnh công tác quản trị theo các thông lệ tiên tiến, Ban lãnh đạo PVFCCo quyết tâm hoàn thiện và vận hành hiệu quả hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp – ERM (Enterprise Risk Management), hướng đến tính chiến lược để nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tiếp tục duy trì vị thế, thương hiệu dẫn đầu trong lĩnh vực phân bón và hoá chất của PVFCCo trong cộng đồng các nhà đầu tư.

BÁO CÁO CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Tổng công ty áp dụng chế độ lương cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách và Ban điều hành theo quy định của pháp luật, quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với người đại diện của Tập đoàn Dầu khí, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Tổng công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên.

Đối với các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách, Tổng công ty thực hiện chế độ thù lao công việc.

Chi tiết tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2022

(ĐVT: Triệu đồng)

STT	Họ & tên	Chức danh	Quỹ lương, thưởng		
			Quỹ Tiền lương	Quỹ Tiền thưởng	Tổng thu nhập
I.	**Hội đồng quản trị**		**6.938**	**832**	**7.815**
1	Hoàng Trọng Dũng	Chủ tịch HĐQT	1.732	216	1.948
2	Lê Cự Tân	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	1.848	231	2.079
3	Dương Trí Hội	Thành viên HĐQT	1.595	199	1.795
4	Trịnh Văn Khiêm	Thành viên HĐQT	1.477	185	1.662
5	Louis T Nguyễn	Thành viên HĐQT độc lập	331	-	331
II.	**Các Phó TGĐ, KTT**		**10.642**	**1.330**	**11.972**
1	Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng giám đốc	1.595	199	1.795
2	Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng giám đốc	1.595	199	1.795
3	Đào Văn Ngọc	Phó Tổng giám đốc	1.468	184	1.652
4	Trần Thị Phương Thảo	Phó Tổng giám đốc	1.595	199	1.795
5	Cao Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc	1.520	190	1.709
6	Tạ Quang Huy	Phó Tổng giám đốc	1.420	178	1.598
7	Võ Ngọc Phương	Kế toán trưởng	1.447	181	1.628
III.	**Ban kiểm soát**		**3.199**	**363**	**3.562**
1	Huỳnh Kim Nhân	Trưởng Ban kiểm soát	1.595	199	1.795
2	Lê Vinh Văn	Thành viên Ban kiểm soát	1.313	164	1.477
3	Lương Phương	Thành viên Ban kiểm soát	291	-	291
		Tổng cộng	**20.824**	**2.525**	**23.349**

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

- Ngày 04/03/2022: Cổ đông liên quan trong nhóm cổ đông Tổng công ty CP Vật tư Nông nghiệp Nghệ An thông báo bán cổ phiếu, giảm tỷ lệ cùng sở hữu xuống 5,998%.
- Ngày 25/03/2022: Kế toán trưởng Võ Ngọc Phương báo cáo đã bán 24.700 cổ phiếu, giảm tỷ lệ sở hữu xuống 0%.
- Ngày 06/05/2022: Phó Tổng giám đốc Trần Thị Phương Thảo báo cáo đã bán 1.000 cổ phiếu, giảm số lượng sở hữu xuống 33.700 cổ phiếu.
- Ngày 10/06/2022: Cổ đông liên quan trong nhóm cổ đông nước ngoài: Amersham Industries Ltd, CTBC Vietnam Equity Fund, DC Developing Markets Strategies PLC, Grinling International Ltd, KB Vietnam Focus Balanced Fund, Vietnam Enterprise Investment Ltd, Wareham Group Ltd thông báo mua 1.400.000 cổ phiếu, nâng tỷ lệ cùng sở hữu lên 5,0852%.
- Ngày 22/06/2022: Cổ đông liên quan trong nhóm cổ đông nước ngoài: Amersham Industries Ltd, CTBC Vietnam Equity Fund, DC Developing Markets Strategies PLC, Grinling International Ltd, KB Vietnam Focus Balanced Fund, Samsung Vietnam Securites Master Investment Trust, Vietnam Enterprise Investment Ltd, Wareham Group Ltd thông báo mua cổ phiếu, nâng tỷ lệ cùng sở hữu lên 6,1604%.
- Ngày 29/09/2022: Cổ đông liên quan trong nhóm cổ đông nước ngoài: Amersham Industries Ltd, CTBC Vietnam Equity Fund, DC Developing Markets Strategies PLC, Norges Banks, Grinling International Ltd, KB Vietnam Focus Balanced Fund, Samsung Vietnam Securites Master Investment Trust, Vietnam Enterprise Investment Ltd, Wareham Group Ltd thông báo bán cổ phiếu, giảm tỷ lệ cùng sở hữu xuống 5,9472%.
- Ngày 07/10/2022: Cổ đông liên quan trong nhóm cổ đông nước ngoài: CTBC Vietnam Equity Fund, DC Developing Markets Strategies PLC, Norges Banks, Grinling International Ltd, KB Vietnam Focus Balanced Fund, Samsung Vietnam Securites Master Investment Trust, Vietnam Enterprise Investment Ltd, thông báo mua cổ phiếu, nâng tỷ lệ cùng sở hữu lên 6,2424%.
- Ngày 15/11/2022: Cổ đông liên quan trong nhóm cổ đông nước ngoài: CTBC Vietnam Equity Fund, DC Developing Markets Strategies PLC, Norges Banks, KB Vietnam Focus Balanced Fund, Samsung Vietnam Securites Master Investment Trust, thông báo mua cổ phiếu, nâng tỷ lệ cùng sở hữu lên 7,0544%.
- Ngày 05/12/2022: Cổ đông liên quan trong nhóm cổ đông nước ngoài: CTBC Vietnam Equity Fund, DC Developing Markets Strategies PLC, Norges Banks, KB Vietnam Focus Balanced Fund, Samsung Vietnam Securites Master Investment Trust, thông báo mua cổ phiếu, nâng tỷ lệ cùng sở hữu lên 8,1035%.
- Ngày 30/12/2022: Cổ đông liên quan trong nhóm cổ đông nước ngoài: CTBC Vietnam Equity Fund, DC Developing Markets Strategies PLC, Norges Banks, KB Vietnam Focus Balanced Fund, Samsung Vietnam Securites Master Investment Trust, thông báo mua cổ phiếu, nâng tỷ lệ cùng sở hữu lên 9,2023%.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm 2022, không phát sinh các giao dịch giữa Tổng công ty với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý.

Hợp đồng hoặc giao dịch với các tổ chức, cá nhân có liên quan:

- Hợp đồng mua bán khí với Tổng công ty Khí Việt Nam (PV Gas).
- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thương hiệu với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN).
- Hợp đồng mua bán sản phẩm giữa Tổng công ty với 4 công ty con trực thuộc.
- Và các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với những bên có liên quan khác (theo nội dung đã công bố thông tin chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2022).

Chương 6

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

LAN TỎA **GIÁ TRỊ**

20 năm phát triển, PVFCCo luôn duy trì và phát huy tốt hệ giá trị cốt lõi "Chuyên nghiệp - Hiệu quả, Năng động - Sáng tạo, Trách nhiệm - Sẻ chia, Khát vọng - Vươn xa", thông qua việc tạo ra các sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao, đóng góp tích cực vào sự phát triển của xã hội, thúc đẩy tinh thần xây dựng cộng đồng và bảo vệ môi trường, từ đó đưa PVFCCo phát triển ổn định, bền vững.

THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng giám đốc Tổng công ty là người cao nhất chịu trách nhiệm triển khai các chính sách/vấn đề về môi trường trong Tổng công ty.



Với sứ mệnh đồng hành cùng xây dựng nền tảng vững bền cho nền nông nghiệp Việt Nam, các mục tiêu tăng trưởng trong chiến lược phát triển của PVFCCo sẽ được gắn kết với mục tiêu đồng hành cùng với sự phát triển bền vững của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. Mục tiêu đó sẽ cần được đảm bảo rằng các thành quả trong quá trình phát triển của PVFCCo sẽ được chia sẻ thông qua các hoạt động hỗ trợ, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm nhằm giúp nông dân tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu suất cây trồng, cải thiện thu nhập và mức sống.

PVFCCo bước vào năm 2022 cùng với những biến động lớn trên cục diện chính trị toàn cầu. Thế giới chứng kiến nhiều bất ổn tại những nền kinh tế lớn, kéo theo những hệ lụy ảnh hưởng tiêu cực tới đời sống của người dân: xung đột Nga - Ukraina đẩy giá năng lượng, giá nông sản tăng vọt đe dọa chuỗi cung ứng toàn cầu; Lạm phát tại Mỹ cao nhất trong 40 năm qua, lãi suất tăng, đồng đô la Mỹ tăng giá mạnh gây sức ép lớn đồng tiền nội địa; thị trường chứng khoán tuột dốc; Dịch covid mặc dù được kiểm soát khi đa số người dân đã được tiêm vắc xin, vẫn là những thách thức dài hạn đối với sức khỏe người dân.

Trong bối cảnh đó, tập thể PVFCCo đã triển khai thực hiện các giải pháp ứng phó phù hợp, trong đó đặc biệt chú trọng tới công tác dự báo nhằm thích ứng với những biến động thị trường, tận dụng tốt cơ hội để tiếp tục bứt phá, tiếp tục khẳng định được vị thế là doanh nghiệp đầu ngành, đạt được kết quả hoạt động ấn tượng với lợi nhuận cao ở mức lịch sử, gia tăng mạnh lợi ích cho cổ đông.

Tuy nhiên, tập thể PVFCCo cũng nhận thức và tin rằng để duy trì được khả năng sinh lời bền vững trong dài hạn thì không chỉ đảm bảo lợi ích với các cổ đông mà cần đảm bảo rằng sự gia tăng lợi ích được chia sẻ tương xứng với tất cả các bên liên quan. Với nhận thức đó, trong năm 2022 PVFCCo đã thiết lập nhóm nhiệm vụ gắn kết với các mục tiêu phát triển bền vững, trong đó kết nối với các nhóm hưởng lợi từ nhân viên; nhà cung cấp; khách hàng đối tác; người dân và các đối tượng dễ tổn thương từ biến động bất lợi thị trường trong những năm gần đây. Một số những nhóm mục tiêu/hoạt động tiêu biểu và thành quả đạt được trong năm 2022 là:

Đảm bảo hệ thống vận hành an toàn, ổn định, hiệu quả và tiết kiệm; tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị tinh gọn trên nguyên tắc tuân thủ chặt chẽ các quy định về môi trường và phát triển bền vững, an toàn do pháp luật quy định:

Trong năm 2022, PVFCCo đã khai thác tối đa các lợi thế, cơ hội và nguồn lực để gia tăng sản xuất, tăng hiệu quả trong tất cả các mảng hoạt động. Theo đó, các nhà máy được vận hành an toàn, ổn định, đảm bảo chất lượng sản phẩm. Trong năm, Tổng công ty không để xảy ra sự sự cố nào về an toàn, sức khỏe môi trường làm ảnh hưởng tới người lao động và hoạt động sản xuất kinh doanh.

Duy trì sự kết nối hệ thống chặt chẽ và thực hiện chiến lược, chính sách ứng phó sống chung với dịch bệnh trong dài hạn, trong đó ưu tiên thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và hệ thống ERP:

Tiếp tục rà soát, cập nhật các phương án phòng chống dịch theo khuyến cáo của các cấp thẩm quyền chuyên môn. Đồng thời, Tổng công ty thiết lập bộ phận chuyên môn/tổ công tác đặc biệt nhằm chuẩn bị sẵn sàng cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và phương tiện để sẵn sàng ứng phó theo các kịch bản tình hình dịch bệnh từng địa phương.

Triển khai đồng bộ công nghệ số trong hoạt động kinh doanh; triển khai văn phòng số và tăng cường khai thác hệ thống công nghệ thông tin nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản trị của Tổng công ty. Trong năm 2022, Tổng công ty đã thành lập bộ phận chức năng để triển khai các hoạt động chuyển đổi số.

Hoàn thiện và tổ chức triển khai chiến lược phát triển giai đoạn 5 năm 2021-2025 và định hướng dài hạn cho giai đoạn tiếp theo, trong đó ưu tiên tìm kiếm nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, củng cố vững chắc vị thế dẫn đầu thị trường trong nước và tìm kiếm mở rộng thị trường nước ngoài:

Trên cơ sở nội dung định hướng chiến lược phát triển tới năm 2035 và tầm nhìn chiến lược tới năm 2045 đã được ĐHĐCĐ thường niên chấp thuận, PVFCCo đã hoàn thiện kế hoạch phát triển 5 năm và chiến lược phát triển dài hạn.

Theo đó, mục tiêu phát triển tổng quát dài hạn của Tổng công ty là giữ vững vị thế là nhà sản xuất phân bón số 1 tại Việt Nam và mở rộng sang lĩnh vực sản xuất và kinh doanh hóa chất cơ bản và hóa chất hóa dầu với mục tiêu định vị PVFCCo là một nhà sản xuất hóa chất, năng lượng xanh tiên phong tại Việt Nam.

Xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, phát huy tinh thần đoàn kết vượt khó, sẵn sàng hy sinh cống hiến cùng với hệ thống chính sách đảm bảo đời sống sức khỏe, tinh thần và điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động:

Cùng với việc hoàn thiện chiến lược phát triển trung và dài hạn, PVFCCo tiếp tục đẩy nhanh tiến độ phương án tái cơ cấu tổng thể về mô hình hoạt động động cùng với việc triển khai/cải tiến về chính sách nhân viên, thực hiện các chương trình đào tạo về chuyên môn, chăm lo và nâng cao mức sống cho người lao động với nhiều hoạt động hỗ trợ, giao lưu văn hóa, thể thao, tạo sân chơi nâng cao đời sống tinh thần, thể chất.

Chia sẻ thành công – trách nhiệm cộng đồng: Các chương trình hỗ trợ cộng đồng, an sinh xã hội tiêu biểu trong năm 2022...

Trong nhiều năm qua, hoạt động an sinh xã hội, vì cộng đồng đã trở thành một truyền thống, nét đẹp văn hóa trong đại gia đình PVFCCo. Tiếp nối truyền thống đó, các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh... đã phối hợp, kết nối và triển khai nhiều chương trình, thực hiện các dự án an sinh xã hội nhằm hỗ trợ trực tiếp cho các nhóm mục tiêu hưởng lợi như các gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại nhiều địa phương trên cả nước.

Tổng công ty nhận thức rõ những thách thức, rủi ro và bất lợi cùng những tác động tiêu cực tới sự phát triển bền vững trong cả ngắn hạn và dài hạn. Với sứ mệnh đồng hành cùng xây dựng nền tảng vững bền cho nền nông nghiệp Việt Nam, các mục tiêu tăng trưởng trong chiến lược phát triển của PVFCCo sẽ được gắn kết với mục tiêu đồng hành cùng với sự phát triển bền vững của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. Mục tiêu đó sẽ cần được đảm bảo rằng các thành quả trong quá trình phát triển của PVFCCo sẽ được chia sẻ thông qua các hoạt động hỗ trợ, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm nhằm giúp nông dân tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu suất cây trồng, cải thiện thu nhập và mức sống.

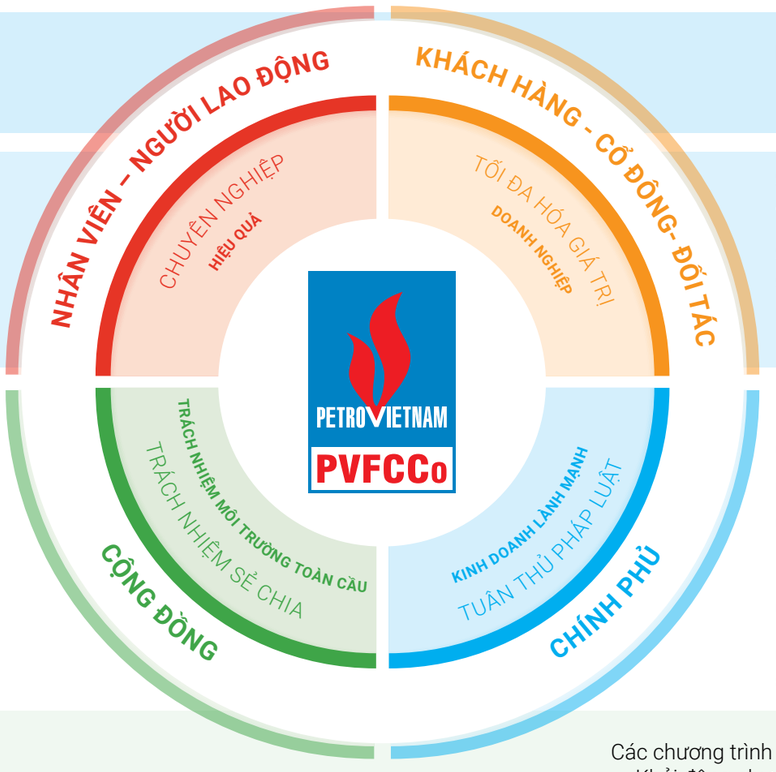
Với những thành quả hoạt động nổi bật mà Tổng công ty đã đạt được trong năm vừa qua, thay mặt Ban lãnh đạo tôi muốn được bày tỏ sự ghi nhận tinh thần cống hiến, cộng tác và sự nỗ lực không ngừng của tập thể PVFCCo để cùng hướng tới các mục tiêu chung. Trong năm qua, chúng ta đã chứng kiến những biến động đầy thách thức và sự thay đổi khó lường, và điều quan trọng là chúng ta đã luôn sẵn sàng linh hoạt để thay đổi và thích ứng với tinh thần lạc quan và bền bỉ. Với ý chí và tinh thần đó, tôi tin rằng chúng ta sẽ có thể làm nhiều hơn nữa, tốt hơn nữa để tiếp tục kiến tạo những giá trị bền vững cho cổ đông và cộng đồng.

Tổng giám đốc

LÊ CỰ TÂN

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG KIẾN TẠO GIÁ TRỊ CỦA PVFCCo

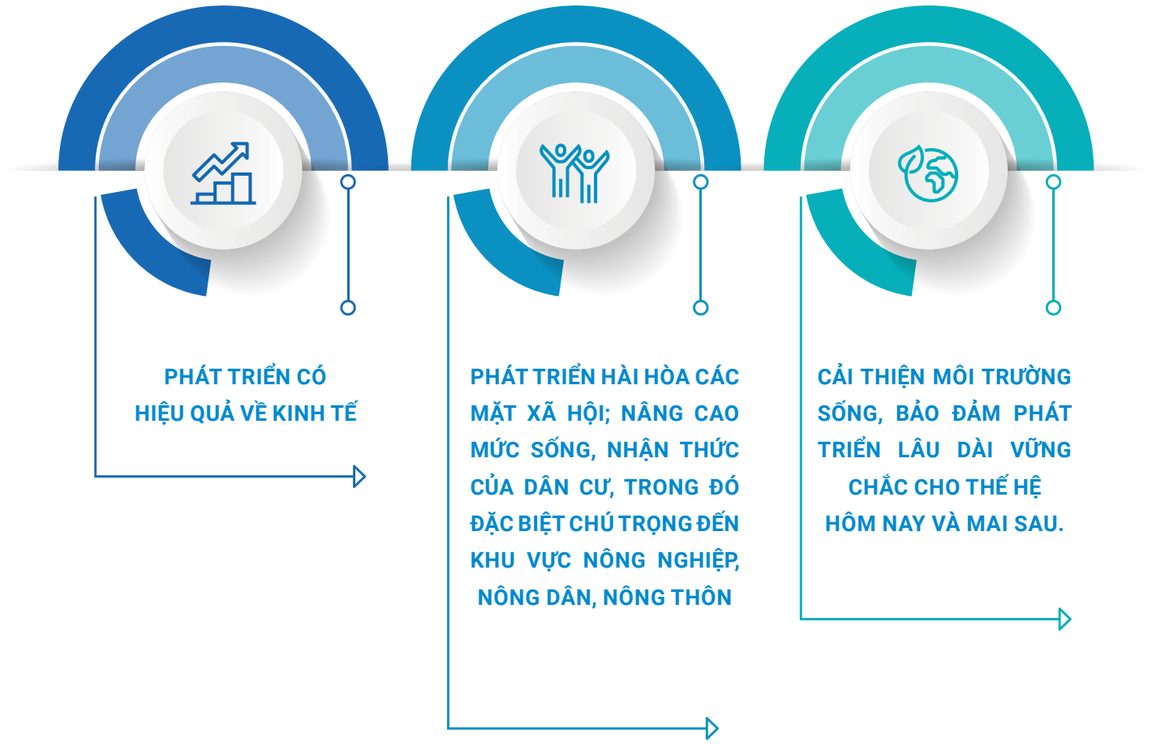
ĐẦU VÀO	MÔ HÌNH KINH DOANH TẠO GIÁ TRỊ	ĐẦU RA
TÀI CHÍNH EBITDA: **7.183** tỷ đồng Dòng tiền tự do: **4.939** tỷ đồng Doanh thu: **19.013** tỷ đồng Nợ ròng: **1.598** tỷ đồng Vốn chủ sở hữu: **14.017** tỷ đồng Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh: **4.961** tỷ đồng		Biên EBITDA: **38,6**% Thị phần nội địa chung: **12**% (tăng 2% so với năm 2021) Thị phần các sản phẩm chính: ▸ Urê: **46**% (tăng 8,3% so với 2021) ▸ NPK: **19**% (tăng 1% so với 2021) ▸ Kali: **6,2**% (giảm 13% so với 2021) ▸ NH_3: **63,4**% (90% thị phần miền Nam)
NGUỒN NHÂN LỰC Số lượng nhân viên: **1.499** người (365 lao động nữ) Tỷ lệ lao động nữ: **24** %		LNST: **5.585** tỷ đồng Tỷ lệ nữ tham gia trong Ban điều hành: **30**%
ĐÀO TẠO - R&D Lượt đào tạo trong năm 2022: **7.192** lượt người, tăng 119% so với 2021 Các dự án R&D: Tiếp tục triển khai khoảng 6 đề tài/dự án sản xuất, thử nghiệm sản phẩm mới và cải tiến chất lượng sản phẩm phân bón		Số lượng sáng kiến trong năm: **17** sáng kiến Số lượng sáng kiến, hợp lý hóa sản xuất được công nhận: **69** sáng kiến Tổng giá trị làm lợi: **25,74** tỷ đồng Tiết kiệm chi phí: **229** tỷ đồng (450% KH năm); trong đó tiết kiệm năng lượng đạt 219 tỷ đồng
SẢN XUẤT **Công nghệ tiên tiến hàng đầu thế giới (Ý, Đan Mạch, Tây Ban Nha...)** Giải ngân vốn đầu tư: **144** tỷ đồng Số lượng đại lý, khách hàng ▸ Đại lý cấp 1: **83** đại lý ▸ Đại lý cấp 2: **2.280** đại lý		▸ Sản xuất ▸ **917** nghìn tấn Đạm Phú Mỹ ▸ **157** nghìn tấn NPK Phú Mỹ ▸ **74,4** nghìn tấn NH_3 ▸ Kinh doanh ▸ **791** nghìn tấn Đạm Phú Mỹ ▸ **129** nghìn tấn NPK Phú Mỹ ▸ **71,5** nghìn tấn NH_3 ▸ Giá trị thương hiệu ▸ **Top 50** DNNY tốt nhất Việt Nam năm 2022 Các sản phẩm mới ra mắt trong năm 2022: Ra mắt dòng sản phẩm Nông nghiệp đô thị - Phú Mỹ Garden; ra mắt 02 công thức sản phẩm NPK vi sinh.
NGUYÊN LIỆU Khí thiên nhiên: **590,7** triệu Nm^3 Điện: **186.542.048,4** kWh Dầu DO: **38,4** tấn Nước: **27,6** triệu m^3 Dầu FO: **2,3** tấn		Các chương trình liên quan tới phát triển bền vững, tiết kiệm năng lượng: ▸ Khởi động chương trình trồng 300.000 cây xanh trong giai đoạn 2022-2025 ▸ Thực hiện/tham gia các chương trình huấn luyện, đào tạo về môi trường và biến đổi khí hậu ▸ Triển khai các dự án/chương trình hành động giảm phát thải nhà kính, các hoạt động bảo vệ môi trường, an toàn và bảo vệ nâng cao sức khỏe cho NLĐ...
TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI Giá trị giải ngân các chương trình an sinh xã hội: **91** tỷ đồng Triển khai chương trình tái tạo văn hóa doanh nghiệp		Các hoạt động tư vấn kỹ thuật nông nghiệp; Các hoạt động tài trợ, trách nhiệm cộng đồng; Tết vì người nghèo. Các danh hiệu, giải thưởng về trách nhiệm xã hội, quản trị: **Top 50** công ty niêm yết tốt nhất năm 2022; **Top 15** DNNY có năng lực quản trị tài chính tốt năm 2022; xếp hạng **114** trong Top 500 DN lớn nhất Việt Nam. Đóng góp ngân sách: **1.521** tỷ đồng, tăng 91% so với năm 2021.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong chặng đường phát triển gần 20 năm qua, triết lý kinh doanh "phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội" đã được các thế hệ người lao động Tổng công ty gìn giữ và phát triển như một tài sản, một nét đẹp văn hóa của doanh nghiệp.

Tổng công ty là một doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực phân bón và hóa chất, gắn liền với nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam (khu vực chiếm đến gần 70% dân số cả nước). Trong chiến lược phát triển của mình, Tổng công ty đặt mục tiêu phát triển bền vững là quan điểm, nguyên tắc và giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. Trong chặng đường phát triển gần 20 năm qua, triết lý kinh doanh "phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội" đã được các thế hệ người lao động Tổng công ty gìn giữ và phát triển như một tài sản, một nét đẹp văn hóa của doanh nghiệp. Tổng công ty luôn đảm bảo cân bằng và tối ưu việc thực hiện đồng thời các mục tiêu:



Tổng công ty đã, đang và sẽ tiếp tục triển khai các hành động để đạt được mục tiêu phát triển bền vững, góp phần chung tay cùng xã hội thực hiện thành công định hướng chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung. Những nguyên tắc và hoạt động cụ thể trong thời gian qua Tổng công ty đã triển khai là:

Đối với nhân viên

Xây dựng văn hóa PVFCCo "Chuyên nghiệp - Hiệu quả; Năng động - Sáng tạo; Khát vọng - Vươn xa; và Trách nhiệm - Sẻ chia" thông qua việc tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, xây dựng chính sách nhân viên phù hợp, đồng thời cũng là nơi mà nhân viên được xã hội tôn trọng thông qua đào tạo và đổi mới. Cụ thể, những nội dung Tổng công ty đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

- Đầu tư hệ thống nhà xưởng sản xuất, văn phòng làm việc được thiết kế hợp lý, thông thoáng, đảm bảo đủ ánh sáng và không khí, giúp hạn chế tối đa năng lượng dùng cho chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ mà vẫn đảm bảo tốt điều kiện làm việc cho người lao động.
- Hoàn thiện và triển khai áp dụng dự án KPI và cải tiến chính sách tiền lương, xây dựng bộ từ điển năng lực, khung năng lực tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng. Bên cạnh đó, Tổng công ty luôn cập nhật, cải tiến hệ thống chính sách nhân viên nhằm đáp ứng một cách tốt nhất điều kiện làm việc, chế độ chính sách, và cơ hội thăng tiến cho người lao động.
- Trong năm 2022 TCT đào tạo được 7.192 lượt người - đạt 124% KH năm 2022, tăng 119% so với năm 2021, với tổng kinh phí đào tạo khoảng 6 tỷ đồng - đạt 62% KH năm 2022, tăng 184% so với năm 2021. Đây là năm công tác đào tạo được TCT tiếp tục quan tâm nhằm duy trì và nâng cao chất lượng cán bộ công nhân viên.

ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

7.192 lượt người

6 tỷ đồng tổng chi phí đào tạo

- Xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp:

  Kiện toàn Ban chỉ đạo, Ban triển khai tái tạo văn hóa PVFCCo; Ban hành kế hoạch hoạt động 06 tháng cuối năm trên cơ sở Nghị quyết về tái tạo văn hóa PVFCCo của Đảng ủy TCT. Thuê tư vấn/chuyên gia để triển khai công tác tái tạo văn hóa PVFCCo; Tổ chức hội thảo/văn hóa PVFCCo năm 2022; Tổ chức thành công Team building với chủ đề "Truyền nhiệt huyết - Quyết thành công".

- Đảm bảo bố trí việc làm và thu nhập người lao động ổn định. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Nhà nước, Tổng công ty và thỏa ước lao động tập thể. Việc chi trả lương thực hiện đầy đủ theo đúng quy chế trả lương của Tổng công ty.



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

Đối với khách hàng

Cung cấp sản phẩm đảm bảo chất lượng, giải pháp sử dụng hiệu quả, và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Cụ thể, những nội dung PVFCCo đã, đang triển khai và kết quả đạt được:



- Chất lượng sản phẩm tốt là yếu tố luôn được PVFCCo đặt lên hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Các sản phẩm phân bón Phú Mỹ và các sản phẩm phân bón, hóa chất tự doanh khác mà Tổng công ty cung cấp cho khách hàng luôn đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn đăng ký.
- Nhằm giúp nhà nông sử dụng ít phân bón hơn nhưng vẫn tăng năng suất cây trồng, PVFCCo đã cùng với chính quyền địa phương và các nhà khoa học thường xuyên tổ chức hàng trăm cuộc hội thảo, hướng dẫn kỹ thuật canh tác, tổ chức các vườn thực nghiệm, thửa ruộng mẫu.
- Tiếp tục duy trì có hiệu quả hệ thống kho cảng, logistic trên cả nước nhằm cung cấp sản phẩm đến tay bà con nông dân đảm bảo chất lượng, kịp thời và giá cả hợp lý.
- Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015 để đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định theo tiêu chuẩn công bố.

Đối với cổ đông

Tổng công ty luôn phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hóa giá trị doanh nghiệp. Cụ thể, những nội dung Tổng công ty đã, đang triển khai và kết quả đạt được trong năm 2022 như sau:

- Thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022, đặc biệt là chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế. Tổng doanh thu đạt hơn 19 ngàn tỷ đồng, tăng 45% so với năm 2021; lợi nhuận trước thuế đạt 6.606 tỷ đồng, tăng 74% so với năm 2021. Đây là năm Tổng công ty tiếp tục lập kỷ mục mới về doanh thu và lợi nhuận, cao nhất kể từ khi Tổng công ty đi vào hoạt động đến nay.
- Nhằm quản lý, phân bổ và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực, Tổng công ty triển khai áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm hỗ trợ, chương trình quản lý tiên tiến trong hoạt động quản lý và điều hành doanh nghiệp, như quản lý hệ thống văn bản điện tử, xây dựng và áp dụng phần mềm hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - ERP, STOP, 5S, APC, System 1, RBI, KPI...
- Hoạt động sáng kiến cải tiến và hợp lý hóa sản xuất kinh doanh luôn được Ban lãnh đạo Tổng công ty quan tâm và chỉ đạo sát sao. Trong năm 2022, có 17 sáng kiến cải tiến được công nhận với giá trị làm lợi là gần 26 tỷ đồng và 69 sáng kiến hợp lý hóa sản xuất được công nhận không lượng hóa được giá trị làm lợi.
- Hoạt động khoa học công nghệ, nghiên cứu phát triển tiếp tục được Tổng công ty quan tâm triển khai. Dù gặp nhiều khó khăn khách quan do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 vào nửa đầu năm 2022 nhưng các đơn vị, nhóm tác giả đã nỗ lực hoàn thành/ triển khai: 07 đề tài và 10 hạng mục về khoa học công nghệ khác, 04 Báo cáo cơ hội đầu tư cho các dự án tiềm năng phát triển các sản phẩm mới, thử nghiệm và đưa ra thị trường thành công 01 dòng sản phẩm phân bón mới đầu tiên tại Việt Nam (02 sản phẩm NPK Phú Mỹ vi sinh) và đặc biệt phát triển và ra mắt dòng sản phẩm chuyên dùng cho nông nghiệp đô thị - Phu My Garden.
- Triển khai thực hiện có hiệu quả về công tác cải cách thủ tục hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để tiết giảm tối đa các chi phí về quản lý, giá thành sản phẩm. Tổng số tiết kiệm chi phí trong năm 2022 ước đạt 229 tỷ đồng đạt 450% KH năm, trong đó, tiết kiệm về năng lượng đạt 219 tỷ đồng.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

6.606 tỷ đồng

tăng 74% so với năm 2021

TỔNG SỐ TIẾT KIỆM TRONG NĂM 2022

229 tỷ đồng

đạt 450% KH năm

Đối với Chính phủ

Tổng công ty luôn đảm bảo hoạt động kinh doanh lành mạnh và tuân thủ pháp luật. Cụ thể, những nội dung Tổng công ty đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

Nộp ngân sách NN đạt 1.521 tỷ đồng - đạt 206% KH năm 2022, tăng 91% so với năm 2021.

NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(số phải nộp)

1.521 tỷ đồng

▲ 91% so với năm 2021

Đối với đối tác kinh doanh

Trong quan hệ với các đối tác kinh doanh, Tổng công ty luôn giữ nguyên tắc: Cạnh tranh lành mạnh, hợp tác cùng có lợi và đảm bảo hài hòa lợi ích cho khách hàng.



Đối với cộng đồng và xã hội

Tổng công ty luôn cam kết thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội.

- Bên cạnh việc phát triển hiệu quả, bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, Tổng công ty luôn quan tâm và thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình đối với người lao động và đối với xã hội thông qua nhiều hoạt động an sinh xã hội.
- Năm 2022, Tổng công ty đã thực hiện nhiều hạng mục công trình/chương trình với số tiền giải ngân khoảng 91 tỷ đồng (chi tiết xem trang 112 - 113).

Đối với môi trường và các vấn đề toàn cầu

Tổng công ty luôn đặt yêu cầu phát triển bền vững, gìn giữ môi trường và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội là phương châm hoạt động của mình.

Trong năm vừa qua, Tổng công ty vẫn luôn cam kết bảo vệ môi trường đồng thời tích cực tham gia các Chương trình hành động nằm trong "Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050" và "Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến 2050" của Chính phủ nhằm thực hiện các cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 các Bên tham gia Công ước khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi khí hậu (COP26).

Cụ thể, những nội dung Tổng công ty đã và đang triển khai tới nay như sau:

- Triển khai thực hiện các dự án nghiên cứu chuyển đổi năng lượng sạch nhằm giảm phát thải khí nhà kính và ô nhiễm môi trường.
- Thực hiện kiểm kê khí nhà kính, khí thải và các hành động giảm phát thải khí nhà kính trong hoạt động sản xuất.
- Duy trì việc xây dựng, ban hành và tuân thủ các Quy chế, Quy trình, Quy định trong hoạt động SXKD. Tiếp tục áp dụng các chương trình hiện có và nghiên cứu áp dụng các chương trình mới về quản lý an toàn công nghệ, chương trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị theo tiêu chuẩn của các nước tiên tiến trên thế giới nhằm giữ ổn định, an toàn vận hành thiết bị công nghệ, giảm thiểu tiêu hao năng lượng, giảm phát thải khí CO_2 thải ra bên ngoài.
- Duy trì áp dụng hiệu quả Hệ thống quản lý Chất lượng - An toàn sức khỏe - Môi trường – Năng lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015, ISO 45001:2018, ISO 14001:2015 và ISO 50001:2011.
- Trong hoạt động nghiên cứu sản phẩm mới và thực hiện các Dự án mới, Tổng công ty luôn ưu tiên áp dụng công nghệ tiên tiến nhất, ít tiêu hao năng lượng, hạn chế tối đa phát sinh khí thải và khí nhà kính.
- Trong năm 2022 Tổng công ty đã gắn kết/lồng ghép các nhiệm vụ và mục tiêu về phát triển bền vững như trên trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, với các kết quả đạt được cụ thể.

BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC AN TOÀN, SỨC KHỎE VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (ATSKMT)

Năm 2022, công tác công tác ATSKMT cũng chịu ảnh hưởng từ những khó khăn trong công tác sản xuất kinh doanh của Tổng công ty như những rủi ro đến từ những biến động của thế giới, dịch Covid-19 vẫn còn phức tạp trong Quý I, nguy cơ thiên tai, biến đổi khí hậu tiềm ẩn, Nhà máy đạm Phú Mỹ sau 19 năm vận hành tiềm ẩn nhiều rủi ro từ máy móc thiết bị do đã hoạt động nhiều năm, v.v.

Tuy nhiên, Tổng công ty đã vận dụng được những thuận lợi trong năm 2022, nỗ lực vượt qua khó khăn để hoàn thành kế hoạch, mục tiêu đã đề ra. Cùng với đó, công tác ATSKMT cũng đã hoàn thành tất cả các nhiệm vụ của năm 2022 và đạt được những kết quả cụ thể như sau:

Duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý ATSKMT theo các tiêu chuẩn Quốc tế

- Năm 2022, Tổng công ty tiếp tục duy trì áp dụng hiệu quả Hệ thống quản lý ATSKMT theo các tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và ISO 45001:2018 và tháng 1/2022 đã được tổ chức DNV cấp Giấy chứng nhận 3 Hệ thống và thực hiện đánh giá giám sát lần 1.
- Kiện toàn bộ máy quản quản lý công tác ATSKMT từ Tổng công ty đến các Đơn vị thành viên. Xây dựng quy định về trách nhiệm trong công tác ATSKMT bao gồm cả chuyên trách và bán chuyên trách. Kiện toàn mạnh lưới ATVSV hoạt động dưới sự chỉ đạo của Công đoàn, hỗ trợ rất hiệu quả trong công tác đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường khu vực làm việc.
- Tổng công ty và các Đơn vị thành viên xây dựng và triển khai thực hiện các Mục tiêu ATSKMT trên cơ sở Chính sách ATSKMT, phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình thực tế của đơn vị. Hàng quý, các kết quả thực hiện mục tiêu ATSKMT đều được xem xét và đánh giá mức độ hoàn thành, đưa ra biện pháp khắc phục đối với những mục tiêu chưa hoàn thành đúng tiến độ.

Công tác đảm bảo An toàn – An ninh, PCCC, Ứng cứu tình huống khẩn cấp (ƯCTHKC)

Năm 2022, Công tác An toàn – PCCC – ƯCTHKC đã hoàn thành các nhiệm vụ theo Kế hoạch được giao và các nhiệm vụ khác theo yêu cầu Lãnh đạo Tổng công ty:

- Năm 2022, không để xảy ra bất kỳ tai nạn/sự cố nào gây thiệt hại về người và tài sản.
- Tất cả các đơn vị, nhà máy, kho cảng đều tuân thủ tốt các yêu cầu của pháp luật và của Tổng công ty về AT-PCCC trong vận hành sản xuất và thực hiện dịch vụ.
- Hoàn thành cập nhật Báo cáo đánh giá định lượng rủi ro năm 2022 cho Nhà máy đạm Phú Mỹ, bảo vệ và phê duyệt tại Bộ Công Thương.
- Hoàn thiện Hệ thống quản lý an toàn công nghệ PSM cho nhà máy đạm Phú Mỹ và duy trì áp dụng các hệ thống quản lý về bảo dưỡng thiết bị khác như System 1, RBI, v.v.
- Tổ chức hội thảo về công tác bảo dưỡng liên quan đến số lượng sự cố hỏng thiết bị tăng do nguyên nhân kiểm tra và kiểm soát thiết bị không phù hợp.
- Tổ chức Sơ kết quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự, an toàn – PCCC giữa Công an Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và PVFCCo.
- Thực hiện sửa chữa hệ thống thiết bị PCCC tòa nhà 43 Mạc Đĩnh Chi và 27 Đinh Bộ Lĩnh theo thẩm duyệt.
- Định kỳ thực hiện kiểm tra An toàn - An ninh, PCCC các cấp tại nhà máy đạm Phú Mỹ, các đơn vị, các kho, cảng trực thuộc. Đồng thời thực hiện kiểm tra an toàn – vệ sinh lao động trước các kỳ nghỉ lễ/tết.
- Thực hiện công tác thống kê, báo cáo và điều tra tai nạn sự cố năm 2022 tại tất cả các Đơn vị. Các sự cố tại nhà máy đạm Phú Mỹ đều được điều tra phân tích tìm nguyên nhân gốc để tìm biện pháp khắc phục phòng ngừa.
- Năm 2022, Nhà máy đạm Phú Mỹ và các Đơn vị đã thực hiện kiểm định 1.817 thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn đầy đủ theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tại nhà máy đạm Phú Mỹ còn thực hiện công tác Kiểm tra và Bảo dưỡng các thiết bị AT-PCCC bao gồm: thiết bi PCCC, thiết bị an toàn hỗ trợ hô hấp, máy đo khí xách tay, xe cứu hỏa, xe cứu thương.
- Thực hiện 17 đợt diễn tập PCCC – ƯCTHKC tại nhà máy đạm Phú Mỹ và các kho của Tổng công ty, trong đó có Diễn tập Phương án chữa cháy CNCH phối hợp nhiều lực lượng tại nhà máy đạm Phú Mỹ của Phòng Cảnh sát PCCC và Cứu hộ cứu nạn Công an Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Tất cả các Đơn vị trong Tổng công ty đều tăng cường công tác an ninh, an toàn và phòng chống cháy nổ trong các dịp Lễ, Tết Dương lịch và nguyên đán, 30/4, mùng 2/9 và Báo cáo cho PVN theo quy định.
- Thực hiện báo cáo tình hình tai nạn lao động cấp cơ sở năm 2022 và Báo cáo công tác an toàn vệ sinh lao động năm 2022 cho Sở Lao động Thương binh Xã hội, Sở Y tế địa phương.
- Thực hiện Báo cáo hoạt động PCCC-CNCH cho Cảnh sát PCCC&CNCH địa phương năm 2022 theo đúng quy định.
- Công tác phổ biến Thông tin an toàn đến CBCNV: duy trì tốt công tác tuyên truyền/phổ biến thông tin an toàn trong bảng tin hàng ngày của Tổng công ty.
- Ước tính chi phí cho hoạt động An toàn - PCCC - ƯCTHKC (bao gồm: phí Bảo hiểm rủi ro cháy nổ, diễn tập, huấn luyện, tuyên truyền, mua sắm và bảo trì các thiết bị an toàn PCCC...) năm 2022 là khoảng: 17 tỷ đồng.



BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC AN TOÀN, SỨC KHỎE VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (ATSKMT) (tiếp theo)

Công tác Chăm sóc sức khỏe-Phòng chống dịch bệnh

Năm 2022 dịch Covid – 19 chỉ còn phức tạp trong Quý 1, sau đó dịch đã được kiểm soát tốt nên các hoạt động SXKD cũng như chăm sóc sức khỏe cho người lao động của Tổng công ty đã trở lại bình thường. Các hoạt động chăm sóc sức khỏe và phòng chống dịch bệnh trong năm qua đã đạt được các kết quả như sau:

- Năm 2022, Tổng công ty đã thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể CBCNV theo đúng quy định.
- Tiếp tục áp dụng chương trình bảo hiểm sứa khỏe PVI Care cho người lao động nhằm có được sự đảm bảo về tài chính trong trường hợp phải khám chữa bệnh và nằm viện.
- Ngoài ra, tại nhà máy đạm Phú Mỹ còn thực hiện khám bệnh nghề nghiệp để sớm phát hiện và bố trí công việc phù hợp. Số CBCNV bị điếc nghề nghiệp năm 2022 là 24 người (giảm so với ăm 2021 là 25 người).
- Duy trì hoạt động của Ban chỉ đạo Phòng chống dịch của Tổng công ty để kịp thời chỉ đạo công tác phòng chống dịch và xử lý nhanh chóng các tình huống dịch bệnh có thể xảy ra.
- Tổ chức tiêm vắc xin cúm mùa cho toàn thể CBCNV của Tổng công ty.
- Thường xuyên cập nhật và thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh (Covid-19, đậu mùa khỉ và các dịch bệnh khác) theo các Quy định, khuyến cáo và hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Y tế, Cơ quan chức năng.
- Phối hợp chặt chẽ với địa phương, cơ quan y tế, CDC để trao đổi thông tin, kịp thời xử lý các vấn đề liên quan đến dịch bệnh.
- Toàn thể CBCNV đều có ý thức nâng cao tinh thần chủ động phòng ngừa dịch bệnh, liên tục cập nhật và nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế.
- Thực hiện mua sắm trang thiết bị, phương tiện, hóa chất, vật tư phòng chống dịch bệnh: khẩu trang, dung dịch rửa tay sát khuẩn.
- Ước tính chi phí cho hoạt động Chăm sóc sức khỏe và Phòng chống dịch bệnh năm 2022 là: khoảng 20 tỷ đồng (Các chi phí bao gồm: Khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp, mua sắm vật tư y tế, tuyên truyền huấn luyện, bồi dưỡng hiện vật, v.v).



Công tác bảo vệ môi trường và kiểm soát chất thải

- Năm 2022 không để xảy ra sự cố vi phạm pháp luật và gây ô nhiễm môi trường.
- Các Đơn vị đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ nhằm tuân thủ yêu cầu pháp luật về môi trường: thực hiện thông báo kế hoạch quan trắc môi trường định kỳ năm 2021 và gửi cho các Sở Tài nguyên & Môi trường địa phương và thực hiện quan trắc môi trường, quản lý chất thải định kỳ theo đúng yêu cầu pháp luật.
- Thực hiện cải tạo, sửa chữa các hệ thống xử lý nước thải: hệ thống ETP của Xưởng NPK, hệ thống xử lý nước thải của tòa nhà 27 Đinh Bộ Lĩnh.
- Triển khai các nhiệm vụ liên quan đến kiểm kê khí thải, giảm phát thải khí nhà kính, chống biến đổi khí hậu như: Kiểm kê khí thải cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022, Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch hành động giảm thiểu, thích ứng với biến đổi khí hậu trên Cơ sở dữ liệu của PVN, Phổ biến Sổ tay tuyên truyền về Biến đổi Khí hậu của PVN, Hỗ trợ Viện Dầu khí (VPI) trong việc khảo sát, thu thập tài liệu phát thải khí nhà kính trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Tổng công ty còn thực hiện các công tác quản lý sử dụng năng lượng và tiết kiệm hiệu quả (như mục 5 dưới đây).
- Làm việc với các Đoàn kiểm tra – Thanh tra về Môi trường năm 2022: Báo cáo và cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ Đoàn Thanh tra của Tổng Thanh tra Chính phủ theo yêu cầu của Tổng Cục Môi trường, Làm việc với Đoàn công tác của Cục Cảnh sát môi trường về việc khảo sát, thu thập thông tin, tài liệu về hoạt động xả khí thải trong lĩnh vực sản xuất phân bón.
- Thực hiện đánh giá ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về Bảo vệ môi trường: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Nghị định 06/2022/NĐ-CP, Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT, Nghị định số 45/2022/NĐ-CP để phổ biến đến các đơn vị.

- Góp ý xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường: Cung cấp thông tin về việc khảo sát tình hình thực hiện quy định pháp luật về thuế, phí BVMT tại đơn vị, Góp ý về dự thảo Đề án thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Góp ý danh mục công nghệ, thiết bị, sản phẩm của ngành công nghiệp môi trường ngành công thương, Cung cấp thông tin phục vụ nhiệm vụ Đánh giá định lượng rủi ro do Biến đổi khí hậu tới các công trình dầu khí của PVN.
- Triển khai thực hiện đào tạo và tham gia các khóa huấn luyện về môi trường như: Thực hiện đào tạo nội bộ về thực hiện trách nhiệm tái chế bao bì sản phẩm phân bón, tổ chức khóa tập huấn chuyên đề quan trắc môi trường với Trung tâm Quan trắc Môi trường Miền Nam, Tham dự Hội thảo "Xây dựng và hướng dẫn thực hiện hệ thống đo đạc, báo cáo và thẩm định (MRV) để đánh giá phát thải khí nhà kính của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2018-2030", Tham dự Hội thảo chuyên đề "Tái xác định giá trị Doanh nghiệp từ khía cạnh môi trường: Những đóng góp của doanh nghiệp hướng tới lộ trình phi phát thải" do VCCI tổ chức, v.v.
- Phối hợp với các Ban/Văn phòng trong các nhiệm vụ có liên quan đến môi trường như: nghiệm thu Báo cáo công tác môi trường năm 2021 tại các kho phân bón của Tổng công ty, yêu cầu môi trường cho Chi nhánh KDHC đối với Kế hoạch di dời Xưởng Pha trộn Hóa phẩm Dầu khí về khuôn viên trạm NH_3 trong Nhà máy đạm Phú Mỹ, v.v.
- Tổ chức thực hiện các hoạt động hưởng ứng Ngày đất ngập nước thế giới, Ngày Môi trường thế giới, Tháng môi trường và Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam và Ngày Đại dương năm 2022.
- Về Công tác lắp đặt thiết bị quan trắc online tại nhà máy đạm Phú Mỹ:
  - Hệ thống quan trắc (HTQT) online nước sông làm mát: Đã được Sở Tài nguyên & Môi trường nghiệm thu và hiện nay hệ thống đã truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên & Môi trường đúng quy định.
  - Tháp tạo hạt: tiếp tục theo dõi phản hồi của Bộ Tài nguyên & Môi trường v/v đề xuất không lắp đặt quan trắc online khí thải do không tìm được phương án và thực hiện tăng tần suất quan trắc định kỳ 1 tháng/lần từ năm 2020.
  - HTQT online khí thải tại ống khói 20SK2201 - Xưởng UFC85 cũ (03 thông số Lưu lượng, bụi tổng, nhiệt độ): Hệ thống hoạt động bình thường.
  - HTQT online ống khói 20SK2201- Xưởng UFC85 mới (07 thông số SO_2; NOx; O_2; CH_3OH; HCHO; Áp suất; CO): đang trong quá trình triển khai gói thầu lắp đặt.
  - HTQT online ống khói 70SK2001- Xưởng NPK: HTQT online đã hoàn thiện và truyền dữ liệu về Sở TNMT theo đúng quy định từ ngày 03/06/2022.
  - Các số liệu môi trường năm 2022 như sau:
    - Số liệu nhiên liệu tiêu thụ:

STT	Nhiên liệu tiêu thụ	ĐVT	Khối lượng
1	**Khí**	Triệu m^3	590,7
2	**Dầu FO**	Tấn	2,3
3	**Dầu DO**	Tấn	38,4
4	**Nước**	m^3	27.605.943,8
5	**Điện**	kWh	186.542.048,4

Nước tiêu thụ bao gồm: nước thủy cục và nước ngầm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, nước sông để làm mát máy móc, thiết bị.

Số liệu chất thải:

STT	Loại chất thải	ĐVT	Lượng phát thải	Lượng xử lý	Mức độ xử lý (Đạt QCVN)
1	**Nước thải** (*)	m^3	152.737	152.737	Đạt
2	**Nước làm mát**	m^3	29.132.940	29.132.940	Đạt
3	**Khí thải**	m^3/Quý	12.080.565.600	12.080.565.600	Đạt
4	**Chất thải rắn sinh hoạt**	Kg	113.352	113.352	Đạt
5	**Chất thải rắn công nghiệp**	Kg	1.171.833	1.171.833	Đạt
6	**Chất thải nguy hại**	Kg	77.720	77.720	Đạt

(*) Nước thải bao gồm: nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất.

Ước tính Chi phí cho hoạt động Môi trường năm 2022: Khoảng **9** tỷ đồng.

BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC AN TOÀN, SỨC KHỎE VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (ATSKMT) (tiếp theo)

Thực hiện tiết kiệm năng lượng, chống biến đổi khí hậu

- Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án/chương trình hành động giảm phát thải khí nhà kính thuộc danh mục Phụ lục I - Kế hoạch hành động giảm thiểu, thích ứng với biến đổi khí hậu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2018-2030.
- Kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban chỉ đạo Quản lý năng lượng (QLNL) tiết kiệm hiệu quả tại Tổng công ty.
- Kiện toàn và thay thế nhân sự mạng lưới QLNL Nhà máy.
- Ban hành Mục tiêu và Kế hoạch thực hiện quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả năm 2022 của Tổng công ty theo QĐ số 114/QĐ-PBHC ngày 19/04/2022.
- Đóng phí Hiệp hội năng lượng Việt Nam năm 2022.
- Báo cáo về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2023 thuộc chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030.
- Thực hiện thủ tục thuê dịch vụ tư vấn kiểm toán năng lượng tại Nhà máy đạm Phú Mỹ năm 2022.
- Tham dự hội thảo cơ chế chính sách, giải pháp phát triển năng lượng Việt Nam bền vững tại Hà Nội ngày 17/06/2022.
- Cập nhật các văn bản pháp luật về mảng năng lượng.
- Thực hiện kiểm toán năng lượng tại Nhà máy đạm Phú Mỹ năm 2022.
- Lập hồ sơ đăng ký tham gia giải thưởng "Hiệu quả năng lượng trong công nghiệp năm 2022" do hội KHCN sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả Việt Nam tổ chức.
- Lập hồ sơ tham gia chương trình Biểu dương "Doanh nghiệp vì sự nghiệp phát triển năng lượng Việt Nam bền vững" năm 2022 do Hiệp hội năng lượng Việt Nam tổ chức.
- Năm 2022, Tổng công ty cũng như các Đơn vị thành viên đều thiết lập mục tiêu tiết kiệm chi phí. Kết quả thực hiện đều được theo dõi, xem xét và đánh giá mức độ hoàn thành KPI.
- Tại nhà máy đạm Phú Mỹ các Mục tiêu tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả được thiết lập. Thực hiện báo cáo kết quả thực hiện tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả năm 2022 và xây dựng kế hoạch cho năm 2023 gửi về Sở Công thương Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.



Công tác đào tạo, huấn luyện, tuyên truyền về ATSKMT

- Năm 2022, Tổng công ty đã thực hiện nhiều khóa đào tạo, huấn luyện về ATSKMT cũng như chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV nhằm nâng cao năng lực thực thi công việc cũng như năng lực quản lý:
  - Công tác huấn luyện ATVSLĐ, PCCC và An toàn hóa chất: Huấn luyện an toàn nhóm theo quy định của pháp luật, An toàn bức xạ trong công nghiệp, Huấn luyện nghiệp vụ chữa cháy và CNCH, Hướng dẫn kỹ thuật Công ước Basel và các hướng dẫn về quan trắc quản lý an toàn chất thải chứa thủy ngân, v.v
  - Triển khai thực hiện đào tạo và tham gia các khóa huấn luyện về môi trường như: Thực hiện đào tạo nội bộ về thực hiện trách nhiệm tái chế bao bì sản phẩm phân bón, tổ chức khóa tập huấn chuyên đề quan trắc môi trường với Trung tâm Quan trắc Môi trường Miền Nam, Tham dự Hội thảo "Xây dựng và hướng dẫn thực hiện hệ thống đo đạc, báo cáo và thẩm định (MRV) để đánh giá phát thải khí nhà kính của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2018-2030", Tham dự Hội thảo chuyên đề "Tái xác định giá trị Doanh nghiệp từ khía cạnh môi trường: Những đóng góp của doanh nghiệp hướng tới lộ trình phi phát thải" do VCCI tổ chức, v.v.
- Thực hiện các hoạt động tuyên truyền trong tuần lễ an toàn vệ sinh lao động, ngày môi trường thế giới, giờ trái đất, ngày toàn dân phòng cháy chữa cháy, v.v chỉ thực hiện trên các bản tin trực tiếp và online.
- Các Chương trình STOP và 5S vẫn được áp dụng và đánh giá định kỳ tại nhà máy đạm Phú Mỹ nhằm nâng cao nhận thức của người lao động trong công tác ATSKMT tại nơi làm việc.
- Tiếp tục thực hiện đánh giá, khen thưởng theo Quy chế khen thưởng An toàn - Môi trường hàng quý nhằm khích lệ CBCNV tham gia tích cực vào công tác an toàn và bảo vệ môi trường.



BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC AN TOÀN, SỨC KHỎE VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (ATSKMT) (tiếp theo)

Nhiệm vụ chính công tác ATSKMT năm 2023



Công tác đảm bảo An toàn – PCCC - ƯCTHKC

- Nhiệm vụ quan trọng nhất trong công tác An toàn – PCCC năm 2023 là phải đảm bảo an toàn cho Bảo dưỡng tổng thể Nhà máy đạm Phú Mỹ.
- Không để xảy ra bất kỳ sự cố cháy nổ gây thiệt hại về người và tài sản của Tổng công ty. Không để xảy ra tai nạn lao động nặng trở lên tại tất cả các công trình của Tổng công ty.
- Tất cả các Đơn vị lập kế hoạch và thực hiện diễn tập các Phương án ƯCTHKC, Ứng phó sự cố hóa chất trong năm 2023 để đảm bảo tính sẵn sàng khi có tình huống khẩn cấp.
- Kiện toàn các đội PCCC cơ sở, lập kế hoạch và thực hiện kiểm tra công tác An toàn - PCCC định kỳ và đột xuất theo đúng yêu cầu của pháp luật và của Tổng công ty để đảm bảo duy trì nhân lực và vật lực đầy đủ, sẵn sàng trong trường hợp khẩn cấp.
- Nhà mày đạm Phú Mỹ duy trì áp dụng hiệu quả các Chương trình kiểm tra bảo dưỡng thiết bị, tiếp tục hoàn thiện và đưa vào áp dụng Hệ thống quản lý An toàn Công nghệ PSM.
- Tất cả các Đơn vị thường xuyên kiểm tra công tác ứng phó bão lũ trong các đợt mưa bão, đảm bảo an toàn cho con người và tránh thiệt hại hàng hóa lưu giữ trong kho.
- Hỗ trợ xây dựng các yêu cầu về AT-PCCC trong các Dự án của Tổng công ty.
- Duy trì các khóa đào tạo về An toàn - PCCC theo quy định của pháp luật và các khóa chuyên môn nâng cao để đáp ứng yêu cầu công việc và đảm bảo an toàn cho SXKD.
- Tiếp tục duy trì các chương trình STOP, 5S tại nhà máy đạm Phú Mỹ, triển khai xây dựng 5S tại văn phòng Tổng công ty (sau khi hoàn thành sửa chữa), triển khai các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người lao động trong công tác an toàn, phòng chống cháy nổ trong tuần lễ An toàn-VSLĐ, PCCC,...

Công tác Môi trường

- Không để xảy ra sự cố môi trường và đảm bảo tuân thủ đầy đủ yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Tiếp tục triển khai các Dự án nằm trong Kế hoạch hành động giảm thiểu, thích ứng với biến đổi khí hậu trên Cơ sở dữ liệu của PVN.
- Thực hiện các nhiệm vụ kiểm kê khí thải, hỗ trợ PVN trong xây dựng các đề tài về kiểm soát khí thải, giảm phát thải khí nhà kính.
- Hỗ trợ xây dựng các yêu cầu về môi trường trong các Dự án của Tổng công ty.
- Các Đơn vị lập kế hoạch và thực hiện giám sát môi trường đầy đủ cho các kho/công trình và báo cáo về cơ quan quản lý địa phương theo đúng quy định.
- Thực hiện quản lý nước thải, khí thải, phân loại và lưu trữ chất thải rắn, chất thải nguy hại (CTNH) đúng quy định. Ký hợp đồng chuyển giao chất thải rắn với Đơn vị có chức năng xử lý.
- Các Đơn vị rà soát công tác lưu giữ CTNH để đảm bảo kho chứa hoặc khu vực lưu giữ phải đúng quy định (yêu cầu kỹ thuật của kho, dán nhãn thùng chứa, v.v). Nhà máy đạm Phú Mỹ tiếp tục thực hiện xây dựng khu vực lưu trữ CTNH mới thay thế cho khu vực tạm thời hiện nay (trạm chiết nạp NH_3).
- Các Đơn vị lập kế hoạch thực hiện kiểm tra công tác quản lý môi trường định kỳ theo đúng yêu cầu của pháp luật, của Tổng công ty và của Đơn vị.

Công tác Sức khỏe - Phòng chống dịch bệnh

- Duy trì thực hiện các biện pháp kiểm soát dịch Covid-19 theo quy định của nhà nước.
- Cập nhật tình hình các bệnh dịch bệnh mới (đậu mùa khỉ, cúm B, v.v) để có phương án ứng phó và phòng chống dịch phù hợp.
- Thực hiện giám sát môi trường lao động định kỳ hàng năm và khám bệnh nghề nghiệp để làm cơ sở cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho CBCNV trong toàn Tổng công ty.



BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI







Công tác An sinh Xã hội (ASXH) được xem là một nét đẹp văn hóa của PVFCCo. Trong bối cảnh chung đất nước và ngành nông nghiệp đang phải đối mặt với nhiều thách thức do ảnh hưởng dai dẳng của đại dịch Covid-19, biến đổi khí hậu, thiên tai lũ lụt nghiêm trọng và các bất ổn về kinh tế - chính trị trên thế giới nhưng PVFCCo vẫn tiếp tục nêu cao, phát huy tinh thần trách nhiệm sẻ chia đối với cộng đồng thông qua các chương trình ASXH nhiều ý nghĩa và thiết thực.

Năm 2022 PVFCCo đã tiến hành hàng loạt hoạt động ASXH với ngân sách hơn 91 tỷ đồng gồm các mảng hoạt động chính: Xây dựng 150 nhà Đại đoàn kết; Thực hiện 02 công trình/chương trình y tế; 17 công trình giáo dục; Các chương trình đền ơn đáp nghĩa; Trao học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo...

Trong những ngày đầu tháng 10/2022, ảnh hưởng của hoàn lưu cơn bão số 4 mạnh nhất trong vòng 20 năm trở lại đây đã gây thiệt hại về người và tài sản tại các tỉnh Bắc Trung Bộ. Trước tình hình đó, PVFCCo đã phối hợp với Hội chữ thập đỏ tỉnh Nghệ An thực hiện chương trình cứu trợ khẩn cấp cho các gia đình bị thiệt hại tài sản, các gia đình không may mất đi người thân để vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống, khôi phục sản xuất sau thiên tai.

Đặc biệt, dịp Tết Quý Mão PVFCCo đã trao gần 30.000 phần quà Tết trị giá gần 20 tỷ đồng cho các hộ gia đình, người dân có hoàn cảnh khó khăn tại 50 tỉnh thành trên cả nước. Chương trình ý nghĩa này đã hỗ trợ bà con nghèo mừng xuân, đón Tết thêm vui tươi, đầm ấm.

Chương 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VƯƠN TẦM **CAO MỚI**

Với nội lực và bản lĩnh mạnh mẽ của một doanh nghiệp sau hai thập kỷ trưởng thành, trên bước đường phát triển tiếp theo, PVFCCo tin tưởng rằng với chiến lược phát triển đã được hoạch định và những giải pháp cụ thể, rõ ràng, PVFCCo sẽ tiếp tục đạt những thành tựu to lớn hơn nữa, góp phần tích cực vào công cuộc giữ vững an ninh lương thực, phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	117 - 118
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	119
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	120 - 121
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	122
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	123
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	124 - 158

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	
Ông Hoàng Trọng Dũng	Chủ tịch
Ông Lê Cự Tân	Thành viên
Ông Louis T.Nguyen	Thành viên
Ông Dương Trí Hội	Thành viên
Ông Trịnh Văn Khiêm	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	
Ông Lê Cự Tân	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cao Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ban kiểm soát	
Ông Huỳnh Kim Nhân	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Lê Vinh Văn	Thành viên
Ông Lương Phương	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt và thông qua ngày 28 tháng 02 năm 2023.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0303165480 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2023
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 0492/VN1A-HN-BC

KÍNH GỬI: **CÁC CỔ ĐÔNG**
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2023, từ trang 124 đến trang 162, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

M.S.D.N: 0100112500 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Q. ĐỐNG ĐA - TP HÀ NỘI

Trần Xuân Ánh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2023-001-1

Lương Tuấn Đạt
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4370-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 02 năm 2023
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**13.578.923.480.222**	**9.519.579.701.251**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**4**	**2.083.841.053.069**	**2.524.115.312.966**
1.	Tiền	111		307.981.912.328	567.149.383.517
2.	Các khoản tương đương tiền	112		1.775.859.140.741	1.956.965.929.449
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**6.880.000.000.000**	**3.455.000.000.000**
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	6.880.000.000.000	3.455.000.000.000
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**458.327.989.385**	**488.926.629.172**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	234.657.477.739	262.942.321.240
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	90.137.615.251	137.517.046.753
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	8	366.959.646.684	321.676.658.968
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(233.426.873.759)	(233.476.873.759)
5.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		123.470	267.475.970
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**10**	**3.871.453.604.350**	**2.775.533.988.246**
1.	Hàng tồn kho	141		4.010.984.671.397	2.778.813.854.584
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(139.531.067.047)	(3.279.866.338)
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**285.300.833.418**	**276.003.770.867**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	20.104.181.210	15.329.149.739
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		256.414.054.424	257.422.886.104
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	8.782.597.784	3.251.735.024
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**4.119.872.255.554**	**4.398.350.543.150**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**1.154.100.000**	**849.874.000**
1.	Phải thu dài hạn khác	216	8	1.154.100.000	849.874.000
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**3.254.819.127.727**	**3.716.965.004.749**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.434.307.412.659	2.883.489.798.863
	- Nguyên giá	*222*		*11.487.943.997.171*	*11.546.905.383.342*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(9.053.636.584.512)*	*(8.663.415.584.479)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	13	820.511.715.068	833.475.205.886
	- Nguyên giá	*228*		*1.156.764.897.293*	*1.155.791.328.193*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(336.253.182.225)*	*(322.316.122.307)*
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**	**14**	**200.140.392.532**	**209.845.313.863**
	- Nguyên giá	*231*		*317.953.542.202*	*317.953.542.202*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*232*		*(117.813.149.670)*	*(108.108.228.339)*
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**218.938.454.705**	**174.082.187.941**
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	218.938.454.705	174.082.187.941
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**		**41.768.055.625**	**44.656.956.639**
1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17	29.279.430.994	28.619.663.470
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	20.502.000.000	20.502.000.000
3.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5	(8.013.375.369)	(4.464.706.831)
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**403.052.124.965**	**251.951.205.958**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	11	41.988.497.354	25.697.331.132
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		187.897.314.223	79.187.651.840
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	150.228.832.256	124.128.741.854
4.	Tài sản dài hạn khác	268		22.937.481.132	22.937.481.132
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**17.698.795.735.776**	**13.917.930.244.401**

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**3.681.356.971.208**	**3.204.770.523.758**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**2.995.517.551.891**	**2.151.651.816.461**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	869.008.139.154	771.382.083.149
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	71.911.963.956	124.292.938.370
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	296.882.468.676	389.655.826.646
4.	Phải trả người lao động	314		219.267.116.813	173.860.882.277
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	802.572.736.521	337.883.833.828
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		18.181.819	18.181.819
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	21	69.965.282.982	74.252.202.749
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	202.043.481.704	200.133.810.219
9.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	375.437.729.910	20.327.222.568
10.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		88.410.450.356	59.844.834.836
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**685.839.419.317**	**1.053.118.707.297**
1.	Phải trả dài hạn khác	337	21	3.385.964.000	8.526.946.700
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	505.108.697.415	700.468.329.150
3.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		132.540.000.000	132.540.000.000
4.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	-	165.486.270.110
5.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		44.804.757.902	46.097.161.337
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**14.017.438.764.568**	**10.713.159.720.643**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**25**	**14.017.438.764.568**	**10.713.159.720.643**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.914.000.000.000	3.914.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*3.914.000.000.000*	*3.914.000.000.000*
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		21.179.913.858	21.179.913.858
3.	Cổ phiếu quỹ	415		(2.296.824.120)	(2.296.824.120)
4.	Quỹ đầu tư phát triển	418		3.497.039.984.859	3.497.039.984.859
5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.401.099.929.390	3.085.566.955.137
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*962.657.286.718*	*53.257.339.727*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*5.438.442.642.672*	*3.032.309.615.410*
6.	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		186.415.760.581	197.669.690.909
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**17.698.795.735.776**	**13.917.930.244.401**

Trần Xuân Thảo	Võ Ngọc Phương	Lê Cự Tân
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	01		18.744.713.575.383	12.881.680.840.632
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		117.534.031.118	95.539.647.280
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)**	10	28	18.627.179.544.265	12.786.141.193.352
4.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	10.788.959.662.813	8.000.602.438.317
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	20	28	7.838.219.881.452	4.785.538.755.035
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	365.063.532.585	175.513.945.627
7.	Chi phí tài chính	22	31	85.257.284.733	74.648.067.031
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*64.787.709.845*	*69.266.472.919*
8.	Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	24		2.662.097.523	2.503.197.142
9.	Chi phí bán hàng	25	32	977.707.327.576	817.762.955.253
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	556.278.720.793	424.973.596.372
11.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))**	30		6.586.702.178.458	3.646.171.279.148
12.	Thu nhập khác	31		21.118.924.268	155.255.174.993
13.	Chi phí khác	32		2.239.166.716	1.955.231.521
14.	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	40		18.879.757.552	153.299.943.472
15.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	50		6.605.581.936.010	3.799.471.222.620
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	1.129.400.312.150	605.412.217.929
17.	(Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	33	(108.709.662.383)	22.542.704.132
18.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)**	60		5.584.891.286.243	3.171.516.300.559
	Trong đó:				
18.1	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		5.564.877.377.993	3.117.133.794.101
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		20.013.908.250	54.382.506.458
19.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	70	34	13.897	7.324

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1.	*Lợi nhuận trước thuế*	*01*	*6.605.581.936.010*	*3.799.471.222.620*
2.	*Điều chỉnh cho các khoản:*			
	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	514.801.559.639	536.986.110.692
	Các khoản dự phòng	03	329.374.106.479	36.040.728.360
	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.492.199.435	(4.822.786.402)
	Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(330.771.138.384)	(168.460.157.280)
	Chi phí lãi vay	06	64.787.709.845	69.266.472.919
	Các khoản điều chỉnh khác	07	-	20.000.000.000
3.	*Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*	*08*	*7.188.266.373.024*	*4.288.481.590.909*
	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	80.003.832.513	(149.969.462.576)
	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.258.270.907.215)	(1.278.636.166.868)
	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	516.135.552.056	189.583.186.815
	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(21.066.197.693)	16.446.824.039
	Tiền lãi vay đã trả	14	(64.435.955.328)	(73.836.553.165)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.209.088.866.037)	(302.161.819.901)
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(270.280.230.233)	(173.836.027.596)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	*20*	*4.961.263.601.087*	*2.516.071.571.657*
II.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(77.483.959.653)	(221.937.019.045)
2.	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.494.306.734	298.617.437
3.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11.790.000.000.000)	(5.640.000.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.365.000.000.000	4.370.000.000.000
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	273.435.614.320	172.717.516.126
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	*30*	*(3.226.554.038.599)*	*(1.318.920.885.482)*
III.	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1.	Tiền thu từ đi vay	33	1.059.193.105.000	724.557.695.286
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.258.761.624.358)	(869.427.255.390)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.977.035.742.700)	(557.564.743.740)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	*40*	*(2.176.604.262.058)*	*(702.434.303.844)*
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(441.894.699.570)	494.716.382.331
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.524.115.312.966	2.029.198.585.342
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.620.439.673	200.345.293
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	2.083.841.053.069	2.524.115.312.966

Trần Xuân Thảo
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 14 ngày 16 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông, trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, các Ban quản lý dự án và Nhà máy Đạm Phú Mỹ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 3.914.000.000.000 VND, được chia thành 391.400.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 05 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn" hoặc "PVN") nắm giữ 59,58% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác;
- Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản;
- Đào tạo nghề;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa cảng biển, sông;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và lưu giữ hàng hóa.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty bao gồm:

STT	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
2	Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam
3	Chi nhánh Tổng Công ty tại Campuchia (i)	Thủ đô Phnom Penh, Campuchia
4	Ban Quản lý Dự án chuyên ngành Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

(i) Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 313/QĐ-PBHC ngày 26 tháng 6 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã quyết định phê duyệt kế hoạch giải thể chi nhánh Tổng Công ty tại Campuchia. Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện các thủ tục để giải thể chi nhánh Tổng Công ty tại Campuchia.

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Tên công ty con/công ty liên kết	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Tỉnh Bình Định	75,00	75,00	Kinh doanh phân bón và hóa chất
2. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	TP. Cần Thơ	75,00	75,00	Kinh doanh phân bón và hóa chất
3. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	TP. Hồ Chí Minh	75,00	75,00	Kinh doanh phân bón và hóa chất
4. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Hà Nội	75,00	75,00	Kinh doanh phân bón và hóa chất
Công ty liên kết				
1. Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	43,34	43,34	Sản xuất bao bì
2. Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	TP. Cần Thơ	35,63	35,63	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ
3. Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam	TP. Hải Phòng	25,99	25,99	Sản xuất và mua bán xơ sợi polyester

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi nhánh Tổng Công ty tại Campuchia sử dụng Đô la Mỹ (USD) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Tổng Công ty đã thực hiện chuyển đổi các số dư còn lại của Chi nhánh Tổng Công ty tại Campuchia cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sang Đồng Việt Nam (VND) theo các nguyên tắc phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

MẪU SỐ B 09-DN/HN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Phương pháp kế toán để hạch toán hàng tồn kho mà Tổng Công ty sử dụng là phương pháp kê khai thường xuyên. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 9
Khác	3 -15

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn luỹ kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Đối với các quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng là vô thời hạn, Tổng Công ty không trích hao mòn.

	Số năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không trích hao mòn
Quyền sử dụng đất có thời hạn	32 - 50

Bản quyền

Bản quyền được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác

Phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 năm đến 6 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Các bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính.

	Số năm
Quyền sử dụng đất	50
Nhà cửa, vật kiến trúc	7 - 25

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí lãi vay, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm trả trước tiền thuê bồn chứa, trả trước tiền thuê đất, thuê văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ phân bổ, chi phí dịch vụ hỗ trợ phần cứng, phần mềm và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê bồn chứa, thuê đất, thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê bồn chứa, thuê đất, thuê văn phòng đã được trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Giá trị công cụ, dụng cụ phân bổ bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí dịch vụ hỗ trợ phần cứng, phần mềm được ghi nhận dựa trên giá hợp đồng và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo quy định hiện hành.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm chi phí dịch vụ hỗ trợ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này.

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ mà việc sửa chữa lớn có tính chu kỳ, Tổng Công ty được trích trước chi phí sửa chữa lớn theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì Tổng Công ty được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi cho việc sửa chữa lớn tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong năm.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập từ năm 2014 để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên nhu cầu phát triển và đổi mới công nghệ của Tổng Công ty và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016, sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Thông tư số 67/2022/TT-BTC do Bộ Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 11 năm 2022. Theo đó, Tổng Công ty căn cứ vào nhu cầu sử dụng nguồn vốn cho hoạt động khoa học và công nghệ trích lập tối đa 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm để hình thành quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Tỷ giá nêu trên có sự khác biệt so với tỷ giá quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200"), tuy nhiên sự khác biệt này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	2.515.509.016	2.852.493.739
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	305.466.403.312	564.296.889.778
Các khoản tương đương tiền (i)	1.775.859.140.741	1.956.965.929.449
	2.083.841.053.069	2.524.115.312.966

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 tháng đến 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,0%/năm đến 6,0%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: lãi suất từ 3%/năm đến 3,7%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng của Tổng Công ty tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Dương) có số dư là 284.000.000.000 VND đang bị hạn chế sử dụng. Theo Công văn số 5351/2016/CV-OCEANBANK ngày 04 tháng 10 năm 2016, Công văn số 60/2018/CV-OCEANBANK ngày 28 tháng 12 năm 2018 và Công văn số 76/2020/CV-OJB-CNHCM ngày 12 tháng 8 năm 2020, Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương cam kết sẽ thực hiện việc chi trả tiền gửi của khách hàng theo lộ trình chi trả trong đề án tái cơ cấu ngân hàng đang trình Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ phê duyệt. Lãi tiền gửi đã được Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương chi trả từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 đến nay. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ thu hồi được trong tương lai theo cam kết nêu trên của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	6.880.000.000.000	6.880.000.000.000	3.455.000.000.000	3.455.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	6.880.000.000.000	6.880.000.000.000	3.455.000.000.000	3.455.000.000.000

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và thời hạn thu hồi còn lại dưới 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính với lãi suất từ 3,9%/năm đến 9,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: lãi suất từ 3,5%/năm đến 5,0%/năm).

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	20.502.000.000	(4.464.706.831)	(ii)	20.502.000.000	(4.464.706.831)	(ii)
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí	3.600.000.000	-	(ii)	3.600.000.000	-	(ii)
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi	16.902.000.000	(8.013.375.369)	(ii)	16.902.000.000	(4.464.706.831)	(ii)
	20.502.000.000	(8.013.375.369)	(ii)	20.502.000.000	(4.464.706.831)	(ii)

(ii) Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị này tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Minh Dũng	59.139.170.671	-
Công ty TNHH TMDV Phân bón Tuấn Vũ	24.957.337.700	-
Công ty Cổ phần F.A	14.426.449.918	34.003.455.213
Công ty TNHH Nam Du Gia Lai	1.682.913.000	52.698.813.348
Liven Agrichem Pte. Ltd.	-	36.377.540.000
Các khách hàng khác	98.936.775.533	119.917.692.371
	199.142.646.822	**242.997.500.932**
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
(Chi tiết tại Thuyết minh số 36)	35.514.830.917	19.944.820.308
	35.514.830.917	**19.944.820.308**
Tổng cộng	234.657.477.739	262.942.321.240

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Ngọc Lan	9.153.800.000	9.153.800.000
Công ty TNHH TMDV XNK Tường Nguyên	-	44.000.000.000
CÔNG TY TNHH VTNN Hưng Thạnh	-	27.216.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	68.556.688.063	19.686.350.752
	77.710.488.063	**100.056.150.752**
b. Trả trước cho các bên liên quan		
(Chi tiết tại Thuyết minh số 36)	12.427.127.188	37.460.896.001
	12.427.127.188	**37.460.896.001**
Tổng cộng	90.137.615.251	137.517.046.753

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam (i)	114.209.081.543	114.209.081.543
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) (ii)	110.093.267.289	110.143.267.289
Trích lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	83.932.273.536	23.928.462.200
Phải thu ngắn hạn khác	58.725.024.316	73.395.847.936
	366.959.646.684	**321.676.658.968**
b. Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.154.100.000	849.874.000
	1.154.100.000	**849.874.000**
Trong đó:		
Phải thu khác với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 36)	224.818.294.037	225.802.905.773

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

(i) Số dư khoản phải thu ngắn hạn khác đối với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam ("VNPOLY") tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 thể hiện khoản thanh toán theo cam kết bảo lãnh đối ứng cho các khoản vay vốn trung và dài hạn của VNPOLY và các khoản kinh phí hỗ trợ khác. Nghĩa vụ thanh toán phát sinh do Tổng Công ty đã ký 02 cam kết bảo lãnh đối ứng với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN") liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của PVN cho các khoản vay vốn trung và dài hạn của VNPOLY.

Theo các Biên bản thỏa thuận giữa PVN, VNPOLY và Tổng Công ty, PVN sẽ chịu trách nhiệm thu hồi nợ gốc và lãi vay đối với các khoản bảo lãnh mà các bên đã trả thay VNPOLY. Trong vòng 07 ngày kể từ ngày PVN thu được khoản tiền trả nợ từ VNPOLY (bao gồm cả số tiền gốc thanh toán và lãi vay), PVN sẽ hoàn trả cho Tổng Công ty số tiền tính theo tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại VNPOLY. Lãi suất nhận nợ được xác định bằng lãi suất không kỳ hạn do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố, thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày Tổng Công ty trả tiền thực hiện bảo lãnh đối ứng cho PVN.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi khoản phải thu này là rất thấp do lỗ lũy kế của VNPOLY đã vượt quá vốn chủ sở hữu, và VNPOLY không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

(ii) Số dư khoản phải thu ngắn hạn khác đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVFI") tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 thể hiện khoản ủy thác vốn đầu tư với số tiền 101.597.868.000 VND và lãi ủy thác phát sinh chưa thanh toán với số tiền 8.495.399.289 VND. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi khoản phải thu này là rất thấp do hoạt động sản xuất kinh doanh của PVFI gặp nhiều khó khăn.

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	VND Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	VND Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	110.093.267.289	-	Trên 3 năm	110.143.267.289	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Ngọc Lan	9.153.800.000	-	Trên 3 năm	9.153.800.000	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam	115.725.753.648	1.545.947.178	Trên 3 năm	115.725.753.648	1.545.947.178	Trên 3 năm
- Phải thu liên quan đến bảo lãnh đối ứng	*107.786.937.303*	-		*107.786.937.303*	-	
- Phải thu khác	*7.938.816.345*	*1.545.947.178*		*7.938.816.345*	*1.545.947.178*	
	234.972.820.937	1.545.947.178		235.022.820.937	1.545.947.178	

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
a. Hàng tồn kho				
Hàng mua đang đi đường	267.561.155.169	-	137.303.973.626	-
Nguyên liệu, vật liệu	735.311.999.640	(290.262.998)	557.871.471.999	(480.008.618)
Công cụ, dụng cụ	4.986.330.742	-	8.671.907.245	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	273.274.432.238	-	215.990.588.117	-
Thành phẩm	2.003.744.144.579	(69.018.424.938)	821.955.029.260	(2.799.857.720)
Hàng hoá	726.106.609.029	(70.222.379.111)	1.037.020.884.337	-
	4.010.984.671.397	**(139.531.067.047)**	**2.778.813.854.584**	**(3.279.866.338)**
b. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	150.228.832.256	-	124.128.741.854	-

Trong năm, Tổng Công ty đã trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 136.251.200.709 VND (năm 2021: hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 23.025.209.822 VND).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí dịch vụ hỗ trợ phần cứng, phần mềm	9.211.220.787	8.764.839.132
Công cụ, dụng cụ phân bổ	1.743.971.610	1.774.165.242
Chi phí thuê bồn chứa	3.500.000.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.648.988.813	4.790.145.365
	20.104.181.210	**15.329.149.739**
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ phân bổ	18.505.218.044	12.053.362.959
Trả trước tiền thuê đất, thuê văn phòng	5.612.342.663	3.547.395.469
Chi phí trả trước dài hạn khác	17.870.936.647	10.096.572.704
	41.988.497.354	**25.697.331.132**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	**2.336.763.530.193**	**8.173.270.858.052**	**92.733.958.000**	**322.119.534.899**	**622.017.502.198**	**11.546.905.383.342**
Tăng trong năm	801.676.827	17.548.196.727	5.089.976.502	17.382.543.268	3.639.715.825	44.462.109.149
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	-	-	(95.216.756.255)	-	(95.216.756.255)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.637.856.157)	(4.850.709.365)	(1.606.091.043)	(112.082.500)	(8.206.739.065)
Số dư cuối năm	**2.337.565.207.020**	**8.189.181.198.622**	**92.973.225.137**	**242.679.230.869**	**625.545.135.523**	**11.487.943.997.171**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	**1.527.094.652.174**	**6.404.658.494.858**	**79.902.594.330**	**281.582.778.056**	**370.177.065.061**	**8.663.415.584.479**
Khấu hao trong năm	110.150.356.790	256.170.849.316	3.716.335.389	27.065.428.231	93.717.608.664	490.820.578.390
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	-	-	(92.392.839.292)	-	(92.392.839.292)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.637.856.157)	(4.850.709.365)	(1.606.091.043)	(112.082.500)	(8.206.739.065)
Số dư cuối năm	**1.637.245.008.964**	**6.659.191.488.017**	**78.768.220.354**	**214.649.275.952**	**463.782.591.225**	**9.053.636.584.512**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	**809.668.878.019**	**1.768.612.363.194**	**12.831.363.670**	**40.536.756.843**	**251.840.437.137**	**2.883.489.798.863**
Tại ngày cuối năm	**700.320.198.056**	**1.529.989.710.605**	**14.205.004.783**	**28.029.954.917**	**161.762.544.298**	**2.434.307.412.659**

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, Tổng Công ty đã thế chấp toàn bộ nhà xưởng và máy móc thiết bị thuộc Dự án Nâng công suất phân xưởng NH_3 của Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất phân bón NPK công nghệ hóa học, với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.828.121.206.774 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.079.267.047.450 VND) để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 6.723.529.088.073 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 6.377.667.352.749 VND).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	**863.853.207.162**	**159.315.893.074**	**116.870.874.803**	**15.751.353.154**	**1.155.791.328.193**
Tăng trong năm	-	-	1.312.569.100	-	1.312.569.100
Giảm trong năm	-	-	(339.000.000)	-	(339.000.000)
Số dư cuối năm	**863.853.207.162**	**159.315.893.074**	**117.844.443.903**	**15.751.353.154**	**1.156.764.897.293**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	**49.729.285.228**	**159.315.893.074**	**101.392.770.429**	**11.878.173.576**	**322.316.122.307**
Khấu hao trong năm	4.847.325.217	15.647.866	8.932.723.075	480.363.760	14.276.059.918
Giảm trong năm	-	-	(339.000.000)	-	(339.000.000)
Số dư cuối năm	**54.576.610.445**	**159.331.540.940**	**109.986.493.504**	**12.358.537.336**	**336.253.182.225**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	**814.123.921.934**	**-**	**15.478.104.374**	**3.873.179.578**	**833.475.205.886**
Tại ngày cuối năm	**809.276.596.717**	**(15.647.866)**	**7.857.950.399**	**3.392.815.818**	**820.511.715.068**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 266.581.371.663 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 238.161.541.728 VND).

MẪU SỐ B 09-DN/HN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

14. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	99.499.152.000	218.454.390.202	317.953.542.202
Số dư cuối năm	99.499.152.000	218.454.390.202	317.953.542.202
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	11.669.709.453	96.438.518.886	108.108.228.339
Khấu hao trong năm	1.005.683.040	8.699.238.291	9.704.921.331
Số dư cuối năm	12.675.392.493	105.137.757.177	117.813.149.670
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	87.829.442.547	122.015.871.316	209.845.313.863
Tại ngày cuối năm	86.823.759.507	113.316.633.025	200.140.392.532

Danh mục bất động sản đầu tư

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế
	VND	VND	VND	VND
Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Hồ Chí Minh	90.358.442.144	20.905.536.273	67.846.105.501	22.512.336.643
Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau	157.460.134.120	61.716.488.602	90.450.923.194	67.009.210.926
Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, thành phố Hồ Chí Minh	70.134.965.938	25.486.203.464	41.843.363.837	28.291.602.101
	317.953.542.202	108.108.228.339	200.140.392.532	117.813.149.670
Giá trị còn lại	209.845.313.863		200.140.392.532	

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.152.818.774	-	5.515.380.535	8.668.199.309
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	15.482.225	15.482.225
Các loại thuế khác	98.916.250		-	98.916.250
	3.251.735.024	**-**	**5.530.862.760**	**8.782.597.784**
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	9.451.788.991	143.906.656.465	148.513.620.016	4.844.825.440
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	*9.451.788.991*	*107.690.446.879*	*112.297.410.430*	*4.844.825.440*
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	*36.216.209.586*	*36.216.209.586*	-
Thuế xuất, nhập khẩu	17.640.572.200	149.390.403.269	167.030.975.469	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	352.291.850.635	1.129.400.312.150	1.203.573.485.502	278.118.677.283
Thuế thu nhập cá nhân	9.754.017.726	92.697.868.739	88.980.933.992	13.470.952.473
Thuế tài nguyên	337.015.194	3.851.250.344	3.847.825.058	340.440.480
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	180.581.900	2.180.650.449	2.253.659.349	107.573.000
- Thuế bảo vệ môi trường	*180.581.900*	*519.015.600*	*592.024.500*	*107.573.000*
- Các loại thuế khác	-	*1.661.634.849*	*1.661.634.849*	-
	389.655.826.646	**1.521.427.141.416**	**1.614.200.499.386**	**296.882.468.676**

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án nâng công suất phân xưởng NH_3 nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất NPK (i)	126.888.915.355	83.279.615.900
Dự án nhà cán bộ công nhân viên	36.342.070.618	36.342.070.618
Kho Tây Ninh	29.120.068.273	29.120.068.273
Các dự án khác	26.587.400.459	25.340.433.150
	218.938.454.705	**174.082.187.941**

(i) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 24, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị công trình xây dựng và máy móc thiết bị của Dự án nâng công suất phân xưởng NH_3 Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất phân bón NPK công nghệ hóa học để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	680.903.000.000	680.903.000.000
Phần lỗ phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	(651.623.569.006)	(652.283.336.530)
	29.279.430.994	28.619.663.470

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
REGAS TRADING FZE	30.576.737.400	30.576.737.400	-	-
Công ty TNHH Baconco	-	-	75.059.625.444	75.059.625.444
Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang Lào Cai	-	-	71.326.012.800	71.326.012.800
Các nhà cung cấp khác	257.628.977.870	257.628.977.870	258.795.349.852	258.795.349.852
	288.205.715.270	288.205.715.270	405.180.988.096	405.180.988.096
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 36)	580.802.423.884	580.802.423.884	366.201.095.053	366.201.095.053
Tổng cộng	869.008.139.154	869.008.139.154	771.382.083.149	771.382.083.149

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty TNHH TMDV Phân bón Tuấn Vũ	24.205.652.205	-
Doanh nghiệp Tư nhân Huỳnh Châu	6.618.499.680	6.618.499.680
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Trí Phát	5.030.702.300	-
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp II Đà Nẵng	4.485.860.125	-
Công ty TNHH Việt Mỹ	-	21.187.500.000
Công ty TNHH một thành viên Thương mại và dịch vụ Minh Dũng	-	18.124.074.799
Công ty TNHH TMDV Kim Ngoan	-	6.415.272.954
Các khách hàng khác	31.268.417.290	71.260.322.553
	71.609.131.600	123.605.669.986
b. Trả trước từ các bên liên quan		
(Chi tiết tại Thuyết minh số 36)	302.832.356	687.268.384
	302.832.356	687.268.384
Tổng cộng	71.911.963.956	124.292.938.370

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí vận chuyển khí	469.082.932.421	1.516.548.821
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	7.110.365.817	25.730.721.605
Phải trả về xây dựng cơ bản	126.967.023.088	157.710.578.386
Chi phí lãi vay	25.736.073.137	25.870.992.080
Các khoản trích trước khác	173.676.342.058	127.054.992.936
	802.572.736.521	337.883.833.828
Trong đó:		
Chi phí phải trả ngắn hạn với các bên liên quan		
(Chi tiết tại Thuyết minh số 36)	633.850.591.589	138.139.721.334

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	32.673.967.009	26.650.909.709
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.172.519.938	7.366.977.144
Các khoản phải trả, phải nộp khác	30.118.796.035	40.234.315.896
	69.965.282.982	74.252.202.749
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.385.964.000	8.526.946.700
	3.385.964.000	8.526.946.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Trong năm	VND	Số cuối năm	VND
	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
1.059.193.105.000	1.059.193.105.000	1.059.193.105.000	-	-
48.000.000.000	48.000.000.000	48.000.000.000	-	-
250.000.000.000	250.000.000.000	250.000.000.000	-	-
232.610.000.000	232.610.000.000	232.610.000.000	-	-
14.850.000.000	14.850.000.000	14.850.000.000	-	-
175.060.000.000	175.060.000.000	175.060.000.000	-	-
40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	-	-
197.576.000.000	197.576.000.000	197.576.000.000	-	-
101.097.105.000	101.097.105.000	101.097.105.000	-	-
200.133.810.219	200.133.810.219	202.043.481.704	202.043.481.704	202.043.481.704
1.259.326.915.219	1.259.326.915.219	1.261.236.586.704	202.043.481.704	202.043.481.704

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Cần Thơ	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	-	-
Ngân hang TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh thành phố Cần Thơ	-	-
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Định	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Bình Định	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 7, thành phố Hồ Chí Minh	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 24)	200.133.810.219	200.133.810.219
	200.133.810.219	**200.133.810.219**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Dự phòng bảo dưỡng Gas Turbine VND	Dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng tổng thể cho Nhà máy Đạm Phú Mỹ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	20.327.222.568	-	20.327.222.568
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	22.854.884.621	214.239.876.162	237.094.760.783
Phân loại lại từ dự phòng phải trả dài hạn	-	165.486.270.110	165.486.270.110
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(42.755.951.746)	(4.714.571.805)	(47.470.523.551)
Số dư cuối năm	426.155.443	375.011.574.467	375.437.729.910

b. Dự phòng phải trả dài hạn

	Dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng tổng thể cho Nhà máy Đạm Phú Mỹ VND
Số dư đầu năm	165.486.270.110
Phân loại lại sang dự phòng phải trả ngắn hạn	(165.486.270.110)
Số dư cuối năm	-

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	VND Chênh lệch do đánh giá lại	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn							
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (i)	900.602.139.369	900.602.139.369	-	199.568.519.358	6.118.559.108	707.152.179.119	707.152.179.119
	900.602.139.369	**900.602.139.369**	**-**	**199.568.519.358**	**6.118.559.108**	**707.152.179.119**	**707.152.179.119**
Trong đó:							
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	*200.133.810.219*	*200.133.810.219*				*202.043.481.704*	*202.043.481.704*
- Số phải trả sau 12 tháng	*700.468.329.150*	*700.468.329.150*				*505.108.697.415*	*505.108.697.415*

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vay và nợ thuê tài chính dài hạn với Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh TP.HCM, bên liên quan của Tổng Công ty, với hạn mức vay là 1.752.000.000.000 VND hoặc USD quy đổi tương đương theo tỷ giá quy đổi tại thời điểm cho vay. Khoản vay này nhằm mục đích bổ sung vốn đầu tư vào Dự án nâng công suất phân xưởng NH_3 Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất phân bón NPK công nghệ hóa học do Tổng Công ty làm chủ đầu tư. Thời hạn giải ngân là đến hết tháng 6 năm 2021. Thời hạn vay tối đa là 108 tháng, thời gian ân hạn tối đa là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 09 tháng 02 năm 2017) hoặc một thời hạn sớm hơn do bên cho vay xác định khi dự án hoàn thành và bắt đầu có nguồn thu. Lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng lãi suất biên (2,5%/năm). Lãi vay được trả 6 tháng/lần tính trên dư nợ thực tế. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ giá trị công trình xây dựng và máy móc thiết bị thuộc Dự án nâng công suất phân xưởng NH_3 Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất phân bón NPK công nghệ hóa học như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 và Thuyết minh số 16.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	202.043.481.704	200.133.810.219
Trong năm thứ hai	202.043.481.704	200.133.810.219
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	303.065.215.711	500.334.518.931
	707.152.179.119	**900.602.139.369**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	202.043.481.704	200.133.810.219
Số phải trả sau 12 tháng	**505.108.697.415**	**700.468.329.150**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	3.914.000.000.000	21.179.913.858	(2.296.824.120)	3.497.039.984.859	654.776.859.274	8.084.699.933.871	162.799.407.017	8.247.499.340.888
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	3.117.133.794.101	3.117.133.794.101	54.382.506.458	3.171.516.300.559
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(138.475.734.238)	(138.475.734.238)	(10.524.722.566)	(149.000.456.804)
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	(547.867.964.000)	(547.867.964.000)	(8.987.500.000)	(556.855.464.000)
Số dư cuối năm trước	3.914.000.000.000	21.179.913.858	(2.296.824.120)	3.497.039.984.859	3.085.566.955.137	10.515.490.029.734	197.669.690.909	10.713.159.720.643
Số dư đầu năm nay	3.914.000.000.000	21.179.913.858	(2.296.824.120)	3.497.039.984.859	3.085.566.955.137	10.515.490.029.734	197.669.690.909	10.713.159.720.643
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	5.564.877.377.993	5.564.877.377.993	20.013.908.250	5.584.891.286.243
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(292.673.103.740)	(292.673.103.740)	(4.880.338.578)	(297.553.442.318)
Trả cổ tức bằng tiền mặt (ii)	-	-	-	-	(1.956.671.300.000)	(1.956.671.300.000)	(26.387.500.000)	(1.983.058.800.000)
Số dư cuối năm nay	3.914.000.000.000	21.179.913.858	(2.296.824.120)	3.497.039.984.859	6.401.099.929.390	13.831.023.003.987	186.415.760.581	14.017.438.764.568

i. Trong năm, Tổng Công ty và các công ty con tiến hành trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận năm 2021 và tạm trích từ lợi nhuận năm 2022 theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Chi tiết như sau:

			Trong đó	
Công ty	**Nghị quyết Hội đồng quản trị**	**Số tiền**	**Trích từ lợi nhuận năm 2021**	**Tạm trích từ lợi nhuận năm 2022**
Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Nghị quyết số 934/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022	278.032.088.000	164.032.088.000	114.000.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Nghị quyết số 30/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022	5.350.543.211	1.781.371.627	3.569.171.584
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Nghị quyết số 87/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 06 năm 2022	7.668.490.451	1.160.335.600	6.508.154.851
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Nghị quyết số 47/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022	4.262.814.532	-	4.262.814.532
Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022	2.239.506.124	-	2.239.506.124
Tổng cộng		**297.553.442.318**	**166.973.795.227**	**130.579.647.091**

ii. Trong năm, Tổng Công ty và các công ty con chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Chi tiết như sau:

Công ty	**Nghị quyết**	**Nội dung**	**Ngày chốt quyền**	**Số tiền**
Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Nghị quyết số 25/NQ-PBHC ngày 17 tháng 01 năm 2022	Chi tạm ứng cổ tức đợt 1 từ lợi nhuận năm 2021	28/01/2022	391.334.260.000
	Nghị quyết số 50/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022	Chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2021	21/7/2022	1.565.337.040.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Nghị quyết số 30/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022	Chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2021	17/8/2022	20.400.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	Nghị quyết số 87/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 06 năm 2022	Chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2021	12/8/2022	25.000.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Nghị quyết số 115/NQ-ĐNB ngày 26 tháng 10 năm 2022	Chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2021	09/11/2022	31.250.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	Nghị quyết số 09/NQ-TNB ngày 23 tháng 6 năm 2022	Chi trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận sau thuế năm 2021	13/7/2022	28.900.000.000
Tổng cộng				**2.062.221.300.000**
Trong đó:				
- Chi trả cổ tức cho chủ sở hữu				1.956.671.300.000
- Công ty con chi trả cổ tức cho Công ty mẹ đã loại trừ trên BCTC hợp nhất				79.162.500.000
- Chi trả cổ tức cho Cổ đông không kiểm soát				26.387.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	391.400.000	391.400.000
Cổ phiếu phổ thông	*391.400.000*	*391.400.000*
Số lượng cổ phiếu quỹ	65.740	65.740
Cổ phiếu phổ thông	*65.740*	*65.740*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	391.334.260	391.334.260
Cổ phiếu phổ thông	*391.334.260*	*391.334.260*

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần gần nhất ngày 16 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 3.914.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	233.204.253	59,58	233.204.253	59,58
Các cổ đông khác	158.130.007	40,40	158.130.007	40,40
	391.334.260	**99,98**	**391.334.260**	**99,98**
Cổ phiếu quỹ	65.740	0,02	65.740	0,02
	391.400.000	100,00	**391.400.000**	**100,00**

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tài sản thuê ngoài

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Trong vòng một năm	24.701.732.130	17.835.785.541
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	90.278.317.080	48.905.330.606
Sau năm năm	473.961.164.670	354.378.668.490
	588.941.213.880	421.119.784.637

Các khoản thuê hoạt động của Tổng Công ty là tiền thuê đất và thuê văn phòng. Ngày 03 tháng 9 năm 2005, Tổng Công ty đã tiếp nhận Hợp đồng thuê lại đất số 178/HĐ/TLĐ/UDEC.2001 ngày 01 tháng 6 năm 2001 được ký giữa Ban Quản lý Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ với Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho việc thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hợp đồng thuê có thời hạn 17 năm kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2004. Theo Hợp đồng thuê lại đất số 46/HĐ/TLĐ/IZICO-PVFCCo ngày 23 tháng 12 năm 2021, từ năm 2022 trở đi, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất thô và phí sử dụng hạ tầng bằng Đồng Việt Nam vào ngày 15 tháng 02 hàng năm của năm thuê đất đó với số tiền mỗi năm phải trả tương đương với 634.066 USD.

Khoản tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê 568 m^2 văn phòng, 55 m^2 khu vực WC và 31 m^2 khu vực kho tại Tầng 4, tòa nhà Viện Dầu khí với giá thuê lần lượt là 296.235 VND/m^2/tháng, 171.235 VND/m^2/tháng và 200.000 VND/m^2/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 3 năm tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngoại tệ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô La Mỹ (USD)	2.764.228	46.494
Euro (EUR)	31.065	32.505

27. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 là liên quan đến hoạt động sản xuất và kinh doanh phân bón. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 28.

Tổng Công ty thực hiện phân phối các sản phẩm phân bón, hóa chất, bao bì và cung cấp dịch vụ khắp cả nước thông qua các Công ty con tại từng khu vực bao gồm Miền Bắc, Miền Trung - Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm, Tổng Công ty thực hiện xuất khẩu phân bón với doanh thu chiếm tỷ trọng hơn 18% trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty. Chi tiết như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu nội địa	15.278.708.216.624	11.898.439.552.952
Doanh thu xuất khẩu	3.348.471.327.641	887.701.640.400
	18.627.179.544.265	12.786.141.193.352
Tổng giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Giá vốn nội địa	9.401.895.420.508	7.710.642.851.792
Giá vốn xuất khẩu	1.387.064.242.305	289.959.586.525
	10.788.959.662.813	8.000.602.438.317

28. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN

	Kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước VND	Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu VND	Tổng cộng VND
Năm nay			
Doanh thu thuần	16.138.188.846.810	2.488.990.697.455	18.627.179.544.265
Giá vốn hàng bán	(8.385.036.284.042)	(2.403.923.378.771)	(10.788.959.662.813)
Lợi nhuận gộp	**7.753.152.562.768**	**85.067.318.684**	**7.838.219.881.452**
Năm trước			
Doanh thu thuần	10.595.786.311.886	2.190.354.881.466	12.786.141.193.352
Giá vốn hàng bán	(6.102.891.278.027)	(1.897.711.160.290)	(8.000.602.438.317)
Lợi nhuận gộp	**4.492.895.033.859**	**292.643.721.176**	**4.785.538.755.035**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu kinh doanh phân bón	14.448.178.535.222	9.575.520.809.220
Doanh thu kinh doanh hóa chất	1.765.926.742.990	1.068.134.565.808
Doanh thu khác	41.235.711.997	45.282.776.050
	16.255.340.990.209	**10.688.938.151.078**
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	117.152.143.399	93.151.839.192
	117.152.143.399	**93.151.839.192**
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**16.138.188.846.810**	**10.595.786.311.886**

Chi tiết giá vốn kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn phân bón sản xuất	7.628.024.817.248	5.531.111.056.410
Giá vốn hóa chất sản xuất	717.849.244.209	549.154.589.045
Giá vốn khác	39.162.222.585	22.625.632.572
	8.385.036.284.042	**6.102.891.278.027**

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.309.033.678.171	4.822.494.783.618
Chi phí nhân công	632.987.983.443	620.039.872.457
Chi phí khấu hao tài sản cố định	514.801.559.639	536.986.110.692
Chi phí dự phòng	325.825.437.941	36.040.728.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	993.520.499.116	1.023.945.659.632
Chi phí khác bằng tiền	992.144.414.585	746.629.271.362
	10.768.313.572.895	**7.786.136.426.121**

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	323.301.862.803	160.830.978.066
Lãi chênh lệch tỷ giá	36.954.491.724	8.239.945.682
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.807.178.058	5.415.161.879
Doanh thu tài chính khác	-	1.027.860.000
	365.063.532.585	**175.513.945.627**

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	64.787.709.845	69.266.472.919
Lỗ chênh lệch tỷ giá	16.781.720.350	4.537.158.664
Trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn	3.548.668.538	216.935.448
Chi phí tài chính khác	139.186.000	627.500.000
	85.257.284.733	**74.648.067.031**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí vận chuyển, bốc xếp lưu kho	316.332.377.461	298.353.408.829
Chi phí an sinh xã hội, quảng cáo, truyền thông	342.182.753.906	247.114.772.684
Chi phí nhân viên bán hàng	94.320.467.849	99.267.738.774
Các khoản chi phí bán hàng khác	224.871.728.360	173.027.034.966
	977.707.327.576	**817.762.955.253**
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	191.888.843.621	165.684.583.410
Chi phí khấu hao tài sản cố định	56.254.030.719	67.155.587.397
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	308.135.846.453	192.133.425.565
	556.278.720.793	**424.973.596.372**

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.126.476.674.717	605.412.217.929
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm này	2.923.637.433	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**1.129.400.312.150**	**605.412.217.929**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	473.600.394
(Thu nhập)/ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(108.709.662.383)	22.069.103.738
Tổng chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	**(108.709.662.383)**	**22.542.704.132**

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.564.877.377.993	3.117.133.794.101
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	*(126.434.735.321)*	*(251.062.547.110)*
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	**5.438.442.642.672**	**2.866.071.246.991**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	391.334.260	391.334.260
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**13.897**	**7.324**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích trong năm trên cơ sở tạm tính, do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 có thể thay đổi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty đối với việc phân phối lợi nhuận năm 2022.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty và các Công ty con (xem Thuyết minh số 25). Theo đó, giá trị trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được tính toán và phân bổ lại cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	3.117.133.794.101	3.117.133.794.101
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	*(84.824.178.691)*	*(251.062.547.110)*
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	**3.032.309.615.410**	**2.866.071.246.991**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	391.334.260	391.334.260
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	7.749	7.324

35. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Tiền sử dụng đất và các chi phí khác của khu đường đi có diện tích 0,6 ha đã được Tổng Công ty đầu tư xây dựng tại tỉnh Cà Mau

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau để xác định các nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất và các chi phí khác có thể phát sinh liên quan đến việc xác định mục đích sử dụng đất của khu đường đi có diện tích 0,6 ha đã được Tổng Công ty đầu tư xây dựng tại tỉnh Cà Mau.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	Công ty cùng Tập đoàn
Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần PVI	Công ty cùng Tập đoàn
Viện Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Địa lý Giếng khoan Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty CP Chứng Khoán Dầu Khí - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ Thuật khoan Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần PVI	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu Khí - CTCP	Công ty cùng Tập đoàn
Công đoàn Dầu khí Việt Nam	Đơn vị cùng Tập đoàn
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	Đơn vị cùng Tập đoàn

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	146.079.718.071	131.028.122.949
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	19.430.285.700	8.279.396.000
Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro	8.219.111.395	5.918.518.983
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.319.760.000	7.539.656.448
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	396.000.000	781.560.450
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	50.290.000	664.971.812
Công ty TNHH MTV Địa lý Giếng khoan Dầu khí	-	1.231.147.143
Công ty CP Chứng Khoán Dầu Khí - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	-	1.128.371.616
	175.495.165.166	**156.571.745.401**
Mua hàng		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	5.465.081.146.347	3.469.114.467.696
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	63.820.000.000	75.915.511.814
Công ty Cổ phần PVI	108.780.305.300	13.953.048.824
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	225.497.711.280	74.780.207.370
Tổng Công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD)	13.432.008.532	602.484.415
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	13.605.479.135	17.560.335.352
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	10.814.021.062	12.260.249.561
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam	5.408.934.288	1.462.314.427
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu Khí - CTCP	5.160.456.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	3.251.496.415	3.309.512.235
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	1.271.900.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	8.330.024.691
Viện Dầu khí Việt Nam	-	312.980.705
Công đoàn Dầu khí Việt Nam	-	17.640.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	-	1.100.000.000
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	-	45.257.000
	5.916.123.458.359	**3.696.386.394.090**
Các khoản vay đã trả		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	199.568.519.358	194.657.305.391
Các khoản vay đã nhận		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	49.787.745.286
Cổ tức đã trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.166.021.265.000	326.485.954.200
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	61.123.662.622	68.232.608.348

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	24.988.055.543	19.672.314.273
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	6.781.403.475	-
Liên Doanh Việt – Nga Vietsovpetro	2.100.266.064	45.893.100
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam	1.516.672.105	95.704.205
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật PTSC Thanh Hóa	108.900.000	108.900.000
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	19.533.730	19.533.730
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	2.475.000
	35.514.830.917	**19.944.820.308**
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ Thuật khoan Dầu khí	5.745.564.576	710.160.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	4.860.607.417	4.860.607.417
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam	1.328.053.482	-
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	385.794.198	31.783.021.069
Công ty CP Chứng Khoán Dầu Khí - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	107.107.515	107.107.515
	12.427.127.188	**37.460.896.001**
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam	114.209.081.543	115.630.049.443
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	110.093.267.289	110.143.267.289
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	515.945.205	29.589.041
	224.818.294.037	**225.802.905.773**
Phải trả người bán ngắn hạn		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	468.425.781.017	330.013.157.891
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	42.281.377.789	15.728.559.939
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ Thuật khoan Dầu khí	32.969.850.656	-
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	28.806.646.742	10.407.772.890
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	3.282.822.308	4.853.381.597
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	2.719.205.271	2.719.205.271
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	1.976.260.944	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	171.661.680	304.105.995
Công ty Cổ phần PVI	125.617.477	1.400.992.856
Viện Dầu khí Việt Nam	43.200.000	34.993.614
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam	-	727.925.000
Công ty CP Chứng Khoán Dầu Khí - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	-	11.000.000
	580.802.423.884	**366.201.095.053**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Cổ phần PVI	66.625.000	448.586.028
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	236.207.356	238.682.356
	302.832.356	**687.268.384**
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	469.082.932.421	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	124.108.320.518	66.436.088.191
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	25.736.073.137	25.870.992.080
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	14.923.265.513	45.559.641.063
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Việt Nam	-	273.000.000
	633.850.591.589	**138.139.721.334**
Vay và nợ thuê tài chính		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	707.152.179.119	900.602.139.369

MẪU SỐ B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

Tổng thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Hoàng Trọng Dũng	Chủ tịch HĐQT	1.738.033.235	799.205.455
Ông Lê Cự Tân	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	2.003.173.733	1.735.123.131
Ông Dương Trí Hội	Thành viên HĐQT	1.740.705.755	1.517.014.616
Ông Trịnh Văn Khiêm	Thành viên HĐQT	1.582.343.345	1.076.096.910
Ông Louis T.Nguyen	Thành viên HĐQT không chuyên trách	192.000.000	238.705.118
Ông Tạ Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	1.447.297.476	1.003.602.682
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc	1.740.705.755	1.517.014.616
Bà Trần Thị Phương Thảo	Phó Tổng Giám đốc	1.740.705.755	1.517.014.616
Bà Lê Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	1.741.165.755	1.504.649.153
Ông Cao Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	1.632.079.997	1.376.066.356
Ông Đào Văn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	1.598.276.612	1.158.620.036
Ông Huỳnh Kim Nhân	Trưởng ban Kiểm soát	1.740.705.755	1.517.014.616
Ông Lê Vinh Văn	Thành viên ban Kiểm soát	1.438.465.302	1.247.905.619
Ông Lương Phương	Thành viên ban Kiểm soát không chuyên trách	128.000.000	206.877.767
Ông Võ Ngọc Phương	Kế toán trưởng	1.576.923.395	1.369.847.515
		22.040.581.870	**17.784.758.206**

37. CAM KẾT BẢO LÃNH

Nghĩa vụ cam kết bảo lãnh các khoản vay vốn trung và dài hạn của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam ("VNPOLY")

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có nghĩa vụ cam kết bảo lãnh các khoản vay vốn trung và dài hạn của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam ("VNPOLY") - Công ty liên kết của Tổng Công ty mà Tổng Công ty đã ký với Tập đoàn.

38. THÔNG TIN CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các khoản tiền và tương đương tiền do Tổng Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng của Tổng Công ty tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Dương) có số dư 284.000.000.000 VND đang bị hạn chế sử dụng. Theo Công văn số 5351/2016/CV-OCEANBANK ngày 04 tháng 10 năm 2016, Công văn số 60/2018/CV-OCEANBANK ngày 28 tháng 12 năm 2018 và Công văn số 76/2020/CV-OJB-CNHCM ngày 12 tháng 8 năm 2020, Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương cam kết sẽ thực hiện việc chi trả tiền gửi của khách hàng theo lộ trình chi trả trong đề án tái cơ cấu ngân hàng đang trình Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ phê duyệt. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ thu hồi được trong tương lai theo cam kết nêu trên của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

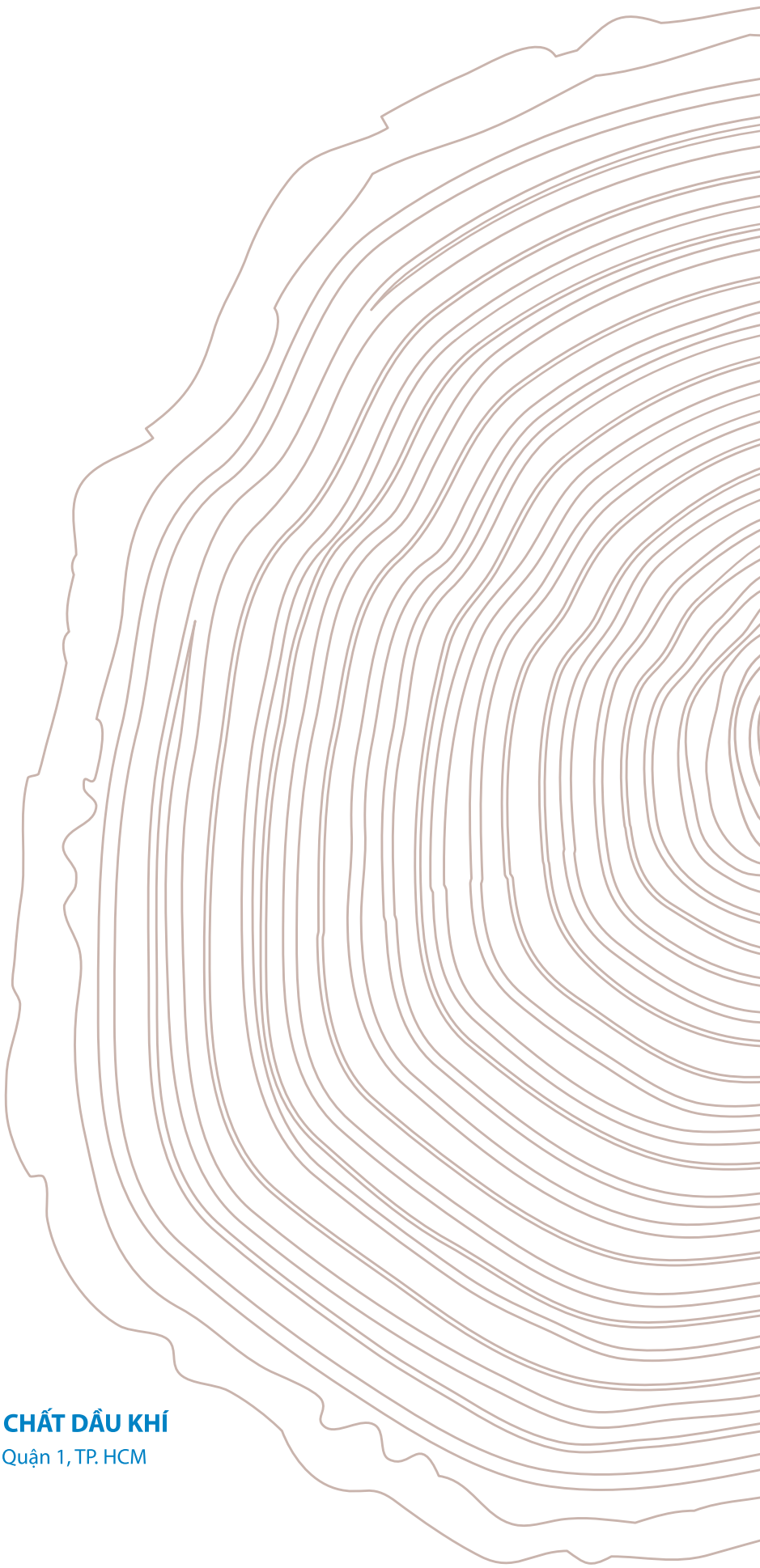
39. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 03 tháng 02 năm 2023, Tổng Công ty đã công bố chi tạm ứng cổ tức đợt 1 từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 là 1.565.600.000.000 VND (4.000 VND/cổ phiếu) theo Nghị quyết số 55/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty. Ngày chốt quyền nhận cổ tức và ngày thanh toán cổ tức trong quý I năm 2023.

Trần Xuân Thảo Người lập biểu	Võ Ngọc Phương Kế toán trưởng	Lê Cự Tân Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2023

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ, phiên bản Báo cáo thường niên trực tuyến xin vui lòng xem tại website của Tổng công ty: **www.dpm.vn**



TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ

Địa chỉ: 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM

Tel: (84.028) 3825 6258

Fax: (84.028) 3825 6269

Website: www.dpm.vn